

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Số: 314/BSC-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018
Hanoi, April 12th, 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGDCK

INFORMATION DISCLOSURE ON THE WEBSITES OF THE STATE SECURITIES COMMISSION OF
VIETNAM AND STOCK EXCHANGES

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Hanoi Stock Exchange

Công ty/Company: Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BIDV Securities Joint Stock Company

Mã chứng khoán/Securities Code: BSI

Trụ sở chính/Headquarter: Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại/Telephone: 024.393.52722

Fax: 024.222. 00669

Người thực hiện công bố thông tin:
Disclosed by Ông Đỗ Huy Hoài
Mr Do Huy Hoai

Địa chỉ/Address: Tầng 10, 11 Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Floor 10, 11, BIDV Tower, 35 Hang Voi, Hoan Kiem, Hanoi

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Type of disclosed information: 24h 72h Request Extraordinary Periodic


Nội dung công bố thông tin:
Content: Báo cáo thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam 2017
2017 Annual Report of BIDV Securities Joint Stock Company

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/4/2018 tại đường dẫn: <https://www.bsc.com.vn/News/NewsDetail/606300>

Such information was disclosed on the website of the company on April 12th, 2018 at:
<https://www.bsc.com.vn/News/NewsDetail/606332>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the above published information is true and take all legal responsibilities for the contents of the information published.



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ HUY HOÀI



20
17

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT 2017



MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN VỀ BSC	11	C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2017	53
I. Tầm Nhìn, Sứ Mệnh Và Giá Trị Cốt Lõi	12	I. Phân tích tổng quan	56
II. Các Hoạt Động Kinh Doanh Chính	14	1. Kinh tế vĩ mô	56
III. Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển	16	2. Thị trường chứng khoán	64
IV. Các Thành Tựu Đã Đạt Được	18	II. Tổng quan hoạt động kinh doanh BSC	70
V. Chỉ Số Tài Chính Nổi Bật	20	III. Chi tiết các hoạt động kinh doanh	74
B. QUẢN TRỊ CÔNG TY	23		
I. Mô Hình Tổ Chức Nhân Sự	26	D. KẾ HOẠCH	83
II. Hội Đồng Quản Trị	28	I. Triển vọng thị trường 2018	86
1. Cơ cấu hội đồng quản trị	30	II. Mục tiêu và kế hoạch tài chính 2018	90
2. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị	32	III. Định hướng hoạt động từng khối	92
3. Báo cáo của hội đồng quản trị	32		
4. Ban Kiểm soát	40	E. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017	95
5. Báo cáo của ban Kiểm soát	42	I. Chiến lược phát triển bền vững tại BSC 2017 - 2020	98
6. Ban Điều hành	44	II. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững và mức độ đáp ứng của BSC	99
7. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	45	III. Đánh giá hoạt động trong năm 2017	102
III. Cơ Cấu Cổ Đông	48	IV. Gắn kết phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp	112
1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48	V. Tăng cường trách nhiệm xã hội	122
2. Công ty con, công ty liên kết	51	VI. Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả	126
		J. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	133

Thông điệp Của Tổng Giám Đốc

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác của BSC.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác đã đồng hành cùng công ty trong năm 2017 nói riêng và trong suốt 18 năm hình thành và phát triển của công ty.

Tự hào là một trong hai công ty chứng khoán thành lập đầu tiên trên thị trường, trải qua những biến cố thăng trầm cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, BSC đã xây dựng được một thương hiệu uy tín trên thị trường với bề dày kinh nghiệm trong các mảng hoạt động dịch vụ môi giới và tư vấn tài chính. Với đội ngũ nhân viên trẻ năng động có trình độ chuyên môn sâu, nhiệt huyết và đảm bảo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chúng tôi luôn cam kết mang đến những sản phẩm tài chính đa dạng, linh hoạt, cạnh tranh, tối ưu và mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

Năm 2017 được đánh giá là một năm thành công lớn cho nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam. Các chỉ số thị trường được cải thiện đáng kể và xác lập các mốc kỉ lục trong nhiều năm trở lại đây. Nền tảng kinh tế vĩ mô dần được thiết lập vững chắc với tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, môi trường kinh doanh tăng hạng vượt bậc lên vị trí 68/190 nền kinh tế. Việt Nam đang ngày càng thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế lớn trên thế giới, tạo động lực tăng trưởng bền vững cho kinh tế trong nước. Thị trường chứng khoán đạt mức thanh khoản kỉ lục với giá trị giao dịch bình quân trên 5.000 tỷ đồng/phiên, lọt top 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất thế giới và đứng đầu khu vực châu Á. Các đợt thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và IPO các doanh nghiệp lớn trên sàn trong 2 tháng cuối năm 2017 đã tạo động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho thị trường chứng khoán Việt Nam, mang lại những kết quả tích cực cho các nhà đầu tư nhanh nhạy nắm bắt các cơ hội trên thị trường.

Trong bối cảnh thuận lợi của môi trường kinh doanh 2017, Hội đồng quản trị BSC đã bám sát chủ trương chỉ đạo được phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, tận dụng tốt các cơ hội trên thị trường trên cơ sở kiểm soát rủi ro chặt chẽ, mức lợi nhuận trước thuế năm 2017 BSC đạt 207,7 tỷ đồng, vượt 151,6% mức kế hoạch được phê duyệt, tăng trưởng 65% so với năm 2016. Mặc dù mức thị phần môi giới cổ phiếu chưa đạt mức kế hoạch đề ra nhưng hoạt động môi giới công ty vẫn nỗ lực giữ được vị thế TOP 8 trên sàn HNX và TOP 8 trên sàn HOSE trong điều kiện thị trường có nhiều giao dịch thỏa thuận đột biến của các



khách hàng tổ chức lớn, không phải là đối tượng khách hàng là thế mạnh của BSC. Thị phần môi giới trái phiếu tiếp tục giữ vững vị trí TOP 1 trên sàn HNX từ năm 2013 đến nay. Ngoài việc hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh trong năm 2017, BSC là một trong những thành viên tích cực trên thị trường, tiên phong trong việc cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh đồng thời chủ động đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng nhân sự và các công tác chuẩn bị đảm bảo đáp ứng tối đa các điều kiện cần thiết về vốn cho việc cung cấp sản phẩm chứng quyền có bảo đảm trong năm 2018 cho nhà đầu tư thông qua việc hoàn thành tăng vốn lên mức 1.076 tỷ đồng.

Những kết quả đạt được trên, đã khả định được những bước đi đúng đắn, kiên định của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty trong định hướng phát triển của BSC cho giai đoạn thị trường bước vào chu kì phát triển mới. Với định hướng phát triển kinh doanh bền vững, ổn định, đảm bảo kết quả kinh doanh hiệu quả song song với quá trình tái cơ cấu mạnh mẽ các hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện bộ máy tổ chức và củng cố sức mạnh hệ thống, BSC đã đặt từng viên gạch vững chắc trên bước đường hướng tới quay trở lại vị thế TOP đầu trên thị trường. Một lần nữa, thay mặt Hội đồng quản trị và toàn thể cán bộ nhân viên công ty, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý vị cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành với BSC trong thời gian qua và trong các chặng đường phát triển tiếp theo.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Ý nghĩa
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BĐS	Bất động sản
BIDV	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BKS	Ban Kiểm soát
BSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
CBNV	Cán bộ nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CP/CCQ	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTCK	Công ty chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại Hội đồng Cổ đông
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED	Cục dự trữ liên bang Mỹ
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GSO	Tổng cục thống kê
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IB	Ngân hàng đầu tư
IPO	Phát hành lần đầu ra công chúng
KHKD	Kế hoạch kinh doanh
KPI	Chỉ số hiệu suất cốt yếu
M&A	Mua bán và sáp nhập
NĐT	Nhà đầu tư
NSNN	Ngân sách nhà nước
QTRR	Quản trị rủi ro
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TTCK	Thị trường chứng khoán
TVĐT	Tư vấn đầu tư
TVTC	Tư vấn tài chính
UBCK	Ủy ban chứng khoán
USD	Đồng đô la Mỹ
VNĐ	Việt Nam Đồng
VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán
XNK	Xuất nhập khẩu

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tên viết tắt: **BSC**

Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số: Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/4/2011; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/GPĐC-UBCK do UBCKNN ngày 12 tháng 12 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 19 tháng 07 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 27 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ: 976.374.350.000 VND

Vốn chủ sở hữu: 1.209.400 triệu đồng

Trụ sở chính: Tầng 1, tầng 10, tầng 11, Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Chi nhánh: Tầng 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 84-24 39352722 / 84-28 38128885

Số fax: 84-24 22200669 / 84-28 38128510

Website: www.bsc.com.vn

Mã cổ phiếu: BSI

Ngành nghề: BSC là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoạt động với đầy đủ các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

Tổng Quan Về BSC

Quản Trị Công Ty

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc Về Kết Quả Hoạt Động 2017

Kế Hoạch Kinh Doanh 2018

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững 2017

Báo Cáo Tài Chính

A. TỔNG QUAN VỀ BSC

I. Tầm Nhìn, Sứ Mệnh Và Giá Trị Cốt Lõi

Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), Công ty vinh dự trở thành Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.

Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm quý báu trong hơn 50 năm qua của hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Ngân hàng Thương mại quốc doanh được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chỉ định làm ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán - sự khai trương và đi vào hoạt động với tư cách là một định chế tài chính trung gian hoạt động đa năng của BSC cũng đánh dấu cho sự khởi đầu cho ngành chứng khoán nói chung và nghề môi giới, đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam nói riêng.

Cuối năm 2010, với định hướng phát triển của BIDV, đồng thời để đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của thị trường, BSC tiến hành cổ phần hóa và đấu giá thành công. Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hiện BSC có một trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mạng lưới đại lý giao dịch trên toàn quốc, với hơn 200 nhân viên làm việc trong cả khối hỗ trợ và khối nghiệp vụ.

Hơn 10 năm qua, với sự hậu thuẫn toàn diện, mạnh mẽ và có hiệu quả của BIDV, bằng nỗ lực tự thân của đội ngũ cán bộ nhân viên, BSC đã không ngừng vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

SỨ MỆNH:

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

TẦM NHÌN:

Cấu trúc lại nền tảng theo hướng phát triển, bền vững. Giữ vững và từng bước nâng cao thứ hạng trong TOP đầu các CTCK, chuẩn bị cơ sở vững chắc để trở thành Ngân hàng Đầu tư.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Được xây dựng trên 3 trụ cột: Chất lượng nhân sự, Văn hóa doanh nghiệp, Hạ tầng công nghệ.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN:

BSC đặt ra yêu cầu tăng trưởng bứt phá khỏi mức bình quân ổn định của thị trường và độc lập tương đối với diễn biến lên xuống của thị trường, khẳng định thương hiệu khác biệt, hướng tới vị trí dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, gia tăng lợi nhuận bền vững, là nơi hội tụ của chuyên gia chứng khoán, đoàn kết toàn thể cán bộ Công ty tạo nên sức mạnh thực hiện mục tiêu chung.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Được xây dựng trên 3 trụ cột: Chất lượng nhân sự, Văn hóa doanh nghiệp, Hạ tầng công nghệ. Chiến lược phát triển dài hạn: BSC đặt ra yêu cầu tăng trưởng bứt phá khỏi mức bình quân ổn định của thị trường và độc lập tương đối với diễn biến lên xuống của thị trường, khẳng định thương hiệu khác biệt, hướng tới vị trí dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, gia tăng lợi nhuận bền vững, là nơi hội tụ của chuyên gia chứng khoán, đoàn kết toàn thể cán bộ Công ty tạo nên sức mạnh thực hiện mục tiêu chung.

II. Các Hoạt Động Kinh Doanh Chính

1. Dịch vụ chứng khoán

Dịch vụ giao dịch chứng khoán:

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.
- Đặt lệnh với các phương thức giao dịch thuận tiện: đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua web.
- Đặt lệnh đấu thầu trái phiếu chính phủ.
- Dịch vụ đại lý đấu giá.
- Phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Dịch vụ tài chính

- Dịch vụ ký quỹ.
- Dịch vụ ứng trước tiền bán.

Dịch vụ đăng ký lưu ký và thanh toán trái phiếu

- Lưu giữ thông tin và danh sách trái chủ.
- Chuẩn bị danh sách trái chủ cho các sự kiện của Tổ chức phát hành và hội nghị người sở hữu trái phiếu.
- Quản lý chuyển nhượng trái phiếu.
- Chốt danh sách, xác định lãi suất và chi trả cổ tức cho các trái chủ.

2. Tư vấn đầu tư

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tái cấu trúc danh mục.
- Tư vấn chiến lược giao dịch.
- Tìm kiếm, bảo mật và thực hiện các deal giao dịch lớn.
- Quản lý tài sản cá nhân.
- Cung cấp báo cáo phân tích hàng ngày, định kỳ hoặc đột xuất theo biến động của thị trường tài chính.

3. Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn cổ phần hóa.
- Tư vấn niêm yết.
- Tư vấn thu xếp nguồn vốn.
- Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Tư vấn M&A.

4. Đầu tư

- Tự doanh cổ phiếu.
- Tự doanh trái phiếu.

III. Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

1999

BSC

Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần.

2010



Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

2011

BSI



BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả hai Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh). Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2013



Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là thương vụ như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.

2014 & 2015



Vươn lên vị trí TOP 7 trên sàn HOSE, TOP 9 sàn UPCOM các CTCK có thị phần môi giới CP/CCQ lớn nhất, đồng thời, tiếp tục giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới trái phiếu chính phủ sàn HNX. Nâng tổng mức vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp nghiệp vụ chứng khoán phái sinh.

2016



Trở thành một trong 7 CTCK đầu tiên tham gia cung cấp dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai. Hoàn thành các thủ tục cần thiết chuẩn bị nâng vốn điều lệ lên 1076 tỷ đồng, sẵn sàng tham gia thị trường chứng quyền có đảm bảo với vai trò là nhà phát hành.

2017

IV. Các Thành Tựu Đã Đạt Được

Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).

2005



Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.

2009



Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.

2010



Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.

2011



Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009 - 2013

Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.

Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh Top 3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP 5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014

Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP 5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014

2014



- Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.
- Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.
- Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đấu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương.
- Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh năm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình.

2015



- Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2016” do tạp chí World Finance bình chọn.
- Được tạp chí CFI – một tạp chí uy tín về tài chính của Anh - bình chọn là Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2016.
- Được Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.

2016



- Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2017” do tạp chí World Finance bình chọn.
- Được HNX trao kỷ niệm chương “Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017” và “Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên”.
- Được VSD tuyên dương là “Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đầu tiĐnÓ.

2017

V. Chỉ Số Tài Chính Nổi Bật

Kết quả hoạt động kinh doanh (Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% yoy
Doanh thu hoạt động	412.893	566.870	37%
Chi phí hoạt động	(153.489)	(210.986)	37%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.228	2.626	-38%
Chi phí tài chính	(55.878)	(55.091)	-1%
Chi phí quản lý	(75.714)	(95.551)	26%
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG	132.040	207.867	57%
Thu nhập khác và chi phí khác	(25)	(98)	288%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	132.015	207.769	57%
Chi phí thuế	(11.594)	(32.797)	183%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	120.421	174.973	45%

Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% yoy
Tổng tài sản	1.451.977	2.345.976	62%
1. Tài sản ngắn hạn	1.368.087	2.248.135	64%
2. Tài sản dài hạn	83.889	97.841	17%
Tổng nguồn vốn	1.451.977	2.345.976	62%
1. Nợ phải trả	462.707	1.136.576	146%
2. Vốn chủ sở hữu	989.270	1.209.400	22%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% yoy
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,96	1,98	-33%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,32	0,48	52%
- Hệ số Nợ/Tổng vốn chủ sở hữu	0,47	0,94	101%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	0,29	0,31	6%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,08	0,07	-10%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,12	0,14	19%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.290	1.874	45%
- Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.132	13.405	32%

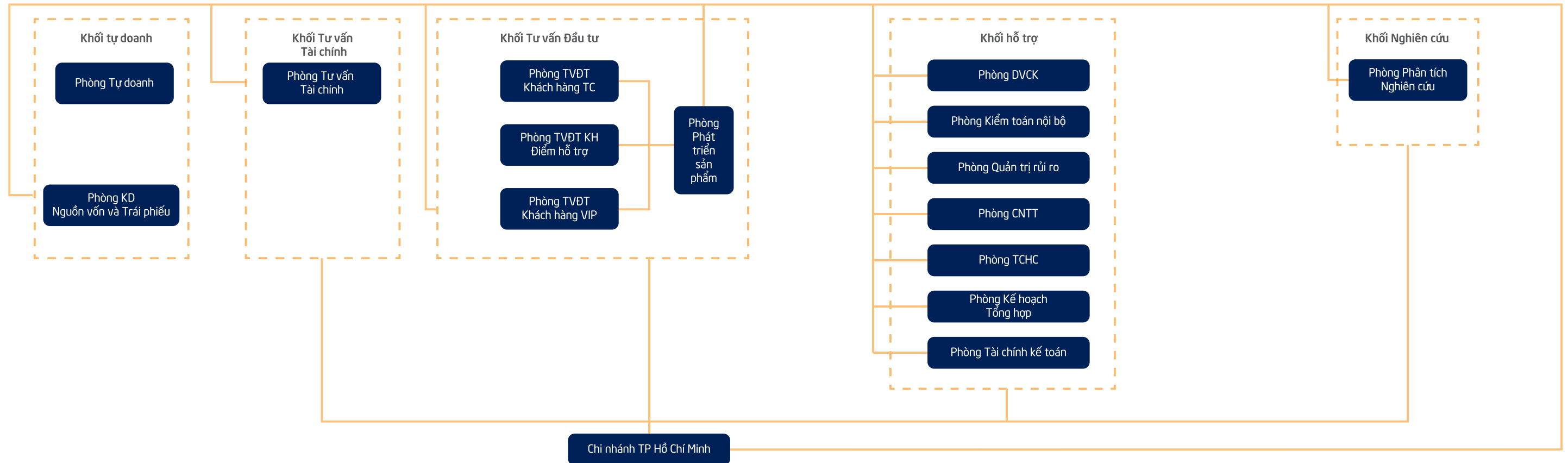
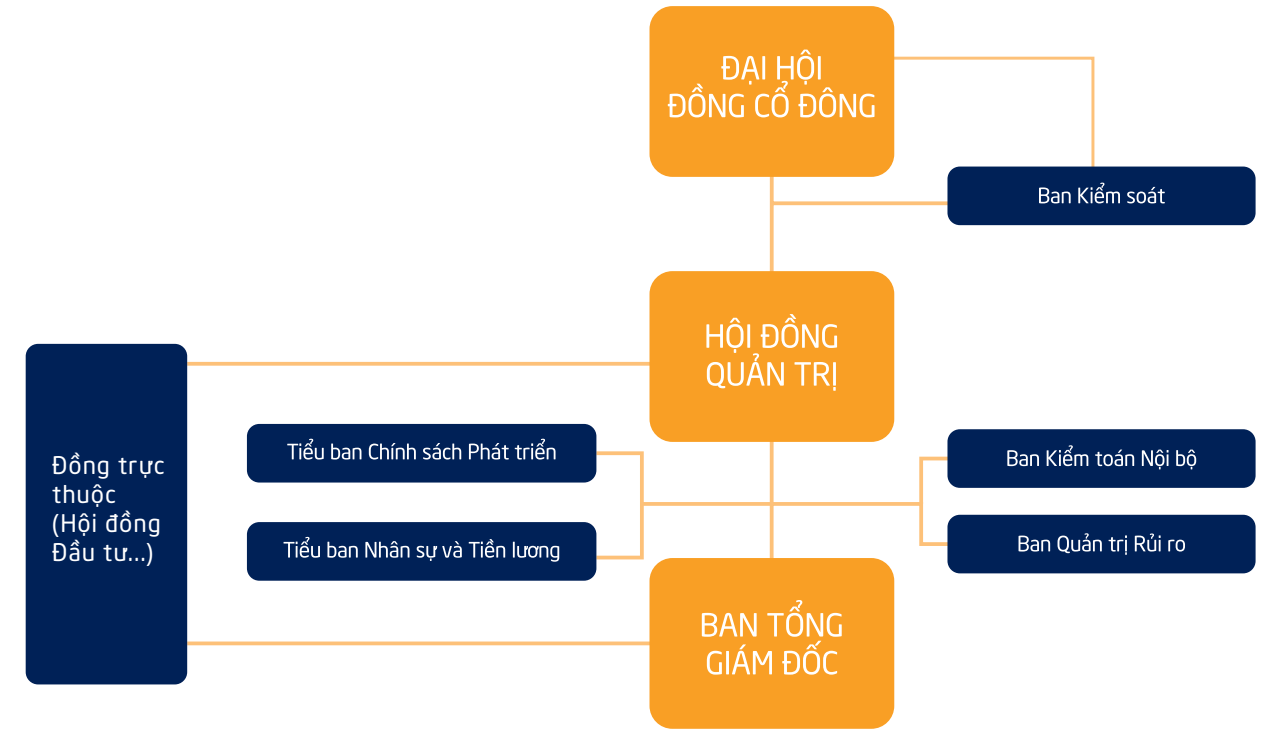
B. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tự tin - điều kiện để làm
những việc lớn lao



Là một trong các công ty chứng khoán đầu tiên gia nhập thị trường, BSC hoạt động với tôn chỉ luôn luôn tiên phong trong việc cung cấp các sản phẩm mới. Tin rằng, sự tiên phong sẽ đem lại các thành quả lớn lao.

I. Mô Hình Tổ Chức Nhân Sự



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty như sau:

Phòng tư vấn tài chính: Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.

Khối phòng Tư vấn đầu tư: Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ của Công ty và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư.

Phòng Phát triển sản phẩm: Xây dựng chính sách khách hàng cho nghiệp vụ môi giới, xây dựng, đề xuất nâng cấp, cải tiến sản phẩm môi giới, quản lý dữ liệu các sản phẩm môi giới của Công ty.

Phòng Tự doanh: Triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết, chưa niêm yết theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty; Triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn thành lập công ty, góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Phòng Kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu: Triển khai các kênh huy động vốn, thực hiện các sản phẩm đầu tư tiền gửi, quản lý chi phí vốn đầu ra và đầu vào của Công ty; Tìm kiếm, đánh giá, phân tích, thẩm định và đề xuất các cơ hội đầu tư trái phiếu, quản lý theo dõi danh mục đầu tư và thực hiện các giao dịch mua bán trái phiếu.



Phòng Phân tích - Nghiên cứu: Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.

Phòng Tổ chức hành chính: Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

Phòng Quản trị rủi ro: gồm hai bộ phận: Quản trị rủi ro và Pháp chế. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của các phòng tại Hội sở và Chi nhánh, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống; Bộ phận Pháp chế có chức năng tham mưu những vấn đề pháp lý, chế độ liên quan đến hoạt động của Công ty, tư vấn/hỗ trợ/tham vấn/phối hợp tham gia về mặt pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị nghiệp vụ Công ty cung cấp cho các khách hàng/đối tác; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác giải quyết tranh chấp tại Công ty.

Phòng Tài chính kế toán: Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.

Phòng Kiểm soát nội bộ: Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan, đồng thời kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty.

Phòng Kế hoạch tổng hợp: Quản lý kế hoạch kinh doanh và tổng hợp báo cáo, kinh doanh nguồn vốn cho Công ty, truyền thông, PR cho công ty.

Phòng dịch vụ chứng khoán: Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...

Phòng Công nghệ thông tin: Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của BSC.

II. Hội Đồng Quản Trị

1. Cơ cấu hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Ông ĐOÀN ÁNH SÁNG

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
Sinh năm 1961

Quá trình công tác:

- Công tác tại BIDV từ năm 1983 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV
- Được bầu làm chủ tịch HĐQT BSC từ ngày 26/7/2014
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%
- Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 35,25%

Phó Chủ Tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc



Ông ĐỖ HUY HOÀI

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
Sinh năm 1963

Quá trình công tác:

- Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC.
- Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024%
- Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,44%

Ủy Viên HĐQT



Ông LÊ NGỌC LÂM

Thạc sỹ Kinh tế
Sinh năm 1975

Quá trình công tác:

- Công tác tại BIDV từ tháng 10/1997 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV
- Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 11/04/2014.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%
- Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 13,22 %

Ủy Viên HĐQT



Ông NGUYỄN THIỀU SƠN

Thạc sỹ Tài chính - Ngân Hàng
Sinh năm 1975

Quá trình công tác:

- Công tác tại BIDV và các Công ty thuộc BIDV từ năm 1997, hiện đang là Tổng giám đốc công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn BIDV - SuMi TRUST.
- Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 18/11/2015.
- Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%
- Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 13,22 %

2. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Tiểu Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty đã được thành lập vào ngày 04/08/2017 theo Nghị quyết số 580/NQ-BSC.

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu Ban quản trị rủi ro của BSC được giao cho 01 thành viên HĐQT chuyên trách mà không thành lập riêng tiểu ban.

3. Báo cáo của hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty trong năm 2017

Trong năm 2017, kinh tế vĩ mô Việt Nam được cải thiện đáng kể, thị trường xác lập các mốc kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Tăng trưởng GDP năm 2017 cao hơn năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế, đạt 6.81%, vượt kế hoạch đề ra 6,7%. Nền tảng kinh tế vĩ mô đang dần được thiết lập vững chắc, lạm phát năm 2017 ước tăng khoảng 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5%. Môi trường kinh doanh được cải thiện vượt bậc, tăng 14 bậc từ 82 lên 68/190 nền kinh tế. Số lượng các doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên 125,000 doanh nghiệp, đạt kỷ lục và tăng gần 20% so với năm 2016. Nguồn vốn FDI đăng ký và giải ngân năm 2017 xác lập kỷ lục ở mức 30.3 và 17.5 tỷ USD, tạo động lực tăng trưởng quan trọng cho nền kinh tế Việt Nam.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 có mức độ tăng trưởng đột biến, thuộc Top 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất thế giới và đứng đầu khu vực châu Á. Hai chỉ số thị trường liên tiếp xác lập vùng giá cao mới, vượt đỉnh 10 năm trở lại đây. Xu hướng tăng điểm rất mạnh mẽ khi VN-index có 10/12 tháng tăng điểm với các nhịp điều chỉnh diễn ra ngắn với cường độ thấp đem lại mức lợi nhuận cao cho các nhà đầu tư.

Trong bối cảnh chung của môi trường kinh doanh năm 2017, BSC đã bám sát chủ trương chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty, linh hoạt ứng phó với diễn biến của thị trường, chủ động và nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hầu hết các mảng hoạt động kinh doanh đều đạt hoặc vượt kế hoạch kinh doanh đề ra đầu năm. Một số kết quả nổi bật như sau:

- Thị phần môi giới cổ phiếu năm 2017 đạt mức 3.72%, thị phần môi giới cổ phiếu lọt TOP 8 trên sàn HOSE và sàn HNX.
- Thị phần môi giới trái phiếu chính phủ của BSC tiếp tục duy trì được vị trí đứng đầu sàn HNX.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 207.7 tỷ đồng, đạt 224% kế hoạch năm.
- Đội ngũ phân tích BSC cũng đã đạt được nhiều giải thưởng tại Cuộc bình chọn “Asiamoney Brokers Poll 2017” - Cuộc bình chọn có uy tín lớn trên thế giới.
- BSC là 1 trong 05 công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh trong năm 2017.

Bên cạnh việc kinh doanh ổn định và bám sát kế hoạch mục tiêu năm, BSC tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Năm 2017, BSC đã nâng quy mô vốn điều lệ lên mức 1076 tỷ đồng thông qua 01 đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức và 01 đợt phát hành cổ phiếu mới ra công chúng qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho BSC, đáp ứng các điều kiện về vốn để cung cấp sản phẩm “chứng quyền có bảo đảm” dự kiến sẽ vận hành vào năm 2018. Các công tác chuẩn hóa nâng cao năng lực đội ngũ, mô hình tổ chức tiếp tục được chú trọng. BSC đã hoàn thành xây dựng cơ chế lương mới cạnh tranh với thị trường, đẩy mạnh công tác tuyển dụng

nhân sự chất lượng cao đồng thời tiếp tục hoàn thiện các quy chế đánh giá cán bộ và xây dựng khung năng lực cốt lõi nhằm thu hút và giữ chân nhân sự.

Bên cạnh việc nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh như kỳ vọng, BSC luôn chủ động tham gia vào các hoạt động từ thiện tình nguyện đóng góp cho việc phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói riêng và kinh tế xã hội môi trường Việt Nam nói chung. Cụ thể, từ năm 2015 đến nay, BSC liên tục là nhà đồng hành với cuộc thi Go Finance đóng vai trò cầu nối giữa các bạn sinh viên trẻ và các doanh nghiệp hoạt động trong TTCK Việt Nam. Cuộc thi đã thu hút mối quan tâm từ đông đảo các sinh viên có đam mê với ngành tài chính và được đánh giá có sức lan tỏa lớn đến cộng đồng và xã hội. Năm 2017, BSC đã tổ chức thực hiện một số các chương trình hỗ trợ bà con có hoàn cảnh khó khăn trong đó nổi bật là các hoạt động tình nghĩa được tổ chức tại các tỉnh vùng xa xôi như chương trình từ thiện “Ninh Hòa chung tay vượt bão” được tổ chức tại tỉnh Khánh Hòa, chương trình từ thiện đến trường tiểu học Kha Hạ tỉnh Lạng Sơn, chương trình tri ân anh hùng thương binh liệt sĩ 27/07.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2017

Tổng kết các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, nhằm thông qua những vấn đề lớn trong hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục duy trì các cuộc họp với sự tham gia của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và một số cán bộ chủ chốt trong Công ty. Các cuộc họp của HĐQT nhằm mục tiêu bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của BSC phù hợp với biến động của thị trường. Theo đó, HĐQT đã tổ chức bảy (07) cuộc họp tập trung và hai mươi hai (22) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT trong năm 2017

Phiên họp	Ngày	Số thành viên tham dự	Nội dung
1	22/02/2017	04	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hàng Xanh
2	29/05/2017	04	Phê duyệt kế hoạch mua sắm gói dịch vụ kiểm toán năm 2017
3	19/07/2017	04	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ
4	31/07/2017	04	Thảo luận về phương án tăng vốn Điều lệ cho BSC năm 2017
5	04/08/2017	04	Thành lập chính thức Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và đề xuất bổ nhiệm nhân sự thuộc Ban kiểm toán nội bộ
6	09/08/2017	04	Vay vốn tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP HCM
7	29/11/2017	04	Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex- Chi nhánh Hà Nội



Các cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT trong năm 2017

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	022A/NQ-HĐQT	13/01/2017	Điều chỉnh lương chức danh định kỳ năm 2016
2	028/QĐ-BSC	18/01/2017	Trích lương hiệu suất cao năm 2016 của Công ty BSC
3	045/NQ-BSC	25/01/2017	Nâng hạn mức phân cấp ủy quyền cho Ban điều hành về Giao dịch Trái phiếu Chính phủ
4	215/NQ-BSC	10/03/2017	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
5	379/NQ-HĐQT	26/06/2017	Phê duyệt kế hoạch đào tạo năm 2017
6	477/QĐ-BSC	19/07/2017	Giao nhiệm vụ Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
7	588/QĐ-BSC	08/08/2017	Ban hành Quy định thu chi nội bộ
8	613/QĐ-BSC	16/08/2017	Phê duyệt Đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
9	627/NQ-BSC	25/08/2017	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
10	640/QĐ-BSC	06/09/2017	Ban hành Quy chế tài chính
11	705/QĐ-BSC	27/09/2017	Thuê đặt hệ thống máy chủ giao dịch trực tuyến tại HOSE
12	771/NQ-BSC	05/10/2017	Thông qua phương án chi tiết và kế hoạch triển khai phát hành cổ phiếu tạm ứng cổ tức năm 2017
13	774/2017/NQ/HĐQT-BSC	05/10/2017	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu
14	836/QĐ-BSC	16/10/2017	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
15	837/QĐ-BSC	16/10/2017	Phê duyệt lựa chọn Giải pháp hệ thống cho nghiệp vụ Tạo lập thị trường và Phát hành chứng quyền
16	865/QĐ-BSC	27/10/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ (Phó Tổng Giám đốc)
17	877/QĐ-BSC	31/10/2017	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2017
18	878/QĐ-BSC	31/10/2017	Thông qua việc chấm dứt hợp đồng lao động và thôi giữ chức vụ đối với bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
19	879/QĐ-BSC	31/10/2017	Chấm dứt Hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân đối với bà Trần Thị Thu Thanh - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
20	907/QĐ-BSC	23/11/2017	Phê duyệt kế hoạch đào tạo năm 2018
21	908/QĐ-BSC	24/11/2017	Trích quỹ lương hiệu suất cao năm 2017
22	953/QĐ-BSC	11/12/2017	Phê duyệt kế hoạch mua sắm bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ nhân viên BSC

Nội dung hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

Năm 2017, mỗi thành viên HĐQT BSC đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện bản thân cũng như cải thiện năng lực quản trị, thông qua đó nâng cao chất lượng quản trị BSC phù hợp với quy định hiện hành và tiệm cận thông lệ quốc tế. Nội dung hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Chủ tịch HĐQT



Ông ĐOÀN ÁNH SÁNG

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
- Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị
- Thông qua Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị
- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị trong các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện giám sát, chỉ đạo, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty để hoàn thành các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã thông qua

Phó Chủ Tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc



Ông ĐỖ HUY HOÀI

- Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị
- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền
- Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty
- Chỉ đạo, điều hành hoạt động của một số phòng nghiệp vụ theo phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban điều hành Công ty đến Hội đồng quản trị
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị

Ủy Viên HĐQT



Ông LÊ NGỌC LÂM

- Hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên trong phạm vi thẩm quyền hoạt động của mình
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính, cổ phần hóa, M&A...

Ủy Viên HĐQT



Ông NGUYỄN THIỀU SƠN

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của Hội đồng quản trị cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động đầu tư



Nội dung hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Ngay sau khi thành lập, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện:

- Xây dựng dự thảo Quy chế kiểm toán nội bộ và Kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm 2018 trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tiếp tục cập nhật và xây dựng các quy trình kiểm toán nội bộ đối với các nghiệp vụ Môi giới, Ký quỹ, Tư vấn Tài chính, Công nghệ thông tin và tài chính kế toán.

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu Ban quản trị rủi ro của BSC trong năm 2017 đã thực hiện được những nhiệm vụ sau:

- Soạn thảo và đệ trình HĐQT chính sách quản trị rủi ro bao gồm các thông số đo lường rủi ro và các kế hoạch hành động cho năm tài chính 2017. Chính sách này đã được HĐQT BSC phê duyệt vào tháng 1/2017;
- Gửi báo cáo đánh giá chính sách rủi ro của BSC cho HĐQT định kỳ tháng;
- Gửi các báo cáo đánh giá chính sách rủi ro của BSC cho UBCKNN;
- Phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của tiểu ban Quản trị rủi ro liên quan đầu tư, giao dịch ký quỹ.

Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Trong năm 2017, với các hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã đạt được những kết quả như sau:

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng của Tổng Giám đốc cho các thành viên trong ban Tổng Giám đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao.
- Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và có những biện pháp triển khai những nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị phân quyền, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp hoặc báo cáo bằng các văn bản định kỳ.
- Ban Tổng Giám đốc định kỳ thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Kiểm soát có hiệu quả, thực hiện tốt vai trò quản trị rủi ro trong các mảng hoạt động nghiệp vụ của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và các quy định về kinh doanh chứng khoán.
- Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 3.07% năm 2016, thực hiện tăng vốn điều lệ lên 1076 tỷ đồng và đăng ký thành công giấy phép kinh doanh chứng khoán phái sinh với Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và VSD.
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và đề xuất những vấn đề trọng yếu của Công ty lên Hội đồng quản trị.

Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2018

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị BSC sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững thành quả đã đạt được và nâng cao năng lực cạnh tranh trên phạm vi toàn Công ty. Cụ thể:

- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc tìm kiếm cổ đông chiến lược, từng bước tự chủ tài chính trong điều kiện hội nhập để củng cố và xây dựng vị thế BSC trên thị trường trong nước và khu vực ASEAN;
- Phấn đấu đến năm 2020 BSC trở thành một trong ba công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường về thị phần.
- Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC; thúc đẩy quảng bá thương hiệu;
- Nâng cao năng lực quản trị theo mô hình hoạt động của một công ty chứng khoán hội nhập đầy đủ. Nâng cao kỹ năng, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Lấy mục tiêu mức sống và thu nhập của người lao động làm một trong những mục tiêu điều hành.
- Có cơ chế kiểm soát rủi ro về rủi ro đạo đức nghề nghiệp của nhân sự;

Tham gia các giao dịch tư vấn IPO lớn cho các Doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới, đồng thời quan tâm đến việc mở rộng tư vấn đối với các công ty, dự án FDI. Nghiên cứu thực hiện các giao dịch tư vấn phát hành, niêm yết ra thị trường khu vực và quốc tế trong bối cảnh cộng đồng kinh tế chung ASEAN đang được hình thành.

4. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 1 (2011-2015) lần đầu được ĐHĐCĐ bầu vào ngày 17/12/2010 có 03 thành viên. Các thành viên BKS cũng bầu chức danh Trưởng ban tại cùng ngày. Sau đó tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 31/07/2011, một thành viên BKS xin miễn nhiệm và Đại hội đã bầu bổ sung một thành viên mới. Tiếp đến tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/04/2015, Trưởng Ban Kiểm soát xin miễn nhiệm, Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên mới, cùng ngày BKS họp và bầu Trưởng ban kiểm soát mới. Tiếp đó tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thực hiện bầu BKS mới nhiệm kỳ II (2016-2020) sau khi BKS nhiệm kỳ I (2011-2015) kết thúc nhiệm kỳ, Thành phần Ban kiểm soát tại thời điểm hiện tại như sau:

- Bà Phạm Thanh Thủy: Trưởng BKS
- Bà Hoàng Thị Hương: Thành viên BKS
- Ông Trần Minh Hải: Thành viên BKS



Tên

Thông tin

Bà Phạm Thanh Thủy



Sinh năm 1974
Trưởng Ban Kiểm Soát
Thạc sỹ kinh tế
Công tác tại BIDV từ năm 1995, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV
Được bầu làm trưởng BKS BSC ngày 11/04/2015
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%

Bà Hoàng Thị Hương



Sinh năm 1974
Thành viên Ban kiểm soát
Thạc sỹ kinh tế
Công tác tại BIDV từ năm 1997, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Kiểm tra và giám sát BIDV
Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 17/12/2010
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%

Ông Trần Minh Hải



Sinh năm 1973
Thành viên Ban kiểm soát
Cử nhân Tài chính ngân hàng
Công tác tại BIDV từ năm 1997; công tác tại BSC từ năm 1999 và hiện đang là Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ BSC
Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 31/07/2011
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%

5. Báo cáo của ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Ban Kiểm soát của BSC hoạt động theo hình thức bán chuyên trách. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017 bao gồm:

- Báo cáo cho cổ đông việc giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 trong cuộc họp ĐHCĐ thường niên 2017;
- Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Điều hành trong công tác quản trị đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ BSC;
- Kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 đã được thông qua;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và tỷ lệ an toàn tài chính của công ty.
- Tìm kiếm ứng viên phù hợp cho vị trí Trưởng ban kiểm soát đề trình ĐHCĐ thường niên 2018.
- Tham gia các phiên họp thường kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của công ty.
- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của các nhóm cổ đông lên Ban kiểm soát trong năm: **Không phát sinh.**

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2017:

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp với sự nhất trí của tất cả các thành viên tham gia.

- Tháng 3/2017: Ban kiểm soát thực hiện họp với sự tham gia của 3/3 thành viên: trao đổi đánh giá về dự thảo báo cáo tài chính, báo cáo an toàn vốn khả dụng của BSC năm 2016 do kiểm toán độc lập thực hiện, phân công chuẩn bị các tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông; xây dựng kế hoạch, lịch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2017 và tạm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.
- Tháng 6/2017: Ban Kiểm soát thực hiện tổ chức họp với sự tham gia của 3/3 thành viên, xem xét các nội dung liên quan đến báo cáo kiểm toán soát xét bán niên năm 2017.
- Tháng 12/2017: Ban Kiểm soát tổ chức họp với sự tham gia của 2/3 thành viên, 01 thành viên vắng mặt có lý do, xem xét các nội dung liên quan đến dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của BSC, đánh giá công tác chuẩn bị quyết toán, kiểm toán cuối năm BSC.




Đánh giá kết quả hoạt động trong năm 2017 của BKS và các thành viên BKS

- Trong năm, BKS đã thực hiện đúng chức trách vai trò quyền hạn theo luật định, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty.
- Đáp ứng yêu cầu thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty trong năm thông qua giám sát việc quản lý điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các bộ phận tác nghiệp quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên trong Ban Kiểm soát đã hoàn thành vai trò trách nhiệm trong thực thi kế hoạch mà Ban Kiểm soát đề ra cho từng thành viên trong năm.



6. Ban Điều hành

Tên	Thông tin
Ông Đỗ Huy Hoàì	 <p>Sinh năm 1963 Phó chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc Thạc sỹ Tài chính ngân hàng Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC. Được bầu làm thành viên HĐQT BSC kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 17/12/2010 và tái bổ nhiệm ngày 17/12/2015. Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024% Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,44%</p>
Ông Lê Quang Huy	 <p>Sinh năm 1978 Phó Tổng Giám đốc Cử nhân Tài chính ngân hàng Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 2002. Công tác tại BSC từ năm 2007. Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BSC từ ngày 15/05/2012 và tái bổ nhiệm từ ngày 15/05/2015. Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0000%</p>
Bà Ngô Thị Phong Lan	 <p>Sinh năm 1978 Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ năm 2001 Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 27/10/2014 và tái bổ nhiệm từ ngày 27/10/2017. Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0116%</p>

7. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Theo đó, tổng thù lao thực hiện chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 là **174.000.000 VNĐ** (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng). Đối với các thành viên chuyên trách thì không được hưởng thù lao do đã hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Công ty. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát làm đại diện phần vốn của BIDV tại BSC, thù lao được chuyển về BIDV mà không chuyển vào tài khoản cá nhân.

Phụ cấp tham gia hội họp thực hiện

- Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/lần họp
- Tổng phụ cấp tham gia hội họp thực hiện chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 là 74.000.000 VNĐ (Bảy mươi tư triệu đồng).

a. Thù lao HĐQT và BKS

Thù lao HĐQT và BKS BSC năm 2017 được ĐHCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2017. Trên cơ sở hoạt động thực tế của HĐQT, BKS, Công ty đã thực hiện thanh toán thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC như sau:

Mức thù lao thực hiện

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 60 triệu đồng/năm (5.000.000 đồng/tháng)
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 0 triệu đồng/năm (4.000.000 đồng/tháng)
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 72 triệu đồng/năm (3.000.000 đồng/tháng)
- Trưởng ban Kiểm soát: 30 triệu đồng/năm (2.500.000 đồng/tháng)
- Thành viên Ban Kiểm soát: 12 triệu đồng/năm (1.000.000 đồng/tháng)

b. Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc:

- Năm nay: 8,078,947,988 VND
- Năm trước: 6,329,604,562 VND

c. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU THAY ĐỔI TRONG KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG,...)	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số CP tăng	Số CP giảm	Số lượng	Tỷ lệ		
1	Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc công ty	1	0,000%	0	1	0	0%		
									1	Bán cổ phiếu lô lẻ
2	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	Cổ đông lớn	7.126.932	0,79%	584.091	39.830	7.671.192	0,7857%		
						218.796				Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016, tỷ lệ 3,07%
									39.830	Bán cổ phiếu trên sàn
				365.294				Nhận tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017, tỷ lệ 5%		

Ngoài ra, trong năm BSC cũng thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5% cho các cổ đông. Việc chi trả cổ tức này không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các thành viên có liên quan.

d. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không phát sinh



III. Cơ Cấu Cổ Đông

1. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



a. Cổ phần

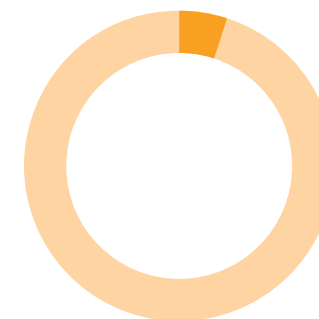
- Tổng số cổ phần: **97.637.435**
- Loại cổ phần: **Phổ thông**
- Mệnh giá: **10.000 VNĐ**
- Số cổ phiếu quỹ: **5.149**
- Số cổ phần đang lưu hành: **97.632.286**
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0**
- Số cổ đông lớn: **2 cổ đông - PYN ELITE FUND và BIDV: chiếm 95.98%**

b. Cơ cấu cổ đông

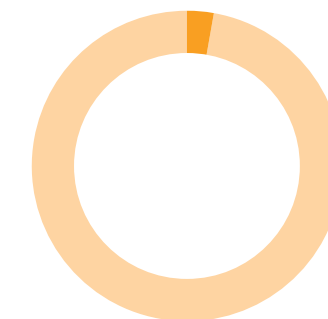
Cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
 Percentage %

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn vs cổ đông nhỏ			
Cổ đông nhỏ	995	3,920,145	4.02%
Cổ đông lớn	1	93,712,141	95.98%
Cổ đông tổ chức vs cá nhân			
Nhà đầu tư cá nhân	969	2,546,055	2.61%
Nhà đầu tư tổ chức	27	95,086,231	97.39%
Cổ đông nước ngoài vs trong nước			
Nhà đầu tư trong nước	933	89,093,258	91.25%
Nhà đầu tư nước ngoài	63	8,539,028	8.75%
Cổ đông nhà nước vs cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	0	0	0.00%
Cổ đông khác	996	97,632,286	99.99%
Cổ phiếu quỹ	0	5,149	0.01%
Tổng	996	97,637,435	100.00%

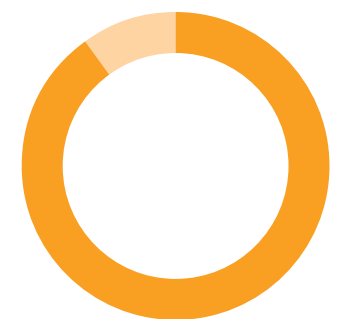
Nguồn: BSC Tổng hợp



■ Cổ đông nhỏ
 ■ Cổ đông lớn



■ Nhà đầu tư tổ chức
 ■ Nhà đầu tư cá nhân



■ Nhà đầu tư nước ngoài
 ■ Nhà đầu tư trong nước

c. Tình hình thay đổi vốn điều lệ trong năm 2017

Để đáp ứng yêu cầu về quy mô vốn điều lệ phù hợp với các nhu cầu hoạt động cung cấp nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, trong năm 2017 BSC đã thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 976 tỷ đồng thông qua hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2016 và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017.

Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức - đợt 1

Vốn điều lệ: **929.884.920.000**

Số cổ phiếu đã phân phối: **2.769.377**

Mệnh giá: **10.000 đồng/Cổ phần**

Mã chứng khoán: **BSI**

Số cổ đông được phân phối: **328**

Ngày đăng ký cuối cùng: 28/06/2017

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu được làm tròn đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ (hàng thập phân) bị hủy bỏ.

Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức - đợt 2

Vốn điều lệ: **976.322.860.000**

Số cổ phiếu đã phân phối: **4.648.943**

Mệnh giá: **10.000 đồng/Cổ phần**

Mã chứng khoán: **BSI**

Số cổ đông được phân phối: **489**

Ngày đăng ký cuối cùng: 03/11/2017

Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu chia cho cổ đông hiện hữu được làm tròn đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ (hàng thập phân) bị hủy bỏ.

d. Thay đổi số lượng cổ phiếu quỹ

STT	Ngày giao dịch	Giá giao dịch (VNĐ)	Số lượng	Mục đích
I		Số dư đầu kỳ	5,135	
II		Tăng trong kỳ	14	
1	10/03/2017	11.070	4	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
2	10/03/2017	11.070	2	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
3	15/03/2017	11.160	1	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
4	11/04/2017	10.800	2	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
5	17/04/2017	10.800	4	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
6	10/05/2017	10.800	1	Giao dịch lô lẻ theo yêu cầu khách hàng
III		Giảm trong kỳ	-	
IV		Số dư cuối kỳ	5.149	

2. Công ty con, công ty liên kết: không có



C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2017

Vững bước -
Thận trọng quan sát,
kiên quyết vững vàng



Luôn kiên định với các nguyên tắc quản trị rủi ro an toàn nhưng không kém phần linh hoạt để nắm bắt các cơ hội từ thị trường. Năm 2017, BSC tiếp tục chú trọng xây dựng nền tảng phát triển bền vững, đồng thời, nhanh chóng nắm bắt các cơ hội để gặt hái được thành quả lớn.

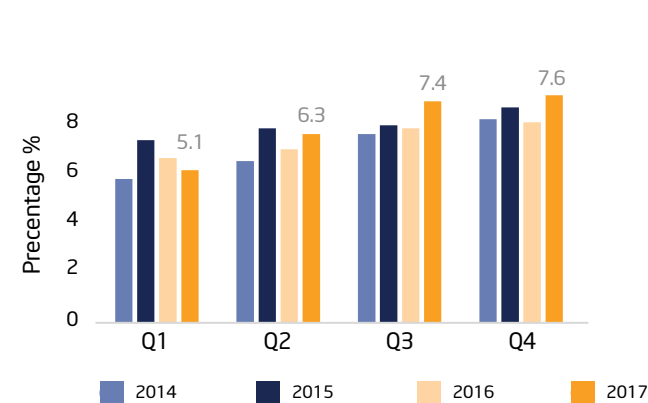
I. Phân Tích Tổng Quan

1. Kinh tế vĩ mô

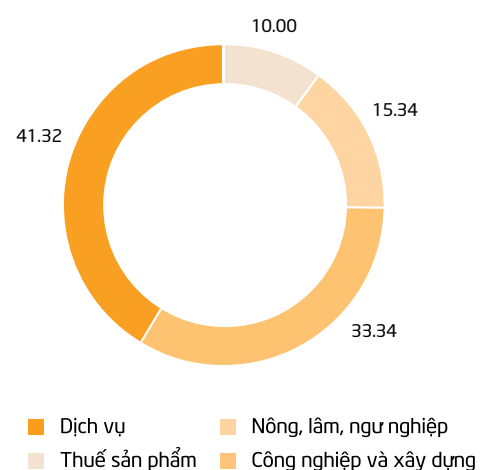
Tăng trưởng kinh tế

- GDP Q42017 tăng trưởng 7.65%, cả năm đạt 6.81%.
- Chỉ số IIP năm 2017 tăng trưởng mạnh hơn năm 2016 và gần hồi phục về giá trị năm 2015 do ngành chế biến chế tạo tăng trưởng mạnh.
- Khả năng tiêu thụ tiếp tục giữ ở mức tích cực, lưu ý một số ngành có tỷ lệ tồn kho giảm.
- Doanh số bán lẻ tăng trưởng tốt do yếu tố giá và sức mua đều tăng điểm.

GDP qua các năm
Percentage %

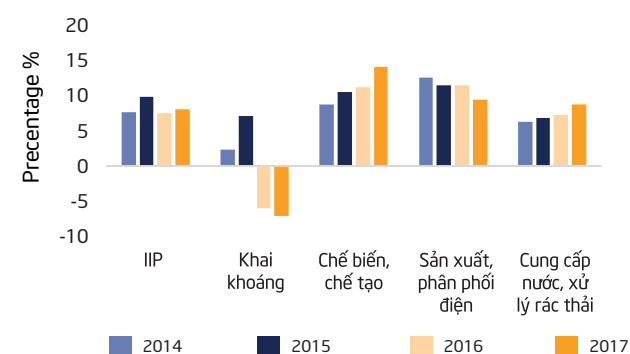


Cơ cấu tổng sản phẩm
Percentage %

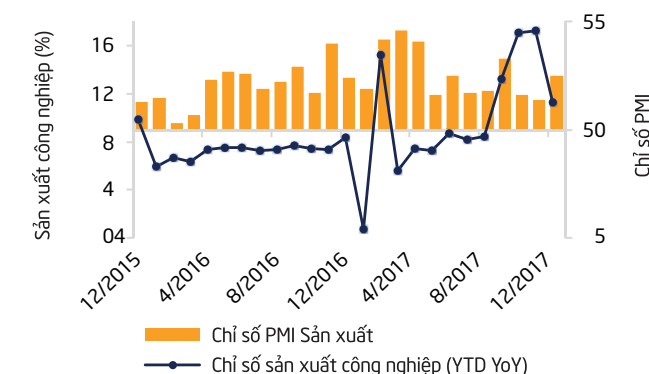


Nguồn: GSO, Phân tích BSC

Tăng trưởng ngành công nghiệp các năm
Percentage %



Chỉ số sản xuất công nghiệp và PMI



Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng **6.81% YoY** (quý I tăng **5.15%**, quý II tăng **6.28%**, quý III tăng **7.46%**, quý IV tăng **7.65%**)

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12 ước tính tăng 11.2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9.4% MoM so với năm 2016, cao hơn nhiều mức tăng 7.5% MoM của năm 2016 và gần đạt ngưỡng 9.8% MoM của năm 2015 nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14.4% bất chấp sự giảm sâu của ngành khai khoáng.

PMI trong tháng 12 tăng lên 52.5 từ mức 51.4 trong tháng 11. Chỉ số PMI trong năm 2017 tiếp tục ở trên mức 50 với mức trung bình cả năm đạt 52.6 điểm cao hơn mức 52.1 năm 2016, thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 được cải thiện và nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng.

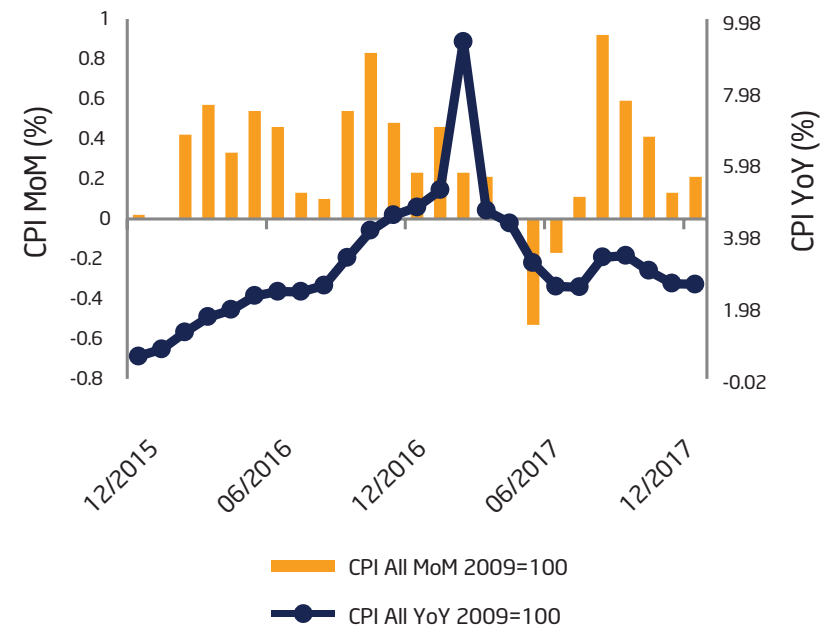
Lạm phát

Mức tăng CPI tháng 12 là 0.21% MoM và 2.6% YoY. Tính đến hết tháng 12, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2017 tăng 3.53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu quốc hội đề ra.

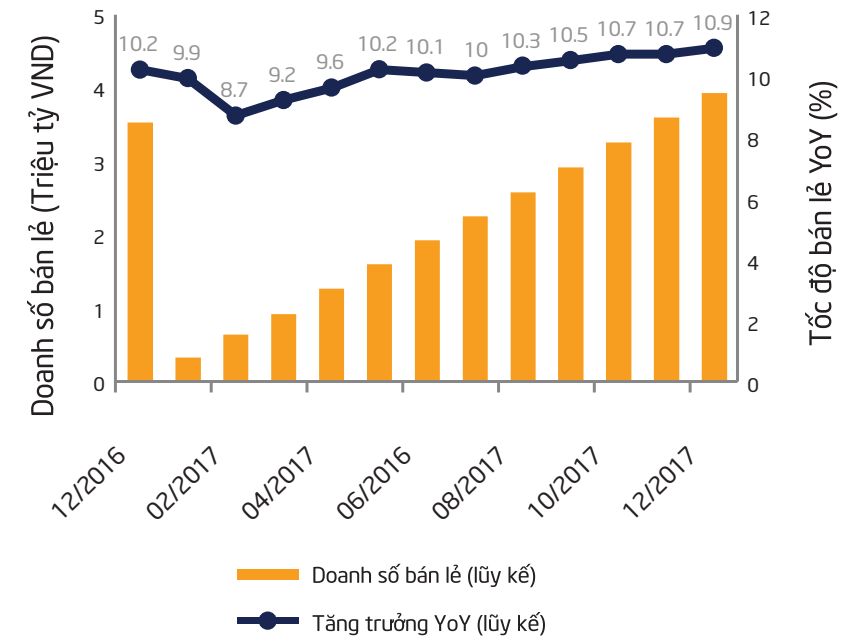
CPI bình quân năm 2017 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh khiến cho CPI tháng 12 tăng khoảng 1.35% YoY; khiến cho CPI bình quân năm 2017 tăng 2.04% so với năm 2016.
- Thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP làm chỉ số CPI tháng 12/2017 tăng 0.41% so với cuối năm 2016, CPI bình quân năm 2017 tăng khoảng 0.5% so với năm 2016.
- Việc tăng lương tối thiểu từ ngày 1/7/2017 làm giá bình quân một số loại dịch vụ như sửa chữa đồ dùng gia đình, bảo dưỡng nhà ở, dịch vụ điện, nước, dịch vụ thuê người giúp việc gia đình năm 2017 tăng từ 3%-8% so với năm 2016.
- Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, nhu cầu du lịch tăng, một số địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, thời tiết bất lợi cũng làm CPI năm nay tăng so với năm 2016.

Diễn biến CPI qua các năm



Doanh số bán lẻ

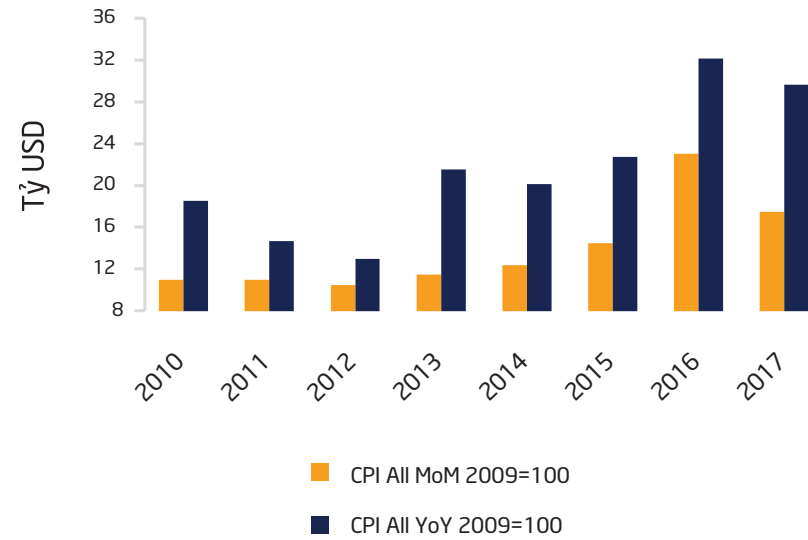


Nguồn: GSO, Phân tích BSC

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 ước tính đạt 320,3 nghìn tỷ đồng, tăng 3.7% MoM và tăng 9.8% YoY.

Tính chung cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 3,934.2 nghìn tỷ đồng (+10.9% YoY), loại trừ yếu tố giá thì tăng 9.46% yoy, cao hơn mức tăng 8.5% của năm trước do sức mua tăng và giá đều tăng trưởng.

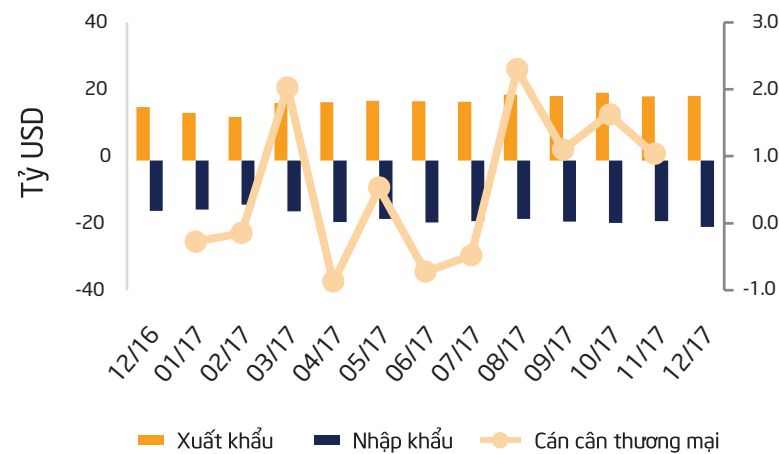
FDI thực hiện và đăng ký các năm



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- **Vốn FDI đăng ký năm 2017 tăng trưởng kỷ lục về giá trị, tăng 42.3% so với cùng kỳ năm 2016**
- **Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất.**
- **Thanh hóa thu hút 3,159.4 triệu USD vốn FDI, chiếm 14.8%, dẫn đầu cả nước.**

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, Phân tích BSC

Lũy kế 12 tháng, FDI thu hút 2,591 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 21.3 tỷ USD, tăng 3.5% về số dự án và tăng 42.3% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, có 1,188 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 8.4 tỷ USD, tăng 49.2% YoY, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2017 lên 29.7 tỷ USD, tăng 44.2% YoY về số dự án nhưng giảm 8.0% về giá trị YoY. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2017 ước tính đạt 17.5 tỷ USD, tăng 10.8% so với năm 2016.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

- **Cán cân thương mại Việt Nam ước tính thặng dư 2.7 tỷ USD trong năm 2017.**
- **Tháng 12 ước tính nhập siêu 500 triệu USD.**

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12/2017 ước tính đạt 19.3 tỷ USD, giảm 3.5% MoM, lũy kế kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 214 tỷ USD, tăng 21.1% YoY. Trong đó, xuất khẩu tháng 12 khu vực kinh tế trong nước đạt 5.2 tỷ USD, giảm 1.5% MoM; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 14.1 tỷ USD, giảm 4.1% MoM. Kim ngạch xuất khẩu giảm so với tháng trước do một số mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn giảm mạnh: Điện thoại và linh kiện giảm 19.5%; điện tử, máy tính và linh kiện giảm 16.2%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12/2017 ước tính đạt 19.8 tỷ USD, tăng 2.1% MoM, lũy kế ước tính đạt 211.1 tỷ USD, tăng 20.8% YoY. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8.05 tỷ USD, tăng 3.5% MoM; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.75 tỷ USD, tăng 1.2% MoM. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả năm 2017 ước đạt 425.1 tỷ USD tăng +21% YoY.

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá trung tâm duy trì duy trì xu hướng ổn định trong năm 2017. Tính 1/1/2017 đến ngày 22/12, tỷ giá liên ngân hàng tăng nhẹ 0.13%, trong khi tỷ giá tự do giảm nhẹ 0.11%. Điều này phần nào được hỗ trợ nhờ việc USD giảm giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt khác; các chính sách duy trì bình ổn thị trường của Chính phủ; và nguồn cung ngoại tệ dồi dào trong năm 2017.

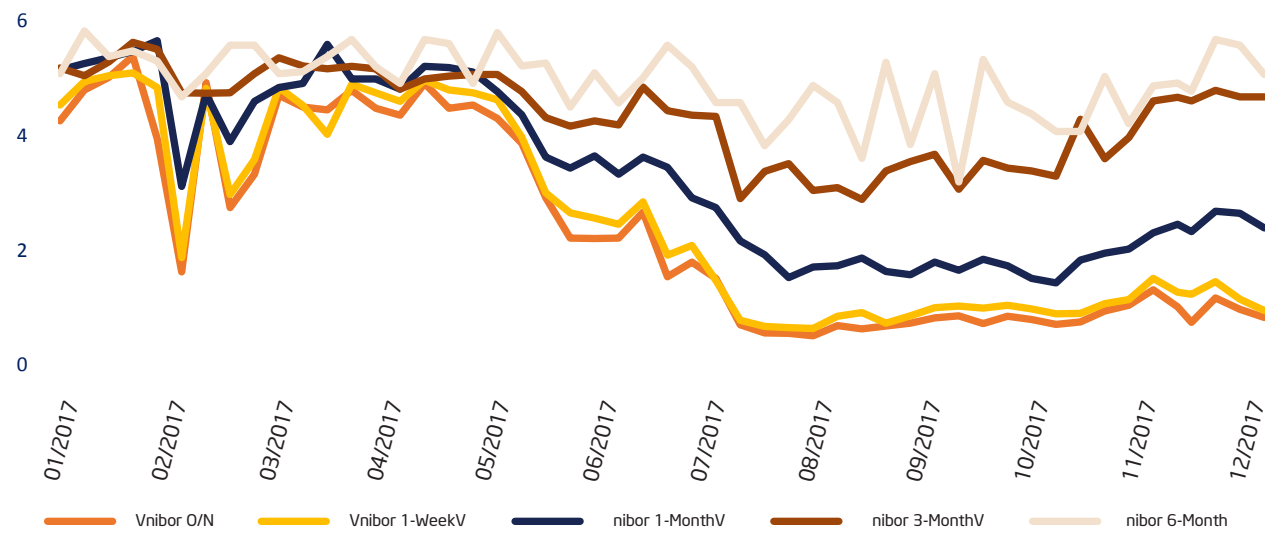
Tính chung cả năm 2017, chỉ số Dollar Index (DXY) giảm tới 7.5% và đồng USD đều mất giá so với với nhiều đồng tiền khác như VND (-0.18%); EUR (-12%), GBP (-9%), CHF (-4%).

Ngân hàng – Lãi suất

- **Tăng trưởng tín dụng 2017 ước đạt mức 19% tiếp tục tăng mạnh so với 2016, huy động vốn đạt 16.9%.**
- **Lãi suất huy động & cho vay ổn định và tiếp tục duy trì ở mức thấp, thanh khoản liên ngân hàng không có hiện tượng căng thẳng.**

Áp lực lãi suất chủ yếu xuất hiện hồi đầu năm. Tính 1/12 đến 19/12, lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định so với tháng 11. Thanh khoản ngân hàng ổn định, không có hiện tượng căng thẳng cuối năm. Lãi suất huy động tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6.5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10.5%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6.8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9.3%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Phân tích BSC

So sánh lãi suất cho vay các kỳ hạn

Kỳ hạn	2016	2017M12	Chênh
VND ngắn hạn	6.8 - 9.0	6.8 - 8.5	-0.5
VND trung, dài hạn	9.3 - 11	9.3 - 10.3	-0.7
USD ngắn hạn	2.8 - 4.8	2.8 - 4.2	-0.6
USD trung, dài hạn	4.9 - 5.6	4.6 - 6.0	0.4

Nguồn: Bloomberg, Phân tích BSC

So sánh lãi suất huy động các kỳ hạn

Kỳ hạn	2016	2017M12	Chênh
VND			
KKH - 1 tháng	0.8 - 1.0	0.8 - 1.0	0
1 tháng - 6 tháng	4.5 - 5.4	4.3 - 5.5	0.1
6 tháng - 12 tháng	5.4 - 6.5	5.3 - 6.5	0
Trên 12 tháng	6.4 - 7.2	6.5 - 7.3	0.1
USD			
Dân cư	0	0	-0.25
Tổ chức	0	0	0

Nguồn: SBV, Phân tích BSC

So sánh lãi suất cho vay các kỳ hạn

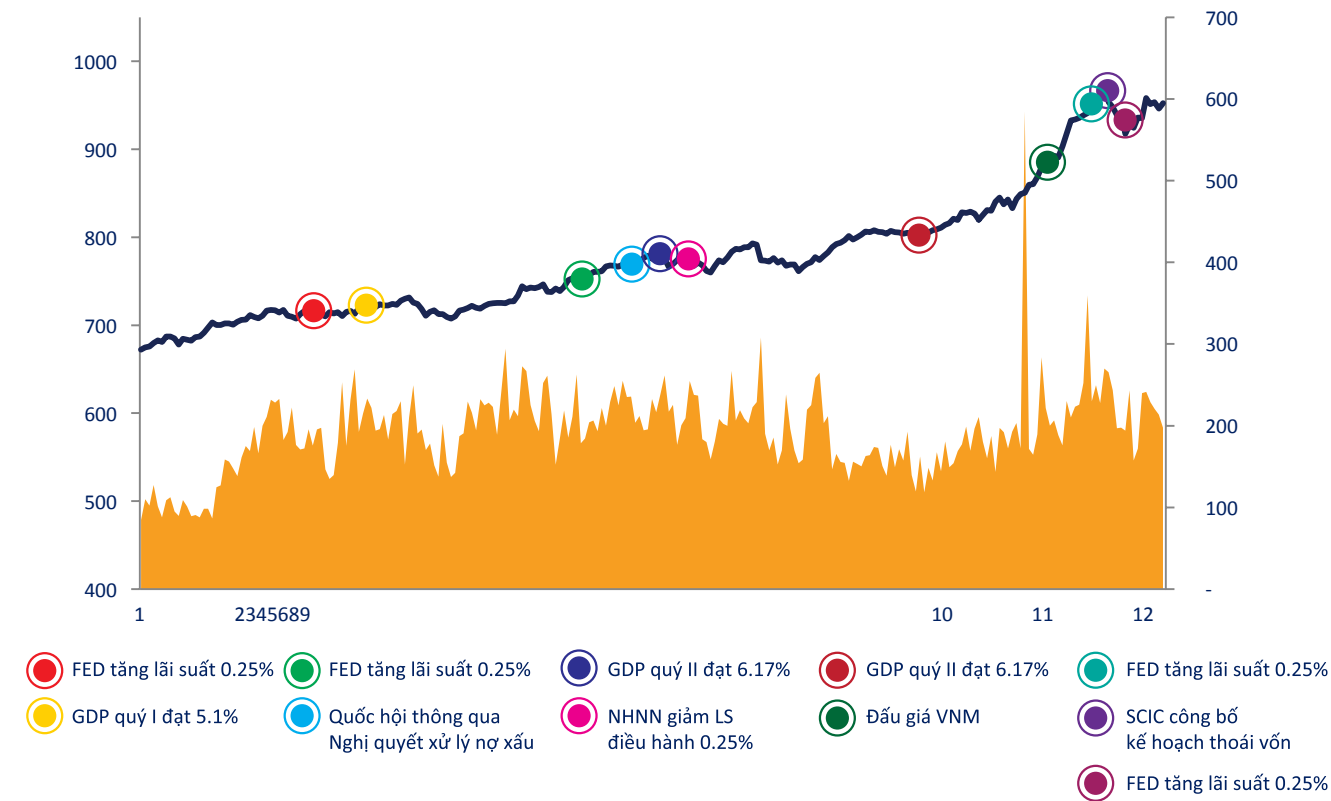
Tiêu chí/năm	2013	2014	2015	2016	2017E	2018E
GDP YoY (%)	5.4	6	6.7	6.2	6.8	6.6
Lạm phát (%)	6.59	4.08	0.62	4.7	3.5	4.5
Cán cân thương mại (tỷ USD)	0.86	2.14	-3.54	2.6	2.7	4
Kim ngạch xuất nhập khẩu (tỷ USD)	263	298	327	349.2	424.87	463.3
Tỷ giá (VND/USD)	21,095	21,388	22,485	22,365	22,750	23,000
Nợ công/GDP (%)	54.2	59.6	61.3	63.6	62.6	63.9
Nợ chính phủ/GDP (%)	42.3	47.4	48.9	52.6	51.8	52.5
Tăng trưởng tín dụng (%)	12.51	14.16	17.29	18.7	17	19-20
FDI giải ngân (tỷ USD)	11.5	12.4	14.5	15.8	17.5	19.4
FDI đăng ký (tỷ USD)	21.6	20.2	22.76	20.9	29.7	33.5

Nguồn: Phân tích BSC

2. Thị trường chứng khoán

Nối tiếp đà tăng trưởng năm 2016, hai chỉ số chứng khoán liên tiếp xác lập vùng giá cao mới và có mức tăng lần lượt 48.0% và 45.85% tính đến 29/12. Các chỉ số tăng mạnh, vượt đỉnh 10 năm đi kèm với giá trị giao dịch ở mức kỷ lục. Giá trị giao dịch bình quân 1 phiên trên 3 sàn đạt 5,032 tỷ đồng tương đương 221.5 triệu USD, tăng trưởng 64.3% so với cùng kỳ 2016.

VN-Index theo dòng sự kiện



Nguồn: Phân tích BSC

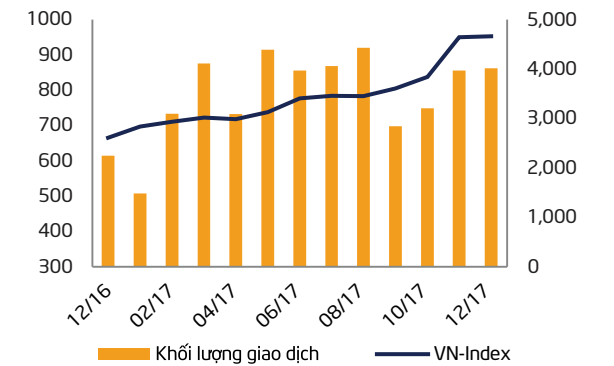
Xu hướng chung là tăng điểm mạnh, các nhịp nghỉ và điều chỉnh ngắn và có cường độ thấp, diễn biến thị trường có thể chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (từ 3/1/2016 đến 30/6/2017): Chỉ số tăng điểm mạnh 16.79% nhờ sự nâng đỡ của các cổ phiếu lớn như VNM, PLX và nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Riêng 6 cổ phiếu dẫn đầu gồm VNM, PLX, CTG, BID, MBB và VCB đã góp cho chỉ số 62 điểm, tương đương 55.5% mức tăng của VN-Index. KQKD cải thiện và thông tin về Quốc hội sẽ xem xét nghị quyết xử lý nợ xấu giúp cho nhóm ngân hàng là một trong những trụ cột dẫn dắt thị trường. Trên xu hướng tăng điểm, dòng tiền vận động mạnh vào nhóm cổ phiếu vừa, đặc biệt nhóm BĐS. FED tăng lãi suất 2 lần vào tháng 3 và tháng 6 dù vậy không ảnh hưởng đến dòng vốn ngoại. Khối ngoại vẫn mua ròng 2,114 tỷ đồng trên HSX.

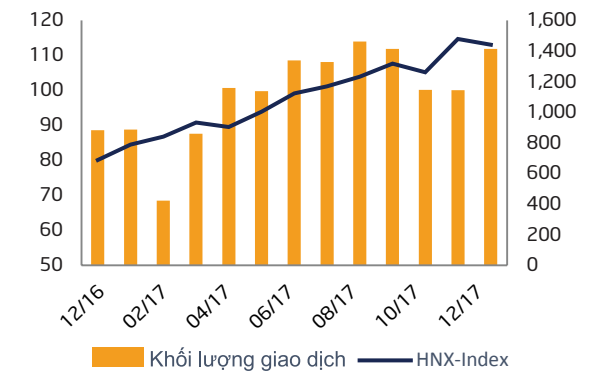
Giai đoạn 2 (từ 3/7/2016 đến 31/8/2017): Chỉ số tăng 0.8% tuy nhiên thanh khoản tăng trưởng tốt. Các cổ phiếu lớn dẫn dắt có sự phân hóa, thị trường bước vào giai đoạn tích lũy giao động giằng co. Xu hướng giằng co khiến cho dòng tiền tìm hội ở các nhóm cổ phiếu thị trường. Những cổ phiếu này tăng mạnh và thanh khoản cũng gia tăng trong thời gian ngắn. Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh mua vào 5,000 tỷ đồng.

Giai đoạn 3 (từ 1/9/2017 đến 29/12/2017): Chỉ số bùng nổ tăng thêm 25.7% khi dòng tiền dịch chuyển liên tục giữa các cổ phiếu lớn. Nhóm cổ phiếu lớn có sự đồng thuận cao, chỉ riêng 5 cổ phiếu Blue-chips gồm VNM, VIC, GAS, VCB, MSN đã góp 114.4 điểm, tương đương 67.4% mức tăng VN-Index cùng giai đoạn. Việt Nam tổ chức thành công APEC, VNM đấu giá thành công ngoài mong đợi và VPB, VRE niêm yết với hoạt động mua mạnh của khối ngoại và giao dịch đột biến trước và sau niêm yết đã tạo tâm lý hứng khởi trên thị trường. Thanh khoản đạt mức kỷ lục và khối ngoại duy trì đà mua vào cho dù FED tiếp tục tăng lãi suất thêm 1 lần vào giữa tháng 12. Nhìn chung giai đoạn này là sự thống trị của nhóm cổ phiếu lớn, dòng tiền suy yếu ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Dấu hiệu vận động ngành xuất hiện ở nhóm cổ phiếu dầu khí trong tháng 12.

Diễn biến VN-Index



Diễn biến HNX-Index



Nguồn: HNX, HSX, Bloomberg, Phân tích BSC

Thống kê Thị trường 2017

Thanh khoản Thị Trường

Thanh khoản bình quân (không gồm thỏa thuận) năm 2017 đạt 4,625 tỷ đồng/ phiên, tăng mạnh so với thanh khoản bình quân thị trường ở mức 2.936 tỷ đồng/ phiên năm 2016, tương ứng tăng thêm 57.52%. Thanh khoản thị trường khá ổn định trong năm 2017 và đột biến vào tháng 11, 12 do hiệu ứng thoái vốn nhà nước thành công từ SCIC cho VNM đã giải phóng một lượng tiền lớn cũng như tâm lý tốt cho các nhóm cổ phiếu Blue-Chip có thanh khoản tốt, tăng điểm mạnh dẫn dắt tâm lý thị trường.

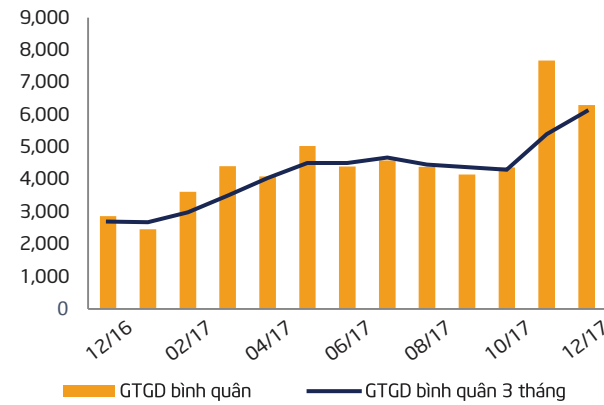
Quy mô Thị trường

Tính đến hết tháng 12/2017, quy mô vốn hóa của hai sàn đạt 2.74 triệu tỷ đồng tương đương 101.6 tỷ USD, tăng 67.1% so năm 2016.

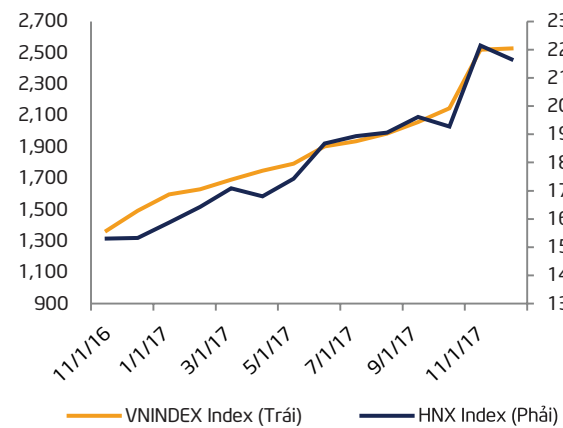
Giá trị vốn hóa của sàn UPCOM tiếp tục vượt trội so với HNX. Tính đến đầu tháng 12/2017, giá trị vốn hóa của sàn UPCOM đạt hơn 627 nghìn tỷ đồng, trong khi đó HNX ước đạt 217.3 nghìn tỷ đồng. Giá trị vốn hóa tăng gấp 6 lần so với thời điểm đầu năm nhờ những cổ phiếu lớn niêm yết trên sàn trong năm 2017 thu hút lượng tiền lớn từ nhà đầu tư như HVN, ACV, LPB, VIB. Việc cổ phần hóa một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước, DNNN quy mô lớn gắn với bán đấu giá và niêm yết trên thị trường chứng khoán đã cung cấp cho thị trường chứng khoán nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng, tác động mạnh đến phát triển thị trường vốn.

Giá tăng, hoạt động niêm yết mới đóng góp chủ yếu cho mức tăng vốn hóa thị trường. Tính đến 22/12/2017 sàn Upcom có 324 cổ phiếu niêm yết mới gấp 8 lần so với 43 cp niêm yết mới trên 2 sàn chính (HSX: 26 và HNX 17). Quy mô niêm yết các sàn tăng lên mạnh nhờ cả yếu tố niêm yết mới và các cấu thành cũ tăng quy mô. Cụ thể, sàn HSX tăng quy mô 1.01 triệu tỷ đồng với 323 (31.9%) nghìn tỷ đồng mã niêm yết mới và 690 (68.1%) nghìn tỷ đồng tăng quy mô; Sàn HNX tăng quy mô 66.5 nghìn tỷ đồng với 8.3 nghìn tỷ đồng mã niêm yết mới (12.5%) và 58.2 nghìn tỷ đồng tăng quy mô (87.5%); và sàn Upcom tăng quy mô 337.4 nghìn tỷ đồng với 217.1 nghìn tỷ đồng mã

Giá trị giao dịch bình quân 2017



Quy mô vốn hóa thị trường



Nguồn: HNX, HSX, Bloomberg, BSC

niêm yết mới (64.3%) và 120.3 nghìn tỷ đồng quy mô (35.7%). Do tiêu chuẩn niêm yết trên sàn HSX rất khắt khe nên thông thường các mã mới niêm yết sẽ lên sàn Upcom trước. Với quy mô niêm yết mới rất lớn trên Upcom năm nay, BSC kỳ vọng rằng năm 2018 sẽ có nhiều sự lựa chọn cổ phiếu tốt về cả chất và lượng cho nhà đầu tư trên sàn HSX từ Upcom chuyển sang.

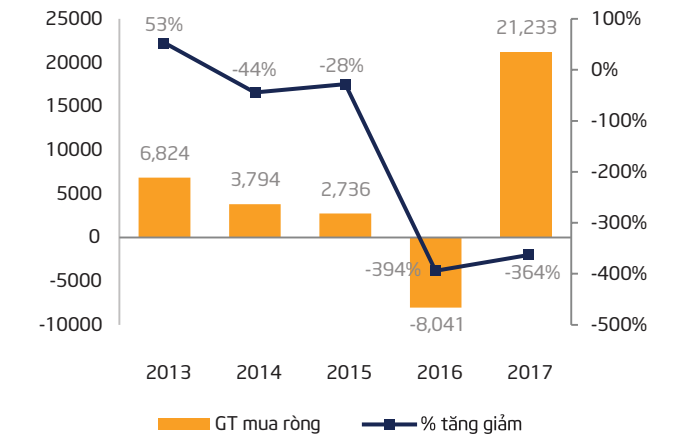
Giao dịch khối ngoại

Trong năm 2017, dòng tiền ngoại vẫn đóng vai trò dẫn dắt và định hướng thị trường, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm. Trái với năm 2016, khối ngoại không còn coi Việt Nam là thị trường biên mà đã nâng hạng thành thị trường chiến lược, liên tục tăng tỉ trọng đầu tư trong danh mục của họ. Xu hướng hiện tại rất giống với giai đoạn 2006-2007 nhưng tốt hơn rất nhiều do (1) thị trường chứng khoán đã đa dạng hơn và quy mô cũng lớn hơn rất nhiều so với những năm trước (2) dòng tiền chờ của nhà đầu tư nội bên ngoài lớn. BSC kỳ vọng rằng thị trường năm 2018 sẽ tiếp tục duy trì đà tăng về cả điểm số và thanh khoản như giai đoạn cuối của năm 2017 nhờ dòng tiền ngoại vào thị trường.

- Tính đến thời điểm thu thập số liệu nghiên cứu trong tháng 12, khối ngoại đã thực hiện mua ròng 934.6 triệu USD tính trên toàn bộ thị trường, tương ứng 21,233 tỷ đồng, trái ngược với xu hướng bán ròng năm 2016.
- Khối ngoại mua ròng trong cả năm 2017 và hoạt động mua bán nhộn nhịp nhất và tháng 11 với hai tác nhân chính là VNM và VRE. Đặc biệt mã VRE tại phiên 7/11, khối ngoại mua ròng đến 5,500 tỷ đồng giúp thị trường có phiên giao dịch lên đến 20,000 tỷ đồng cao nhất trong năm.
- Sàn Upcom cũng có số lượng nhà đầu tư nước ngoài mua ròng khoảng 1,400 tỷ đồng với những mã chủ đạo gồm QNS, ACV, HVN, GEX, SGN.

Thị trường trong ngắn hạn cũng sẽ nhận được hỗ trợ lớn từ khối ngoại với các mã niêm yết mới và thoái vốn nhà nước. BSC kỳ vọng rằng sự quan tâm từ khối ngoại mua thâm tím sẽ tiếp tục giải phóng một lượng tiền mặt lớn từ nhà đầu tư hiện hữu giúp đẩy mạnh hơn chất lượng thị trường chứng khoán.

GTGD ròng khối ngoại 2013-2017



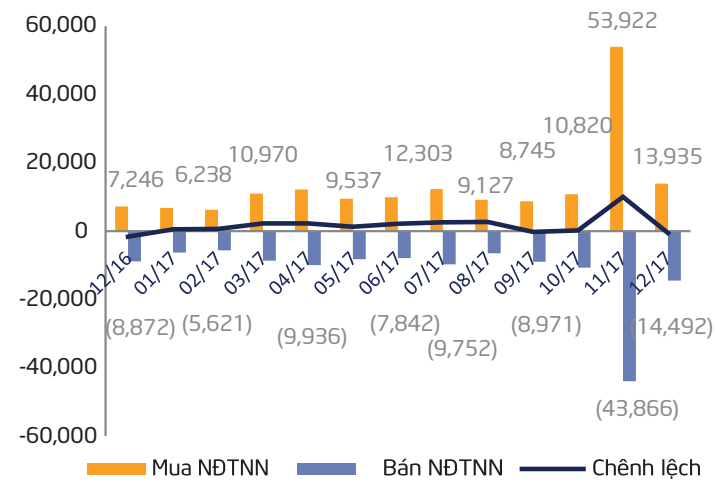
Dòng vốn ngoại tại Châu Á (triệu USD)

Quốc gia	Tháng 12	Quý 4	Năm 2017
India	(1,043.4)	2,203.9	7,710.2
Indonesia	(316.6)	(2,151.6)	2,958.0
Japan	(7,765.4)	20,097.1	3,036.8
Malaysia	194.9	137.9	2,415.2
Phillipines	(12.5)	(38.7)	1,027.2
Korea	(1,414.5)	1,716.6	7,950.4
Taiwan	(1,568.0)	(1,195.0)	5,641.2
Thailand	(326.9)	(1,128.4)	(848.2)
Vietnam	(24.5)	412.7	934.6

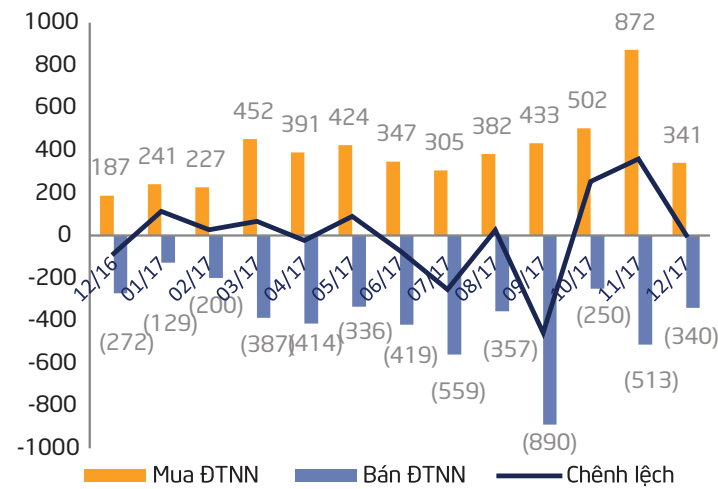
Nguồn: Bloomberg, Phân tích BSC

Dòng vốn ngoại đầu tư vào TTCK tăng mạnh trong năm 2017 theo xu hướng chung của châu Á. Trong khi các thị trường cùng khu vực mua bán trái chiều liên tục trong năm thì khối ngoại phần lớn mua ròng tại Việt Nam. Mặc dù giá trị mua ròng còn khiêm tốn khi so sánh với các nước khác trong khu vực nhưng giá trị mua ròng tại Việt Nam rất lớn so với GDP cũng như so với dữ liệu quá khứ.

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên HSX
 (đơn vị: tỷ đồng)



Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên HSX
 (đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: Bloomberg, Phân tích BSC



II. Tổng Quan Hoạt Động Kinh Doanh BSC

Năm 2017 là năm đột phá lớn mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam. Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán với thanh khoản và quy mô gia tăng mạnh đã tạo nhiều thuận lợi cho các CTCK nói chung và BSC nói riêng.

Tuy giới hạn về vốn trong điều kiện thanh khoản tăng mạnh làm hạn chế khả năng tăng trưởng thị phần nhưng BSC đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu lợi nhuận.

Thị phần môi giới CP/CCQ:

Hoạt động môi giới cổ phiếu là hoạt động đem lại lợi nhuận bền vững cho công ty chứng khoán. Do vậy, hoạt động luôn được BSC tập trung phát triển, chỉ tiêu thị phần được giao hàng năm phần nào thể hiện quan điểm này.

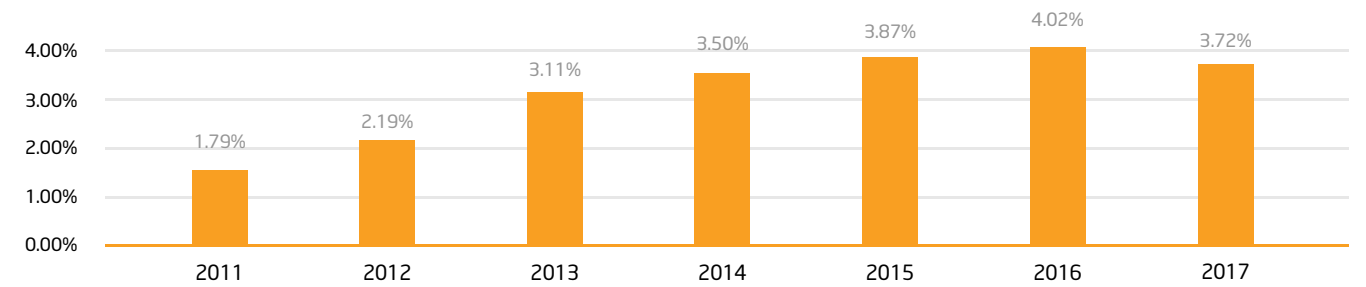
Năm 2017 là năm mà thị trường môi giới phát triển mạnh mẽ với thanh khoản thị trường tăng cao giúp các CTCK đem lại được nhiều lợi nhuận. Tuy nhiên, thị trường ngày càng thu hút nhiều đối thủ cạnh tranh hơn, mức cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. Điều này đòi hỏi ở các CTCK nói chung và BSC nói riêng nỗ lực nhiều hơn để duy trì và tăng trưởng thị phần. Với BSC, giới hạn về quy mô, qua đó là vốn cho hoạt động margin là một hạn chế lớn.

Thị phần môi giới cổ phiếu đạt **3,72%**, tương ứng **93%** mức kế hoạch là **4.0%**.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt **207,8 tỷ đồng**, tương ứng **252%** mức kế hoạch là **82,6 tỷ đồng**.

Tính cả giao dịch thỏa thuận, giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2017 đạt 5.058 tỷ đồng/phiên tăng 66% so với năm 2016 là 3.040 tỷ đồng/phiên. Giá trị giao dịch tăng cao đòi hỏi các CTCK muốn duy trì thị phần phải có nguồn vốn tài trợ margin tăng tương ứng để đáp ứng nhu cầu vay của nhà đầu tư. Do quy mô còn hạn chế, đồng thời phải phân phối hợp lý giữa vốn tự doanh và vốn tài trợ margin, thị phần của BSC có phần chững lại sau giai đoạn dài tăng trưởng liên tục.

Thị phần môi giới cổ phiếu BSC
Percentage %



Tuy nhiên, thứ hạng thị phần môi giới cổ phiếu của BSC vẫn nằm trong TOP 10 CTCK có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất năm 2017 trên cả 2 sàn HSX (TOP 8) và HNX (TOP 8). Điều này cho thấy sức cạnh tranh của BSC trên thị trường môi giới cổ phiếu vẫn tiếp tục được duy trì.

Lợi nhuận trước thuế:

Mục tiêu về doanh thu lợi nhuận được ĐHCĐ giao phó đã được BSC hoàn thành trong năm 2017 một cách xuất sắc. Lợi nhuận trước thuế đạt 207,8 tỷ đồng tăng trưởng 57% so với năm 2016 và vượt kế hoạch ĐHCĐ giao 152%. Có thể thấy, kết quả trên không chỉ thể hiện nỗ lực xuất sắc của công ty trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của ĐHCĐ mà còn thể hiện sự phát triển của công ty trong giai đoạn gần đây qua mức độ tăng trưởng trong lợi nhuận so với năm 2016. BSC đang dần đi lên lấy lại sự ổn định trong tăng trưởng với mục tiêu lấy lại vị thế vốn có là 1 trong các công ty chứng khoán đứng đầu thị trường.

Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh 2016 - 2017 của BSC

Chỉ Tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% yoy
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TRIỆU ĐỒNG)			
Doanh thu hoạt động	412.893	566.870	37%
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	108.223	191.711	77%
2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.650	23.019	-3%
3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	101.157	123.574	22%
4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	136.586	189.390	39%
5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	14.939	16.792	12%
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	60	69	15%
7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.548	12.343	44%
8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	19.730	9.973	-49%
Chi phí hoạt động	(153.489)	(210.986)	37%
1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(25.044)	(39.348)	57%
2. Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(21)	-	-100%
3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(5.981)	50	-101%
4. Chi phí hoạt động tự doanh	(2.377)	(4.984)	110%
5. Chi phí môi giới chứng khoán	(94.990)	(131.151)	38%
6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	(560)	(3.700)	561%
7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	(16.546)	(19.356)	17%
8. Chi phí lưu ký chứng khoán	(7.757)	(12.869)	66%
9. Chi phí dịch vụ khác	(214)	370	-273%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.228	2.626	-38%
Chi phí tài chính	(55.878)	(55.091)	-1%
Chi phí quản lý	(75.714)	(95.551)	26%
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG	132.040	207.867	57%
Thu nhập khác và chi phí khác	(25)	(98)	288%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	132.015	207.769	57%
Chi phí thuế	(11.594)	(32.797)	183%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	120.421	174.973	45%

Những điểm nổi bật trong kết quả hoạt động kinh doanh của BSC trong năm 2017 cụ thể như sau:

Thanh khoản thị trường tăng cao, nghiệp vụ môi giới đem lại nguồn thu lớn:

Nhu cầu nhà đầu tư chứng khoán trên thị trường tăng cao thể hiện ở giá trị giao dịch bình quân phiên tăng mạnh trong năm 2017 (65%). Nhờ đó, các CTCK nói chung và BSC nói riêng đã thu được nguồn lợi nhuận đáng kể. Doanh thu môi giới chứng khoán tại BSC đã tăng trưởng 39%, từ 136.6 tỷ năm 2016 lên 189.4 tỷ năm 2017 - tương ứng với mức tăng 40 tỷ đồng.

Tận dụng được điều kiện thuận lợi từ thị trường, hiệu quả tự doanh tăng cao:

Nhận thấy lợi suất các kỳ hạn trái phiếu có xu hướng giảm, thị trường cổ phiếu trở nên hừng phấn và có nhiều cơ hội đầu tư, BSC đã nhanh chóng và linh hoạt tận dụng nhịp tăng của thị trường, gia tăng vốn đầu tư cổ phiếu và trái phiếu cho BSC trong năm 2017. Điều này đã đem lại nhiều lợi nhuận cho BSC. Lợi nhuận từ FVTPL, HTM và AFS lên tới 230 tỷ, tăng hơn 100% so với năm thực hiện năm 2016.

Thương vụ tư vấn tài chính gây tiếng vang lớn.

Trong năm 2017, BSC đã tích cực triển khai nhiều hợp đồng với các đối tác lớn như Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc, Tập đoàn Thành Thành Công, Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn..v.v.. Điển hình với hợp đồng tư vấn IPO cho Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn: 4.080 nhà đầu tư đăng ký mua gấp 2,7 lần lượng cổ phần chào bán, nhà nước thu về số tiền cao hơn 60% so với dự kiến. BSC đã tiếp tục gây tiếng vang lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



III. Chi Tiết Các Hoạt Động Kinh Doanh

MÔI GIỚI

Kết quả nổi bật:

- Thị phần môi giới trái phiếu tiếp tục duy trì được vị trí dẫn đầu thị trường.
- Thị phần môi giới cổ phiếu sụt giảm tuy nhiên vẫn giữ vị trí TOP 8 trên sàn HOSE, TOP 8 trên sàn HNX các CTCK có thị phần môi giới CP/CCQ lớn nhất.
- BSC là 1 trong 05 công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh trong năm 2017.

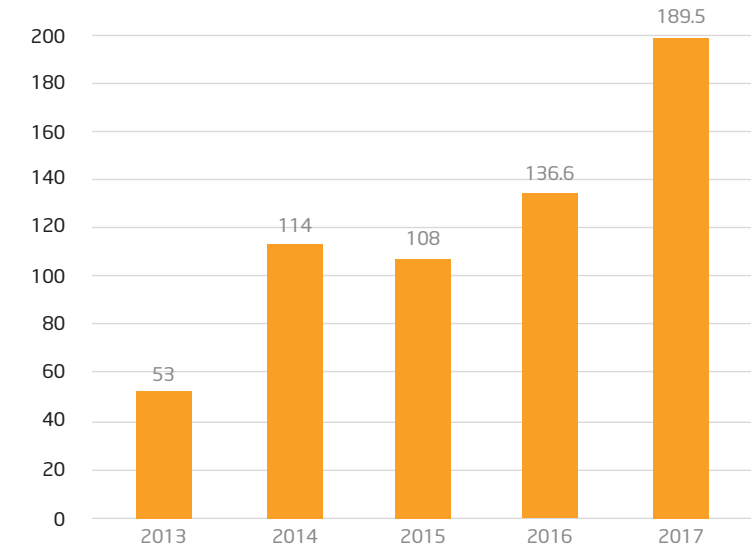
Thanh khoản thị trường tăng trưởng đột biến, tăng 65% so với năm 2016, đặc biệt từ thời điểm cuối tháng 10 đến hết năm, trong đó các deal giao dịch thỏa thuận của khối khách hàng tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn, nằm ngoài dự kiến của BSC. Với cơ cấu khách hàng chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân nhỏ lẻ, năm 2017 thực sự là một năm khó khăn đối với hoạt động môi giới của công ty. Thị phần môi giới BSC năm 2017 đạt mức 3,72%, giảm 7.5% so với mức thực hiện 2016, hoàn thành 93% kế hoạch thị phần mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt là 4.0%.

Tuy vậy, hoạt động môi giới cổ phiếu của BSC vẫn nỗ lực duy trì vị trí trong TOP 10 trên cả 2 sàn giao dịch chính là sàn HOSE và sàn HNX song song với quá trình đẩy mạnh cơ cấu khối khách hàng tổ chức tại công ty, tạo nền tảng thúc đẩy thị phần môi giới BSC trong giai đoạn tiếp theo.

Thị phần môi giới trái phiếu năm 2017 xuất sắc duy trì vị trí TOP 1 sàn HNX, đây là năm thứ 6 liên tiếp BSC giữ được vị trí đứng đầu trong hoạt động môi giới trái phiếu, đặc biệt trong điều kiện quy mô thị trường ngày càng thu hẹp, nhiều khách hàng lớn của công ty đã trở thành thành viên trực tiếp trên thị trường.

Tổng doanh thu từ phí môi giới năm 2017 đạt **189.5 tỷ đồng, tăng 39%** so với năm 2016 nhờ sự tăng trưởng của giá trị giao dịch thị trường.

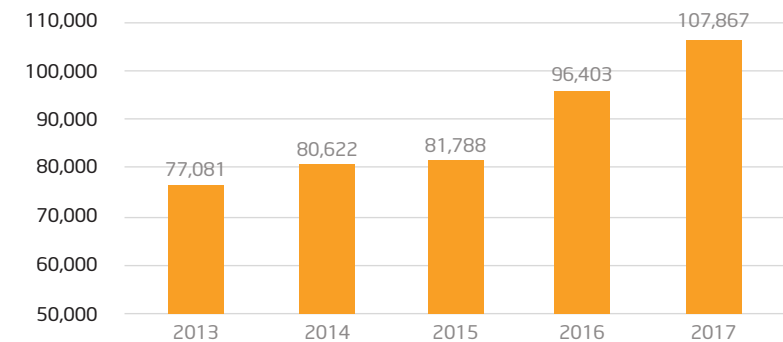
Biểu đồ doanh thu môi giới các năm (tỷ đồng)



Doanh thu môi giới **tăng 39%** so với năm 2016.

Số lượng tài khoản giao dịch không ngừng gia tăng qua các năm, khẳng định thương hiệu BSC có sức lan tỏa nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung.

Biểu đồ Số lượng tài khoản mở mới giai đoạn 2013-2017 (tỷ đồng)



Số lượng tài khoản mở mới **tăng 11.414** so với năm 2016.

BSC là 1 trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên triển khai cung cấp sản phẩm phái sinh hợp đồng tương lai năm 2017.

Ngày 10/08/2017, Thị trường chứng khoán phái sinh chính thức hoạt động tại Việt nam, BSC đã trở thành 01 trong 05 thành viên tích cực trên thị trường tham gia cung cấp sản phẩm ngay từ ngày đầu tiên và vinh dự nhận giải thưởng “ Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên” do HNX trao tặng. Số lượng tài khoản mở mới giao dịch liên tục gia tăng qua các tháng, số tài khoản mở giao dịch tại BSC tháng 12 đã tăng trưởng 77% so với thời điểm giao dịch tháng 8.

Hoàn thiện và nâng cấp các sản phẩm dịch vụ môi giới.

Với nền tảng khách hàng ổn định và sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường, số dư margin của khách hàng tại Công ty tăng 40% so với năm 2016. BSC luôn duy trì chính sách lãi suất cạnh tranh và linh hoạt phù hợp với thị trường, hệ thống văn bản giấy tờ cho các đối tượng khách hàng đã bước đầu được chuẩn hóa phù hợp với thông lệ thị trường. Ngoài ra công ty cũng xây dựng các tiêu chí phân loại và đánh giá khách hàng nhằm đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ phù hợp.

Chú trọng cải tiến chất lượng công nghệ thông tin và phát triển hệ thống công nghệ phần mềm giao dịch hiện đại có tính bảo mật và ứng dụng cao. Trong năm 2017, BSC đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng mạng cho chi nhánh, nâng cấp và bổ sung tiện ích mới đảm bảo việc vận hành các sản phẩm mới hiệu quả, thuận tiện.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác phát triển lợi thế mạng lưới khách hàng rộng lớn của hệ thống ngân hàng BIDV.

Là một công ty chứng khoán trực thuộc hệ thống ngân hàng BIDV, BSC chú trọng khai thác lợi thế từ nền khách hàng rộng lớn có quan hệ tín dụng với BIDV. Sự kết hợp cung cấp sản phẩm này mang lại nhiều tiện ích đa dạng cho nhà đầu tư trong việc chuyển dịch từ hình thức tiết kiệm sang đầu tư.

BSC duy trì tổ chức các buổi thuyết trình có quy mô lớn, tiếp xúc gặp gỡ các doanh nghiệp thường xuyên để khuyến nghị các mã cổ phiếu tốt cho các nhà đầu tư qua đó thu hút các đối tượng khách hàng tổ chức mở mới tại BSC. Kết quả thị phần khối khách hàng tổ chức năm 2017 tại BSC tiếp tục có sự tăng trưởng so với năm 2016 trong khi thị phần chung công ty có sự sụt giảm.

Chất lượng phân tích được cải thiện đáng kể, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư trên thị trường. Năm 2017, báo cáo phân tích của BSC đã đạt được nhiều giải thưởng tại Cuộc bình chọn “Asiamoney Brokers Poll 2017” – Cuộc bình chọn có uy tín lớn trên thế giới.

BSC chủ động triển khai công tác chuẩn bị sẵn sàng cho sự ra mắt của sản phẩm “chứng quyền có bảo đảm”, một sản phẩm quan trọng sẽ xuất hiện trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2018.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tiếp tục giữ vững chủ trương tập trung khai thác các doanh nghiệp lớn đầu ngành, chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực hoạt động. Từ đó, tạo tiền đề cho các mối quan hệ lâu dài, tạo sự thuận lợi cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Công ty. Trong năm 2017, khối tư vấn tài chính BSC đã và đang thực hiện nhiều hợp đồng cho các Tổng Công ty, Tập đoàn đầu ngành, chiếm thị phần lớn thuộc các lĩnh vực của nền kinh tế.

Với định hướng triển khai những giao dịch có quy mô lớn hình tạo nên những bàn đạp vững chắc để phát triển thương hiệu BSC. Trong năm 2017, BSC đã thực hiện nhiều hợp đồng với các khách hàng lớn như Tổng công ty phát triển đô thị Kinh Bắc, Tập đoàn Thành Thành Công, Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn..v.v.. Điển hình với hợp đồng tư vấn IPO cho Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn: 4.080 nhà đầu tư đăng ký mua gấp 2,7 lần lượng cổ phần chào bán, nhà nước thu về số tiền cao hơn 60% so với dự kiến. BSC đã tiếp tục gây tiếng vang lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Kết quả tài chính năm 2017 của khối Tư vấn Tài Chính BSC không đạt được kết quả như mong đợi. Doanh thu từ mảng Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành năm 2017 đạt 26,8 tỷ đồng, giảm 15% so với mức thực hiện trong năm 2016. Nguyên nhân là do BSC tiếp tục chú trọng, đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tập trung thực hiện các hợp đồng tư vấn IPO, thoái vốn, niêm yết cho nhiều đối tác, khách hàng lâu năm. Các giao dịch này đã tốn nhiều thời gian và công sức chuẩn bị nhưng doanh thu mang lại từ các hợp đồng tư vấn cổ phần này lại không lớn. Bên cạnh đó có nhiều hợp đồng không thể hoàn thành trong năm 2017 do nhiều nguyên nhân khách quan không lường trước được. Ví dụ như tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước diễn ra không đúng theo kế hoạch. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng của BSC.



TỰ DOANH

Linh hoạt tận dụng cơ hội từ thị trường, hoạt động đầu tư cổ phiếu và trái phiếu trong năm đạt được hiệu quả cao, mang lại nguồn thu lớn cho BSC.

Với định hướng, chiến lược của hoạt động đầu tư tiếp tục không thực hiện đầu tư dài hạn mới, chỉ thực hiện đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn nhanh, đảm bảo quản trị rủi ro chặt chẽ để tối đa hóa lợi nhuận.

Năm 2017, nhờ điều kiện thị trường thuận lợi và nắm bắt được xu hướng của thị trường, đón đầu các đợt sóng thị trường, tự doanh BSC thu được kết quả rất tích cực - lợi nhuận từ FVTPL, HTM và AFS lên tới 230 tỷ, tăng hơn 100% so với năm thực hiện năm 2016.



PHÂN TÍCH

Kết quả nổi bật:

- Sản phẩm phân tích đa dạng từ các báo cáo ngày, tuần, tháng cho đến các báo cáo phân tích ngành, báo cáo triển vọng ngành. Chất lượng phân tích tiếp tục được cải thiện, các mô hình, công cụ mới được vận hành bước đầu tạo được uy tín, có tác động nhất định đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư trên thị trường.
- Cùng với 4 công ty là SSI, HSC, Bản Việt BSC đạt được nhiều giải thưởng tại Cuộc bình chọn "Asiamoney Brokers Poll 2017" - Cuộc bình chọn có uy tín lớn trên thế giới.
- Công tác khảo sát gặp gỡ doanh nghiệp để tìm kiếm thông tin về các mã cổ phiếu tốt để khuyến nghị cho các nhà đầu tư được triển khai, duy trì thường xuyên.

Sản phẩm phân tích đa dạng, cải thiện về cả chất và lượng, từng bước gây được tiếng vang và có tác động trên thị trường. Năm vừa qua, gần 500 báo cáo phân tích được phát hành trong đó nổi bật là các báo cáo phân tích ngành và triển vọng ngành bao phủ các ngành chủ yếu trên thị trường, được dịch ra tiếng Anh và tiếng Nhật. Thêm vào đó, các báo cáo phân tích được trình bày chuẩn mực với văn phong tiệm cận với các báo cáo của các Công ty chứng khoán khu vực sẽ là một điểm nhấn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Chất lượng sản phẩm báo cáo phân tích luôn được chú trọng nâng cao, là phương tiện góp phần tạo nên tên tuổi và thương hiệu của BSC trên thị trường.

Chủ động trong công tác tư vấn và nghiên cứu nhờ vào việc triển khai phát triển các mô hình, công cụ phân tích. Các mô hình, công cụ dự báo được áp dụng trong ba năm trở lại đây cho thấy kết quả khả quan, hỗ trợ công tác tư vấn khách hàng một cách chủ động và chính xác hơn. Các sản phẩm phân tích, nghiên cứu, nhận định thị trường của khối phân tích BSC đã có mặt trên các kênh thông tin đầu tư chuyên ngành, bước đầu tạo được uy tín và có tác động nhất định đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư trên thị trường.

Tiếp tục duy trì và mở rộng xây dựng quan hệ với các Công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư. Trong năm 2017, khối phân tích BSC đã chủ động trong việc tiếp cận và tổ chức các buổi thuyết trình, phân tích và định hướng cơ hội đầu tư cho các khách hàng tổ chức và quỹ đầu tư. Công tác chăm sóc khách hàng được duy trì định kỳ ghi nhận được phản hồi rất khả quan, duy trì nền khách hàng tổ chức ổn định, tạo đà cho việc gia tăng thị phần của khối khách hàng tổ chức tại BSC trong các năm tiếp theo, hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động môi giới theo đúng định hướng phát triển toàn công ty.

Đẩy mạnh khảo sát thực địa doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội. Song song với việc phân tích và nghiên cứu thị trường dựa trên thông tin có sẵn, BSC tiếp tục chú trọng trong việc thường xuyên có những cuộc khảo sát thực địa, từ đó đưa ra những phân tích, báo cáo cập nhật bám sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

BSC luôn xác định rằng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại là một trong những yếu tố quan trọng trong việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của BSC và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Năm 2017 là năm vận hành ổn định với nhiều đổi mới và cải tiến về hệ thống CNTT của BSC. Kết quả hoạt động của phòng năm 2017 đạt nhiều thành tựu đóng góp lớn cho BSC. Cụ thể:

- Xây dựng Chiến lược Công nghệ thông tin 5 năm giai đoạn 2017 – 2022.
- Hoàn thành việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng mạng cho Chi nhánh.
- Hoàn thành việc triển khai hệ thống hạ tầng mạng, máy chủ ứng dụng gateway tại trung tâm dự phòng Hose.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, biến đổi liên tục, và chứa đựng nhiều rủi ro. Khoảng thời gian gần đây khủng hoảng, suy thoái kinh tế và bê bối tài chính xảy ra ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn, đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và tại Việt Nam nói riêng. Vì vậy, vai trò của quản trị rủi ro ngày càng được nhắc đến nhiều hơn trong hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Tại BSC, với định hướng phát triển bền vững, trở thành công ty chứng khoán top 3 trên thị trường, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty hiểu rõ và quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất, đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa những tổn thất do các rủi ro gây ra, và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của BSC:

Môi trường hoạt động kinh doanh của ngành chứng khoán nói chung và BSC nói riêng luôn luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Có thể phân loại rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của BSC bao gồm :

Rủi ro thảm họa: Bao gồm các các thảm họa thiên nhiên, thảm họa do con người hoặc có sự tác động gián tiếp của con người ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh hay khủng bố.

Ở trong môi trường xã hội chính trị ổn định, ít có thiên tai, khả năng xảy ra thảm họa là ít. Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra rủi ro cũng như thiệt hại khi rủi ro xảy ra, BSC luôn chú trọng thực hiện các biện pháp như : giáo dục ý thức cho cán bộ công nhân viên về giữ gìn an toàn chung, thực hiện tham ra diễn tập phòng cháy chữa cháy,... Đối với cơ sở dữ liệu khách hàng để phòng chống việc xảy ra mất mát trong trường hợp cháy nổ, BSC đã tiến hành xây dựng và lưu trữ dữ liệu tại trung tâm dự phòng thảm họa riêng.

Rủi ro tài chính: Rủi ro liên quan đến các khoản nợ xấu, giảm giá cổ phiếu, biến động lãi suất, rủi ro thanh khoản,...

Xây dựng và hoàn thiện chính sách cho vay, chính sách quản trị rủi ro đầu tư và giám sát thực hiện nghiêm túc quy chế cho vay, quy chế đầu tư là các biện pháp thiết thực BSC đã làm để làm hạn chế tối đa khả năng xảy ra nợ xấu.

Về rủi ro thanh khoản, vấn đề thanh khoản luôn được BSC chú trọng quản lý. Thanh khoản được kiểm soát hàng ngày, kế hoạch nguồn vốn luôn dành một phần để dự phòng thanh khoản, hạn mức sử dụng vốn của các hoạt động luôn được kiểm soát chặt chẽ. Thêm vào đó, BSC luôn duy trì các nguồn vay đa dạng và đáng tin cậy, lãi suất vay nhờ đó luôn được duy trì ở mức cạnh tranh và được nhiều ưu đãi.

Rủi ro tác nghiệp: Thao tác sai, lỗi con người luôn luôn tồn tại ngay cả khi quy trình được xây dựng hoàn hảo. Nhằm giảm thiểu tối đa khả năng xảy ra sai sót, trong quy trình tác nghiệp của BSC luôn đảm bảo khâu giám sát, kiểm tra lại được sắp xếp chặt chẽ, thường xuyên đào tạo và kiểm tra nghiệp vụ đối với nhân viên tác nghiệp, rà soát và cập nhật quy trình định kỳ. Ngoài ra, bộ phận kiểm soát nội bộ của BSC cũng thường xuyên có những cuộc kiểm tra định kỳ toàn diện để đảm bảo các sai sót nghiệp vụ được phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.

Rủi ro đối với môi trường : Với bản chất là hoạt động dịch vụ, tác động của BSC tới ô nhiễm môi trường chung là không cao. Tuy nhiên, BSC luôn quan niệm rằng việc bảo vệ môi trường có thể bắt nguồn từ các hoạt động nhỏ nhất. Cùng cộng đồng hướng tới xây dựng một môi trường xanh sạch đẹp, BSC đã phát động và duy trì nhiều phòng trào như : tiết kiệm giấy in, phân loại rác vô cơ hữu cơ, phòng trào trồng cây văn phòng xanh... Tuy hành động nhỏ nhưng những điều đó đã và đang góp phần xây dựng ý thức cho từng cán bộ, để mỗi cán bộ trở thành một công dân văn minh, luôn có ý thức bảo vệ môi trường chung.

Rủi ro khác: Rủi ro đến từ thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, thông tin truyền thông,... đều được bộ phận Quản trị rủi ro tại BSC theo dõi chặt chẽ. Bất cứ khe hở của chốt chặn rủi ro nào được phát hiện sẽ được nhanh chóng sửa chữa.

Khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp tại BSC được thiết kế dựa trên 03 mục tiêu chính gồm (i) chiến lược; (ii) hoạt động; và (iii) báo cáo và tuân thủ; và bao gồm 08 thành phần có liên hệ trực tiếp với nhau gồm (i) môi trường nội bộ, (ii) thiết lập mục tiêu, (iii) xác định sự kiện, (iv) đánh giá rủi ro, (v) phản ứng rủi ro, (vi) hoạt động kiểm soát, (vii) thông tin – liên lạc, và (viii) giám sát. Khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp được BSC áp dụng thống nhất và toàn diện trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, BSC xây dựng và triển khai “mô hình ba tuyến phòng vệ quản trị rủi ro”. Mô hình này cho phép phân tách trách nhiệm giữa các khối kinh doanh và khối tuân thủ; đồng thời vẫn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và khẩu vị về quản trị rủi ro của BSC. Trong đó, Bộ phận Quản trị rủi ro thuộc tuyến phòng vệ thứ hai trong chiến lược quản trị rủi ro thống nhất và toàn diện. Dưới sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc, Bộ phận Quản trị rủi ro đã thực hiện:

- Độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của hệ thống QTRR ở tuyến phòng thủ thứ nhất;
- Thực hiện QTRR cấp doanh nghiệp thông qua việc xây dựng khung và chính sách QTRR; khẩu vị rủi ro của doanh nghiệp; quy trình hoạt động và chốt kiểm soát để giảm thiểu rủi ro...
- Giám sát và cảnh báo tới cấp quản lý những rủi ro có khả năng xảy ra và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh;
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật; và tham vấn ý kiến của các cơ quan quản lý và xin ý kiến hướng dẫn bổ sung trong trường hợp chưa có các quy định hoặc các quy định chưa rõ ràng;
- Xây dựng văn hóa QTRR toàn doanh nghiệp và đào tạo về QTRR;

Tổng Quan Về BSC

Quản Trị Công Ty

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc Về Kết Quả Hoạt Động 2017

Kế Hoạch Kinh Doanh 2018

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững 2017

Báo Cáo Tài Chính

D. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

Vươn tới thành công



Với lòng say mê và kinh nghiệm 18 năm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán tại thị trường Việt Nam, BSC không ngừng nâng cao, cải thiện chất lượng dịch vụ, tiên phong trong việc cung cấp các sản phẩm mới, hứa hẹn gặt hái nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

I. Triển vọng thị trường 2018

Các yếu tố tác động thị trường chứng khoán

Chúng tôi đánh giá các yếu tố tác động đến triển vọng TTCK 2017 trên cơ sở xem xét các khía cạnh (1) Môi trường kinh tế và triển vọng kinh tế vĩ mô, (2) Nội tại thị trường, (3) Các dòng vốn, (4) Kinh tế thế giới và (5) Các vấn đề khác. TTCK vẫn được hỗ trợ bởi môi trường kinh doanh thuận lợi, chu kỳ kinh tế đi lên. Quy mô thị trường phát triển vượt bậc nhờ hoạt động niêm yết mới, thoái vốn cổ phần hóa. Dòng vốn ngoại đổ vào nhiều giúp cho thị trường vẫn hấp thụ tốt cổ phần nhà nước thoái vốn và giúp cho thanh khoản sôi động.

Dù vậy khi nhiều cổ phiếu được định giá cao, tương quan cung cầu năm tới và những thông tin quốc tế sẽ có tác động đáng kể đến biến động thị trường 2018.

Các yếu tố ảnh hưởng đến TTCK trong năm 2018

STT	Nội dung	Tác động	Chiều hướng tác động
1	Dân số, thu nhập và đô thị hóa	*****	Dài hạn
	WB nâng hạng 14 bậc	*****	
	Môi trường kinh tế		
	Nới tỷ lệ sở hữu NĐT nước ngoài	***	Thu hút NĐT nước ngoài
	Nghị định 71 hoàn thiện khung pháp lý quản lý công ty đại chúng	****	Nâng cao chất lượng quản trị
	Cắt giảm thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh	****	Cải thiện chất lượng và nâng cao quy tắc ứng xử
	Vốn hóa thị trường	***	Định giá thị trường
	Thanh khoản thị trường	****	Mức độ hấp dẫn của thị trường
2	Nội tại thị trường		
	Nâng hạng TTCK (triển vọng vào 6/2019)	*****	Thu hút vốn ngoại, cải thiện chất lượng quy mô thị trường.
	Thoái vốn nhà nước	****	Cung cấp hàng hóa chất lượng
	IPO và M&A	*****	Thúc đẩy tăng trưởng
	Mức độ cải thiện lợi nhuận	****	Định giá thị trường
	Hoàn thiện thị trường Phái sinh	****	Mức độ hấp dẫn và đa dạng của TT
3	Các dòng vốn		
	Lãi suất và tỷ giá ổn định	*****	Định giá thị trường và dòng tiền
	Dòng tiền đầu tư nước ngoài	****	Dòng tiền đầu tư mới
	Tăng trưởng tín dụng	***	Rủi ro thị trường

4	Các vấn đề khác	Các hiệp định thương mại	****	
		Nợ công chính phủ cao	***	Áp lực đầu tư công
		NQ 42 xử lý nợ xấu	****	Tăng trưởng tín dụng bền vững
		Các vấn đề địa chính trị	***	
5	Kinh tế thế giới	FED nâng lãi suất	*****	Ảnh hưởng dòng vốn ngoại
		OPEC cắt giảm sản lượng dầu	***	Áp lực lên lạm phát
		Xu hướng bảo hộ	****	Ảnh hưởng XNK
		Các nền KT lớn tăng trưởng khả quan	****	Triển vọng XNK

Nguồn: Phân tích BSC

Dự báo thị trường chứng khoán năm 2018

- Xu hướng tăng điểm vẫn được duy trì tuy nhiên nhiều cổ phiếu dẫn dắt đã có mức định giá cao. Dự báo theo 3 phương pháp VN-Index sẽ khoảng từ 785-1,053 với đỉnh rơi vào quý II ở mức 1,165 điểm. Đà tăng điểm sẽ phụ thuộc vào dòng tiền mới và sự đột biến từ các cổ phiếu niêm yết mới trong năm 2018, và đây cũng là yếu tố có thể tạo bất ngờ trong năm 2018.
- EPS VN-Index toàn thị trường (Tổng LNST/Tổng KLCPNY) 4 quý gần nhất 2,188 đồng, mức tăng trưởng bình quân 3 năm khoảng 7%. Ước tính tăng lên 2,341 đồng năm 2018. Trung bình giữa khoảng giá VN-Index dự báo năm 2018 thì P/E và P/B VN-Index năm 2018 dự báo lần lượt 16.6 và 2.4. Tương tự, P/E và P/B HNX-Index năm 2018 dự báo lần lượt 12.2 và 1.1.



Các chỉ báo thị trường qua các năm và dự báo cho năm 2018

Nguồn: Phân tích BSC

Các tiêu chí	Năm 2015	Năm 2016	Dự kiến năm 2017	Dự báo 2018
Tiêu chí chung				
Chỉ số chứng khoán				
- VN-Index	579.0	664.8	984.24	785-1,053
% tăng trưởng	6.1%	14.8%	44.4%	
- HNX-Index	79.9	80.1	116.86	100-130
- UPCOM-Index	51.0	53.8	54.91	60-64
Số công ty niêm yết	1,045.0	1,103.0	1,417.0	1,548.0
% tăng trưởng	8.8%	5.6%	28.5%	9.2%
- VN-Index	317.0	320.0	349.0	370.0
- HNX-Index	375.0	376.0	383.0	393.0
- UPCOM-Index	353.0	407.0	685.0	785.0
Số Tài khoản (nghìn TK)	1,570.6	1,690.0	1,902.0	2,092.2
% tăng trưởng	12.9%	7.6%	12.5%	10.0%
- Tài khoản nước ngoài	18.6	20.1	23.0	25.3
- Tài khoản trong nước	1,552.0	1,670.0	1,879.0	2,066.9
Vốn hóa thị trường (Tỷ USD)	61.8	78.4	148.5	170.0
% tăng trưởng	11.2%	26.8%	89.4%	16.0%
GT mua bán ròng khối ngoại TT niêm yết (Triệu USD)	125.5	(355.1)	1,009	500.0
Tiêu chí thanh khoản				
GTGDBQ /phiên 3 sàn gồm thỏa thuận (Triệu USD)	117.1	136.9	217.8	272.2
% tăng trưởng	-17.3%	16.9%	59.1%	25.0%
Vòng quay thanh khoản TT (vòng quay CP/năm)	0.6	0.6	0.7	0.8
- HSX	0.5	0.6	0.7	

- HNX	1	1	1.1	
- Upcom	0.1	0.1	0.1	
Cổ phiếu giao dịch BQ trên 1 triệu USD/ngày	27	23	45	50
Các chỉ số cơ bản				
VN-Index				
- P/E	12.5	15.6	19.3	16.6
- P/B	1.7	2.0	2.8	2.4
HNX-Index				
- P/E	10.3	10.0	14.1	12.2
- P/B	1.0	0.9	1.2	1.1



II. Mục tiêu và kế hoạch tài chính 2018

MỤC TIÊU

- Kinh doanh an toàn, có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt 200 tỷ đồng.
- TOP 10 thị phần giao dịch cổ phiếu.
- TOP 3 thị phần giao dịch trái phiếu.
- Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động các phòng, nâng cao năng lực thể chế và sức mạnh hệ thống, chuẩn hóa đội ngũ, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Phát triển hệ thống CNTT hiện đại có tính bảo mật và ứng dụng cao.
- Tích cực tìm kiếm cổ đông chiến lược/tài chính, thực hiện chủ trương giảm sở hữu BIDV tại BSC.
- Thúc đẩy quan hệ quốc tế.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018 Giá trị	KH 2018 % so với 2017
Doanh thu	597	574	96.15%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	208	200	96.15%
Một số chỉ tiêu khác			
Thị phần môi giới	3.90%	3.90%	100%
Hệ số an toàn tài chính (**)	≥ 180%	≥ 260%	
ROE	15.91%	13.13%	82.53%

(*) Hệ số an toàn tài chính trong kỳ đảm bảo duy trì tối thiểu là 260% đáp ứng điều kiện tham gia vào thị trường phái sinh 2018, phần đầu trên 460% để tham gia sản phẩm phát hành chứng quyền có đảm bảo.

CÁC BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI KHKD NĂM 2018

1. Gia tăng chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh phát triển thương hiệu

- Bám sát thị trường, điều chỉnh chính sách khách hàng, chính sách cho vay và chính sách sản phẩm hợp lý để cân bằng giữa tăng trưởng thị phần và quản trị rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.
- Sử dụng sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC. Gia tăng chất lượng dịch vụ môi giới bằng việc đào tạo cán bộ tư vấn, nâng cao chất lượng báo cáo phân tích.
- Cơ cấu lại khối IB theo hướng IB là nghiệp vụ cốt lõi về mảng hoạt động bảo lãnh phát hành thúc đẩy đầu tư và môi giới. Tiếp tục thúc đẩy phát triển quan hệ quốc tế thông qua nghiệp vụ M&A, môi giới cho khách hàng tổ chức nước ngoài, quảng bá thương hiệu BSC cho khách hàng quốc tế.
- Phát triển sản phẩm mới: chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm phái sinh và củng cố phát triển mạng lưới.
- Đẩy mạnh phát triển và quảng bá thương hiệu thông qua các kênh truyền thông. Chú trọng xây dựng các ấn phẩm có chất lượng, chuyên nghiệp.

2. Nâng cao năng lực tài chính của công ty

- Xác định việc phát hành tăng vốn Điều lệ giảm tỷ lệ sở hữu của BIDV tại BSC tiếp tục là công tác trọng tâm, tích cực tìm kiếm đối tác chào bán chiến lược.
- Phát hành trái phiếu doanh nghiệp để tăng tiềm lực tài chính cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chủ động tạo mối quan hệ, tạo nguồn vay hợp lý, góp phần tăng sự linh hoạt trong quá trình sử dụng vốn.

3. Hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực và cơ chế thu hút nhân tài

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, từng bước kiện toàn hoạt động các bộ phận, nâng cao hiệu quả quản trị công ty.
- Thường xuyên cập nhật và xây dựng các chỉ tiêu KPIs mới phù hợp với định hướng kinh doanh và xu thế thị trường.
- Tiếp tục thực hiện dự án cải tiến cơ chế tiền lương bám sát mức thị trường nhằm giữ chân và thu hút nhân sự có chất lượng, tương xứng với mục tiêu top 5 CTCK hàng đầu trên thị trường.
- Hoàn thiện dự án tư vấn “năng lực cốt lõi, năng lực lãnh đạo và xây dựng lộ trình nghề nghiệp” với PWC, góp phần định hướng và thúc đẩy cán bộ phát triển.
- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ, tăng tính đoàn kết gắn bó của tập thể nhân viên BSC.

III. Định hướng hoạt động từng khối

1. Khối môi giới

- Duy trì được nền tảng khách hàng có giao dịch ổn định làm tiền đề gia tăng thị phần bền vững. Hướng tới mục tiêu duy trì vị trí vững chắc tại Top 10 HSX và HNX.
- Nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng: Tập trung tư vấn theo chiều sâu, coi trọng mục tiêu gia tăng lợi nhuận cho khách hàng. Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC thông qua việc tiếp tục gia tăng chất lượng dịch vụ môi giới: chất lượng cán bộ tư vấn và chất lượng báo cáo phân tích.
- Đẩy mạnh tỷ trọng khối khách hàng tổ chức tại công ty: Hướng tới tiếp cận và thu hút các khách hàng tổ chức tại các thị trường quốc tế. Từng bước nâng cao tỷ trọng thị phần khách hàng tổ chức trong tổng thị phần tại BSC.
- Tiên phong và chủ động trong việc triển khai các sản phẩm chứng quyền có bảo đảm trong năm 2018.
- Bám sát thị trường, điều chỉnh chính sách khách hàng, chính sách cho vay và chính sách sản phẩm hợp lý để cân bằng giữa tăng trưởng thị phần và quản trị rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.

2. Khối tư vấn tài chính

Với định hướng chiến lược trở thành ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam, BSC đang từng bước nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Khối Tư vấn Tài chính BSC định hướng:

- Tiếp tục khẳng định, duy trì và phát triển thế mạnh của mình, làm nền tảng đóng góp vào sự chuyển động lớn của BSC.
- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.
- Đối tượng khách hàng được BSC ưu tiên trong thời gian tới vẫn duy trì là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động. Tiếp cận và phát triển nhóm Khách hàng này là công tác tiền đề dẫn đến các giao dịch lớn và trọng điểm trong giai đoạn phát triển sắp tới của BSC.
- Khai thác phát triển khách hàng của BIDV đồng thời tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng thuộc nhóm vừa và nhỏ: Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp khổng lồ, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với BIDV. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới.
- Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng. Khai thác triệt để chiến lược Top-Down bằng việc cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính cao cấp cho các Tổng Công ty lớn, đầu ngành để làm điểm tựa tiếp cận xuống hệ thống các doanh nghiệp trực thuộc, có tiềm năng phát triển tốt, tạo nền tảng để BSC cung cấp chuỗi các dịch vụ tư vấn có giá trị gia tăng cao.

3. Khối tự doanh

- Tiếp tục đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn nhanh, đảm bảo quản trị rủi ro chặt chẽ để tối đa hóa lợi nhuận.
- Nghiên cứu thị trường chứng khoán phái sinh, bước đầu gia nhập thị trường.
- Nghiên cứu, chuẩn bị phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm.

4. Khối hỗ trợ khác

Phân tích nghiên cứu

Với mục tiêu xây dựng mảng Phân tích một cách bài bản, nhanh nhạy, mạng lưới thông tin rộng so với thị trường, bộ phận chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ và các công cụ, mô hình phân tích đáp ứng được nhu cầu phát triển kết hợp với việc tăng cường khảo sát doanh nghiệp. Từ đó nâng mặt bằng, tạo sức bật cho toàn bộ phận trở thành nền tảng hỗ trợ cho bộ phận môi giới, tự doanh và đón đầu xu hướng mới của thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Để đạt được mục tiêu kể trên, BSC tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ phân tích nhằm nâng cao chất lượng cán bộ đáp ứng được nhu cầu công việc, tạo nên nền tảng cơ bản tốt và đồng đều so với thị trường. Đồng thời không ngừng nâng cấp các mô hình lượng hóa, dự báo, đánh giá, định giá để phục vụ mục tiêu phân tích và tư vấn đầu tư, nhằm tăng hiệu quả, tốc độ và tính tiện dụng của các công cụ nói trên, nâng cao chuẩn mực báo cáo. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác khảo sát thực địa các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành kinh tế trọng yếu hoặc có khả năng có cơ hội đầu tư trong năm 2017 nhằm theo dõi, tạo dựng quan hệ và thường xuyên cập nhật với các doanh nghiệp.

Công nghệ thông tin

Với mục tiêu xây dựng bộ phận CNTT chuyên nghiệp, BSC thực hiện chiến lược CNTT 2017-2022 đã được xây dựng. Chiến lược này sẽ cơ cấu lại bộ phận CNTT tại BSC theo hướng hiện đại, quy chuẩn, tháo gỡ các khó khăn, cải thiện các nhược điểm hiện tại, đồng thời, tạo điều kiện cho các sản phẩm công nghệ phát triển thuận lợi. Các mục tiêu chính của dự án cụ thể như sau :

- Đảm bảo các phần mềm ứng dụng cung cấp đầy đủ các chức năng, tiện ích nâng cao để hỗ trợ triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới. Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và tối ưu hiệu quả công việc.
- Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng CNTT, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, có tính sẵn sàng và dự phòng cao, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, nhu cầu tăng trưởng của BSC và tuân thủ các quy định của nhà nước.
- Tăng cường năng lực, kiểm soát an ninh bảo mật CNTT để đối phó với các rủi ro ngày càng gia tăng và đảm bảo tuân thủ quy định của các cơ quan nhà nước.
- Tối ưu hóa cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động CNTT.

Quản trị rủi ro

Dựa trên nền tảng khung quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp đã xây dựng được, BSC cam kết nâng cao các chuẩn mực thực hành tốt nhất và tăng cường áp dụng các thông lệ tốt về quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại BSC.

Các quy định được xây dựng phù hợp với định hướng hoạt động của BSC trong năm 2018, và sẵn sàng chuẩn bị cho sự ra đời của các sản phẩm mới trên thị trường chứng khoán – chứng quyền có bảo đảm, hợp đồng tương lai trái phiếu.

Ngoài ra, trong năm 2018, một trong những quan tâm hàng đầu về quản trị rủi ro tại BSC tiếp tục là xây dựng văn hóa quản trị rủi ro cấp doanh nghiệp – thể hiện chiến lược quản trị rủi ro tổng thể. Văn hóa QTRR được thiết lập từ tiếng nói của lãnh đạo cao nhất và được truyền thông nhất quán đến các cán bộ nhân viên BSC nhằm xây dựng một môi trường mà trong đó QTRR cấp doanh nghiệp đóng vai trò là một công cụ thúc đẩy đối thoại về rủi ro ở tất cả các cấp để tối đa hóa hiệu quả và QTRR trong ngưỡng chấp nhận rủi ro.

Tổng Quan Về BSC

Quản Trị Công Ty

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc Về Kết Quả Hoạt Động 2017

Kế Hoạch Kinh Doanh 2018

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững 2017

Báo Cáo Tài Chính

E. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017

Sát cánh bên nhau,
tiến về phía trước



Đóng góp cho sự phát triển của xã hội nói chung và thị trường tài chính nói riêng là một trong những mục tiêu quan trọng của BSC. Gắn kết chặt chẽ với việc đảm bảo kết quả kinh doanh tích cực, BSC luôn chủ động đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các bên liên quan và trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, góp phần tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội cùng sát cánh bên nhau, tiến về phía trước.

I. Chiến lược phát triển bền vững tại BSC 2017 - 2020

HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với vị thế là 1 trong 10 công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, BSC cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán phong phú và đa dạng, mang đến sự hài lòng cho khách hàng, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông, tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên liên quan và hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI BSC

Mô hình phát triển bền vững của BSC bao gồm ba trụ cột chính, đó là **Kinh Tế**, **Xã Hội** và **Môi trường**.

KINH TẾ

- Nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp, bám sát mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Đảm bảo tăng trưởng ổn định, tăng động lực phát triển.
- Duy trì cổ tức ổn định cho cổ đông, đem đến dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và đối tác.
- Kiểm soát tốt rủi ro và Tăng tính minh bạch trong hoạt động.
- Đóng góp phát triển thị trường vốn, tham gia phát triển kinh tế khu vực.

XÃ HỘI

- Đảm bảo cam kết với các bên liên quan.
- Tăng cường trách nhiệm với xã hội.

MÔI TRƯỜNG

- Bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

II. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững và mức độ đáp ứng của BSC

Quy trình đánh giá mức độ trọng yếu của các khía cạnh là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của BSC. Đây là cơ sở để BSC triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của tất cả các bên liên quan một cách thích hợp nhất. Việc đánh giá mức độ trọng yếu của các tiêu chí đối với các bên liên quan được BSC thực hiện theo trình tự sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định các bên liên quan bao gồm (1) cổ đông, (2) khách hàng, (3) đối tác, (4) cơ quan quản lý, (5) hiệp hội nghề nghiệp, (6) nhân viên và (7) cộng đồng địa phương. Tiếp đó, BSC tiến hành đánh giá mức độ lợi ích mà các bên liên quan sở hữu và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan này trong mối quan hệ với BSC.
- Xác định các khía cạnh GRI (GRI Aspects) được cho là phù hợp với trường hợp của BSC:
 - » Kinh tế
 - * Kết quả kinh doanh
 - » Xã hội
 - * Lao động và làm việc
 - Quan hệ lao động
 - Giáo dục và đào tạo
 - Sự đa dạng và Cơ hội công bằng
 - Cơ chế khiếu nại về lao động
 - * Nhân quyền
 - Đầu tư
 - * Xã hội
 - Cộng đồng địa phương
 - Chống tham nhũng
 - Sự tuân thủ
 - * Môi trường:
 - Năng lượng
 - Nước
 - Tuân thủ

Giai đoạn 2: Thực hiện thu thập thông tin về các lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm thông qua các hoạt động sau:

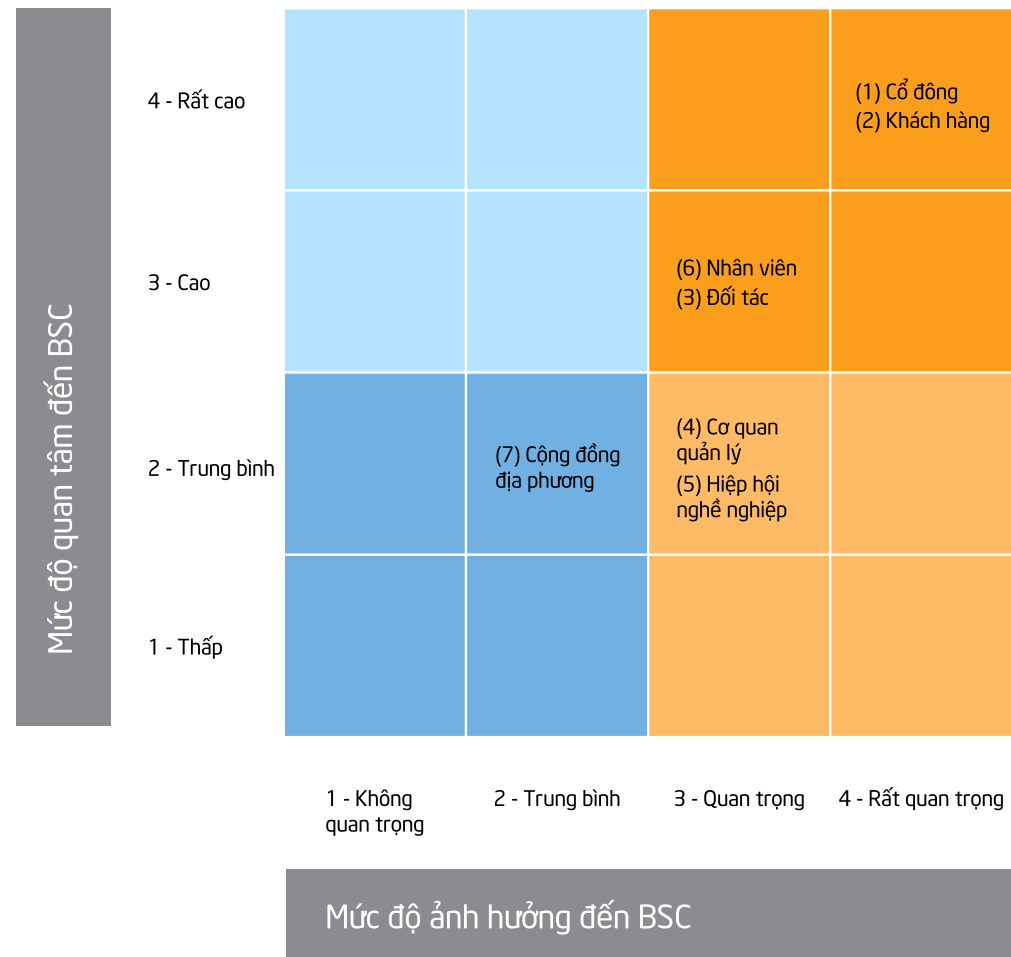
- Phỏng vấn đội ngũ lãnh đạo cấp cao về kết quả kinh doanh và tăng trưởng cũng như các lĩnh vực mới nổi liên quan đến phát triển bền vững có tác động lớn đến tăng trưởng.
- Thu thập thông tin từ Khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Trao đổi với các cơ quan quản lý và các cộng đồng, các tổ chức, các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Giai đoạn 3: Tiến hành đánh giá để thiết lập mức độ ưu tiên nhóm khía cạnh theo hai tiêu chí:

- Mức độ quan tâm và ảnh hưởng đến BSC của các bên liên quan.
- Các tác động đáng kể của BSC tới kinh tế, môi trường và xã hội.

MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ QUAN TÂM VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tất cả các tiêu chí đều được phân loại thành các nhóm dựa trên mức độ quan tâm và mức độ ảnh hưởng đến BSC theo mô hình dưới đây:



Các bên liên quan trọng yếu	Các mối quan tâm	Quan điểm và hành động của BSC	Các chỉ số GRI tương ứng
Cổ đông	Cổ tức	Cổ tức ổn định	G4-EC1
	Giá cổ phiếu	Nâng cao quản trị doanh nghiệp và sức mạnh nội lực doanh nghiệp đảm bảo tăng trưởng giá cổ phiếu đi đôi với tăng trưởng giá trị doanh nghiệp	
	Thông tin minh bạch	Cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho Cổ đông	
Khách hàng/Đối tác	Chất lượng và uy tín của sản phẩm dịch vụ	Duy trì, nâng cao chất lượng của sản phẩm dịch vụ thường xuyên áp dụng các thông lệ tốt nhất trong khu vực và thế giới về chất lượng sản phẩm dịch vụ	
Cơ quan quản lý và các Hiệp Hội	Tuân thủ quy định của pháp luật	Quản trị rủi ro pháp lý, quản trị rủi ro Doanh nghiệp hiệu quả	G4-SO8
	Giải pháp phát triển thị trường	Tích cực tham gia đóng góp ý kiến và các giải pháp phát triển thị trường	
	Đóng góp cho ngân sách nhà nước	Tuân thủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước	G4-EC1
Nhân viên	Lương thưởng và chính sách phúc lợi	Đảm bảo lương thưởng và chính sách phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh và ngày càng cải thiện cho người lao động	G4-LA2
	Chính sách đào tạo và phát triển đội ngũ	Thường xuyên xây dựng đội ngũ, đào tạo kiến thức kỹ năng cho nhân viên	G4-LA10
	Lộ trình công danh	Có lộ trình công danh cụ thể rõ ràng cho nhân viên phấn đấu	
Cộng đồng địa phương	Phát triển thể hệ trẻ	Tích cực hỗ trợ chương trình phát triển thể hệ trẻ, đặc biệt thể hệ nhân sự làm công tác tài chính ngân hàng	
	Chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội	Tổ chức các hoạt động thiện nguyện san sẻ với các hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng	

III. Đánh giá hoạt động trong năm 2017

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đảm nhiệm vai trò là một tổ chức trung gian, kết nối cung cầu trên thị trường vốn, BSC tiếp tục duy trì vị thế là một trong 10 công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Hoạt động kinh doanh năm 2017 của BSC ghi nhận những kết quả tích cực:

Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh 45% so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu năm 2017 đạt 566,87 tỷ đồng bằng 137% mức thực hiện năm 2016. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 174,97 tỷ đồng bằng 145% cùng kỳ năm trước.

Tổng tài sản tăng 62% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản của BSC tại thời điểm 31/12/2017 là 2.345,97 tỷ đồng, tăng 893 tỷ đồng tương ứng tăng 62% so với thời điểm 01/01/2017. Sự tăng lên của tổng tài sản là do BSC đã tăng tài khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Mức tăng trưởng này ngoài việc thể hiện BSC đã tận dụng cơ hội thị trường tài chính đạt được mức tăng ấn tượng, còn thể hiện sự lớn mạnh về quy mô hoạt động của BSC.

Chỉ tiêu an toàn vốn khả dụng của BSC năm 2017 đạt 495%, mặc dù thấp hơn so với chỉ tiêu an toàn vốn khả dụng năm 2016 là 695% nhưng vốn khả dụng của BSC vẫn cao hơn nhiều so với mức yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước theo thông tư 78 là 180%.

Thu nhập của BSC đến từ 03 mảng hoạt động là Môi giới, Tự doanh và Tư vấn tài chính. Chi tiết về hoạt động của các mảng hoạt động được mô tả dưới đây:

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Thị phần môi giới cổ phiếu của BSC luôn nằm trong TOP 10 CTCK tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị phần môi giới cổ phiếu của BSC năm 2017 đạt 3.716% giảm nhẹ so với năm 2016 là 3.867%. Mặc dù thị phần giảm nhưng doanh thu từ hoạt động môi giới cổ phiếu của BSC lại tăng đáng kể. Để đạt được kết quả như trên là nỗ lực rất lớn của đội ngũ TVĐT BSC. Nguyên nhân là do trong năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động. Đặc biệt, số lượng giao dịch thỏa thuận tăng đột biến đã ảnh hưởng đến thị phần môi giới cổ phiếu của BSC.

Thị phần môi giới trái phiếu chính phủ của BSC tiếp tục duy trì vị trí đứng đầu sàn HNX. Môi giới trái phiếu BSC tiếp tục có một năm thành công, giữ vững vị trí top đầu thị trường. Mặc dù một số khách hàng lớn của BSC đã dừng giao dịch do trở thành viên đầu thầu trực tiếp của Sở giao dịch, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của môi giới trái phiếu BSC. Tuy nhiên, môi giới trái phiếu BSC 2017 tiếp tục mở rộng thêm mạng lưới khách hàng mới là các khách hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, bao gồm MB Ages, Manulife, PTI, Ngân hàng xây dựng, Cathay, BIDC HCM... Doanh thu từ hoạt động môi giới trái phiếu chính phủ đạt 14,72 tỷ.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tư vấn Tài chính BSC tiếp tục giữ vững định hướng, chiến lược tập trung khai thác các khách hàng thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Các giao dịch được thực hiện bởi BSC là các giao dịch có quy mô lớn gắn liền với khách hàng có tên tuổi trong nền kinh tế Việt Nam, nhằm mục đích phát triển bền vững chắc cho thương hiệu BSC.

Các giao dịch tư vấn cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng các Tổng Công ty, Tập đoàn đầu ngành đã mang lại tiếng vang lớn cho BSC. Những giao dịch này sẽ là cầu nối mang lại mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa BSC và các Quý đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng thêm mạng lưới khách hàng cho không chỉ dịch vụ tư vấn tài chính mà còn hỗ trợ đẩy mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức.

BSC chủ trương không chú trọng vào việc cạnh tranh về phí, đặc biệt là đối với các giao dịch niêm yết, mà tập trung vào chất lượng dịch vụ được cung cấp và chú trọng đặc biệt vào các khách hàng lớn. BSC có thể miễn phí phí dịch vụ đầu tiên để thu hút khách hàng và làm cầu nối để tiếp tục ký hợp đồng thực hiện các giao dịch tiếp theo.

Trong năm 2017, BSC tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế. Mỗi giao dịch tư vấn thực hiện đều khác biệt và do đó BSC chú trọng vào việc cung cấp dịch vụ chất lượng hơn là giá trị hợp đồng, với tâm niệm không ngại thử thách. In 2017, doanh thu từ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán năm 2017 đạt 26,8 tỷ đồng.

Tổng Quan Về BSC

Quản Trị Công Ty

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc Về Kết Quả Hoạt Động 2017

Kế Hoạch Kinh Doanh 2018

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững 2017

Báo Cáo Tài Chính

TỰ DOANH

Tự doanh cổ phiếu

Cùng với sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, năm 2017 là năm Khối tự doanh cổ phiếu BSC ghi dấu ấn với mức lợi nhuận ấn tượng. Nhận thấy xu hướng tăng trưởng của thị trường cổ phiếu, BSC đã chủ động tăng vốn đầu tư. Số dư đầu tư cổ phiếu bình quân tăng hơn 2 lần so với số đầu tư năm 2016. Năm bắt được xu thế thị trường kết hợp với quản trị rủi ro chặt chẽ, tự doanh cổ phiếu của đem lại lợi nhuận lớn cho BSC.

Tự doanh trái phiếu

Với định hướng, chiến lược đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn liên tục, đón đầu được các đợt sóng để tối đa hóa lợi nhuận, phần đầu trở thành một trong các hoạt động nòng cốt đem lại lợi nhuận cho công ty. Năm 2017, khối tự doanh trái phiếu tiếp tục duy trì được đà hoạt động tích cực và đóng góp lượng lớn lợi nhuận cho BSC.

ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với nhà nước

Là một trong những công ty thành lập đầu tiên và nằm trong top đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, BSC luôn đặt ra tiêu chuẩn tuân thủ cao nhất đối với luật pháp Việt Nam và các quy định trong khu vực cũng như quốc tế.

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, BSC luôn thực hiện tuân thủ đúng và đầy đủ mọi chính sách, quy định của pháp luật Việt Nam và mọi thông tư, nghị định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, BSC luôn ý thức về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế của mình. Trong năm 2017, BSC đã đóng góp 32,8 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, bằng 2,83 lần so với tổng thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp năm 2016.

Với cổ đông

Trong năm 2017, BSC đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch mục tiêu. Lợi nhuận sau thuế đạt 174,97 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng thêm 220 tỷ so với năm 2016, thu nhập trên cổ phiếu EPS đạt 2.351 đồng, gấp 2 lần so với mức thực hiện năm 2016.

Bên cạnh các kết quả tích cực về mặt tài chính, với tôn chỉ hoạt động tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, BSC nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Cổ đông và Nhà đầu tư.

Trong năm 2017, BSC đã thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường, thông tin theo yêu cầu với các nội dung bao gồm: Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm; Báo cáo thường niên; báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán; Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao; Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ đông nội bộ,...

Trong năm 2017, chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website cũng đã được BSC chú trọng cập nhật thông tin nhằm xây dựng một kênh giao tiếp với đông đảo nhà đầu tư. Đồng thời, các nội dung liên quan đến cổ phiếu BSI cũng được cập nhật nhanh chóng nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về cổ phiếu BSI.

Với khách hàng

Với định hướng đem lại các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, trong năm 2017, BSC tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và tích cực triển khai công tác phát triển sản phẩm mới.

Trong năm 2017, BSC đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng mạng cho Chi nhánh, hoàn thành việc triển khai hệ thống hạ tầng mạng, máy chủ ứng dụng gateway tại trung tâm dữ phòng Hose. Công ty

cũng thực hiện thiết kế lại website, giúp khách hàng thuận tiện hơn trong việc sử dụng các dịch vụ của BSC.

BSC là một trong 05 công ty chứng khoán đầu tiên tại thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức triển khai cung cấp sản phẩm phái sinh Hợp đồng tương lai từ ngày 10/08/2017. Bên cạnh đó, BSC cũng đang tích cực thực hiện các bước chuẩn bị cần thiết để cung cấp sản phẩm Chứng quyền có đảm bảo – dự kiến đi vào hoạt động trong quý II/2018.

Đi đôi với việc cải thiện nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và tích cực phát triển sản phẩm mới, đội ngũ phân tích nghiên cứu của BSC tiếp tục cho ra các báo cáo có chất lượng cao phục vụ cho chiến lược đầu tư của nhà đầu tư và khách hàng. Năm 2017, các báo cáo phân tích của BSC đã gây được tiếng vang lớn và có tác động nhất định trên thị trường. Năm 2017, đội ngũ phân tích của BSC đã gặt hái được nhiều giải thưởng tại Cuộc bình chọn có uy tín lớn trên thế giới “Asiamoney Brokers Poll 2017”.

Với cơ quan quản lý

Trong 18 năm hoạt động và phát triển, BSC luôn là thành viên tích cực của Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC), Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

BSC đã tích cực tham gia và triển khai các sản phẩm mới của thị trường như sản phẩm chứng quyền có bảo đảm thông qua tham gia hội thảo, chương trình tập huấn, đóng góp ý kiến về quy định và khung pháp lý về sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Trong năm 2017, BSC đã được HNX trao kỷ niệm chương “Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017” và “Thành viên thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên” và được VSD tuyên dương là “Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đầu tiên”.

Với các hiệp hội

Là một trong các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, BSC ý thức được trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng thị trường vốn không

ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới.

BSC luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. Đại diện của BSC là các thành viên của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, hiệp hội đầu tư sang Campuchia, Hiệp hội xi măng, Hiệp hội mía đường,... Công ty thường xuyên tổ chức các buổi Hội nghị phân tích định kỳ hàng quý cho báo đài và các quỹ đầu tư quan tâm, qua đó giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm những thông tin hữu ích và đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư.

Đối với các hoạt động của hiệp hội, BSC luôn chủ động đóng góp ý kiến, xây dựng Hiệp hội ngày càng lớn mạnh về tính chuyên nghiệp và quy mô hoạt động.

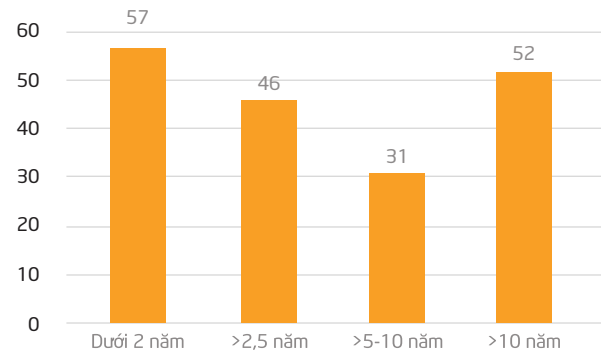
Với người lao động

Con người là tài sản quý giá nhất trong bất cứ ngành dịch vụ nào, đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính như chứng khoán. Một doanh nghiệp chỉ có thể phát huy được hết tiềm năng khi họ biết thu hút, khuyến khích và giữ chân những nhân viên giỏi nhất cũng như đặt họ vào đúng chỗ, đúng thời điểm để phát triển.

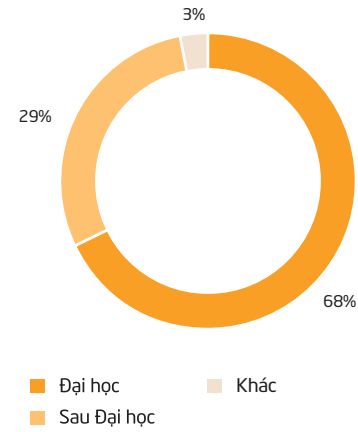
Công ty nhận thức được về việc hoạt động kinh doanh chứng khoán sẽ ngày càng tiệm cận đến các sản phẩm tài chính có hàm lượng chất xám và tri thức cao, do đó yêu cầu về kiến thức, khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu. Vì thế, BSC định hướng xây dựng văn hóa chấp nhận bất kỳ tài năng nào gia nhập BSC. BSC cần người tài và đón nhận họ trở thành một phần của BSC.

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số nhân sự đang làm việc tại BSC là 182 cán bộ (tăng 4,6% so với tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2016). Trong đó: Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 97% tổng số lao động. Đội ngũ nhân sự của BSC chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 25-40 tuổi.

Số lượng nhân viên tính theo thời gian làm việc tại công ty

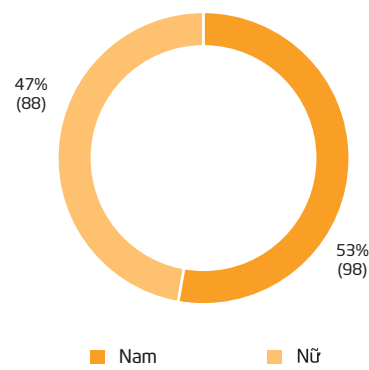


Trình độ học vấn của người lao động



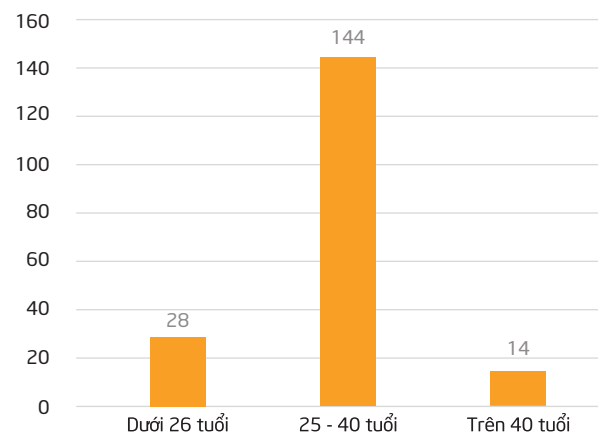
Với 68% số lượng nhân viên có trình độ cử nhân, 29% số lượng nhân viên có trình độ trên đại học giúp BSC tiếp tục cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao.

Tỷ lệ lao động phân chia theo giới

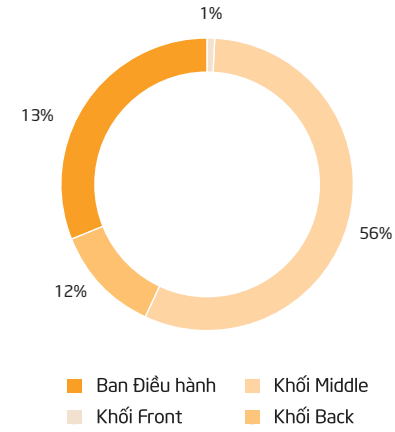


Tỷ lệ cân bằng giữa lao động nam và nữ tại BSC cho thấy sự ủng hộ của công ty đối với bình đẳng giới tại nơi làm việc.

Số lượng lao động tính theo độ tuổi



Cơ cấu nhân viên theo khối



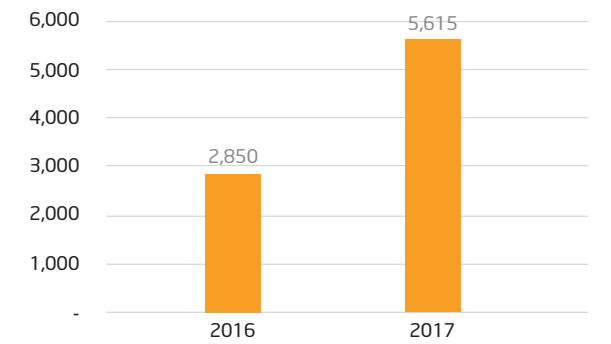
Huấn luyện, đào tạo là một mảng trọng tâm luôn được BSC ưu tiên đầu tư từ những ngày đầu thành lập. BSC chủ trương đào tạo và rèn luyện đội ngũ cán bộ trực tiếp thông qua những công việc thực tế nhằm trau dồi kiến thức chuyên môn cũng như thúc đẩy khả năng sáng tạo của từng cán bộ.

BSC luôn khuyến khích các nhân viên theo học thêm các chứng chỉ chuyên nghiệp. Ví dụ, các giao dịch viên môi giới được yêu cầu phải có giấy phép chứng khoán viên và chúng tôi đồng thời khuyến khích các nhân viên kế toán của chúng tôi đạt được các chứng chỉ chuyên nghiệp như CFA hoặc CPA.

Để duy trì sự thành công và tiếp tục cống hiến nhiều hơn cho khách hàng, BSC xác định phải luôn đi tiên phong về mặt kiến thức và công nghệ. Vì vậy, chúng tôi tổ chức và cử nhân viên tham gia nhiều khóa học nhằm đầu tư cho sự phát triển bền vững, tạo sự đổi mới, tăng tính hiệu quả; tạo ra một văn hóa đa dạng trong công việc.

Trong năm 2017, BSC đã tạo điều kiện để các nhân viên tham gia nhiều khóa đào tạo như: Đào tạo chứng chỉ hành nghề chứng khoán, Khóa học "Behind the Number", Đào tạo Phân tích kỹ thuật, Đào tạo bảo mật hệ thống mạng, ảo hóa, an toàn thông tin, lập trình Java, Đào tạo về chứng khoán phái sinh tại Trung Quốc, Đào tạo về trí tuệ nhân tạo trong chứng khoán, Đào tạo phát hành trái phiếu doanh nghiệp, Đào tạo

Biểu đồ chi phí đào tạo 2016-2017 (đơn vị: triệu đồng)



quản trị nhân sự: xây dựng năng lực cốt lõi, năng lực lãnh đạo, năng lực chuyên môn thông qua đơn vị tư vấn PWC.

Chính sách lương thưởng được xây dựng dựa trên giá trị công việc và hiệu quả công việc của từng nhân viên BSC. Hiện nay, công ty BSC đang áp dụng 2 quy chế lương cho 2 nhóm đối tượng khác nhau là các cán bộ sale thuộc khối Tư vấn Đầu tư và cán bộ còn lại. Đối với các cán bộ thuộc khối Tư vấn đầu tư, BSC áp dụng chi trả lương theo hình thức chia sẻ phí giao dịch trong hoạt động môi giới đầu tư. Đối với các khối, bộ phận còn lại, BSC tiến hành đánh giá hiệu quả làm việc và chi trả lương dựa trên việc sử dụng hệ thống chỉ tiêu KPI (Chỉ số hiệu suất cốt yếu - Key Performance Indicators) nhằm nâng cao tính công bằng, cạnh tranh và tạo động lực trong làm việc. Trong năm 2017, BSC đã tiến hành chi trả hơn 94,8 tỷ đồng tiền lương thưởng thêm giờ cho toàn thể nhân viên công ty, tăng 49,2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi tiết lương thưởng tại BSC năm 2016-2017

Diễn giải	2017	2016	%2017/2016
1. Lương (Khoán, KPI, thêm giờ)	94.825.102.595	63.548.406.782	49,22%
- Khối Môi giới	36.258.617.224	21.217.593.314	70,89%
- KPI	58.516.931.000	41.900.000.000	39,18%
- Thêm giờ	249.554.371	430.813.468	(42,07%)

Bên cạnh những khoản thu nhập được chi trả định kỳ nêu trên, nhân viên BSC còn nhận được một số khoản thu nhập khác như:

- Tiền ăn trưa (chi trả cùng tiền lương hàng tháng)
- Phụ cấp trang phục (trả theo lương hàng tháng)
- Tiền thưởng chi trả dựa trên thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh của công ty ở từng thời kỳ.

Ngoài ra, BSC còn đưa ra nhiều chương trình phúc lợi khác như:

- Tổ chức sức khỏe hàng năm, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ.
- Tổ chức các chương trình du lịch, các kỳ nghỉ mát, chơi thể thao, các hoạt động cộng đồng, tết thiếu nhi, trung thu... để đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống cho cán bộ.
- Hỗ trợ về nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày, cán bộ điều động.
- Các chương trình khác giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên và gia đình với công ty như: hỗ trợ kinh phí điều trị các bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi là con em cán bộ làm việc tại BSC, khen thưởng cán bộ tuân thủ tốt lối sống văn phòng xanh...

BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn. Tất cả các kế hoạch, chương trình được tổ chức đều vì mục đích chung là đem lại lợi ích cho nhân viên BSC.

Chi tiết lương thưởng tại BSC năm 2016-2017

Diễn giải	2017	2016	%2017/2016
1. Lương (Khoán, KPI, thêm giờ)	94.825.102.595	63.548.406.782	49,22%
2. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe và kinh phí công đoàn	4.087.730.438	3.938.590.714	3,79%
3. Bảo hiểm thất nghiệp	180.449.815	170.476.443	5,85%
4. Các khoản chi có tính chất phúc lợi khác	7.417.435.189	7.378.251.152	0,53%

Bên cạnh các chính sách đãi ngộ về tài chính, việc xây dựng **môi trường làm việc chuyên nghiệp** cũng được BSC hết sức chú trọng.



TÔN TRỌNG CÁ NHÂN

BSC chú trọng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cho phép có sự trao đổi và cạnh tranh các ý tưởng một cách tự do. Theo đó, mỗi quan điểm đều được lắng nghe, khuyến khích bày tỏ, sáng tạo và chia sẻ khó khăn. Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, định hướng nghề nghiệp cho cán bộ, giúp các cá nhân phát huy tối đa năng lực.

TẬN TÂM

Cán bộ BSC tôn trọng và gắn bó đạo đức nghề nghiệp với trách nhiệm thực hiện công việc. Bằng tất cả nỗ lực, những sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng đều là thành quả của quá trình lao động sáng tạo nghiêm túc. Sự tận tâm của cán bộ BSC thể hiện qua:

- Tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc tốt nhất và đúng hạn, chú trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và đồng nghiệp.
- Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ để phục vụ hiệu quả và làm hài lòng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Sự trung thực và thẳng thắn, sẵn sàng nói thẳng, nói thật để công việc được tốt hơn, trên cơ sở tôn trọng bản thân và tôn trọng đồng nghiệp.
- Thái độ tích cực thể hiện qua lòng ham mê nhiệt huyết trong công việc mỗi ngày, sẵn sàng học hỏi, nâng cao năng lực với tinh thần cầu thị.

BSC cam kết xây dựng một môi trường làm việc **công khai và minh bạch** cho phép nhân viên có thể chia sẻ các mối lo ngại đi ngược lại với các chính sách, nội quy hoặc nguyên tắc kinh doanh của BSC xảy ra trong công việc hoặc giữa các mối quan hệ đồng nghiệp mà không e sợ việc ảnh hưởng tới công việc của mình về sau.

SÁNG TẠO

Văn hóa doanh nghiệp với sức sáng tạo, khả năng mau hồi phục và tinh thần đổi mới cho phép BSC đương đầu được với những vấn đề cốt lõi của mình, vượt qua khó khăn và lấy lại được vị thế của những năm đầu thành lập. Tâm vóc của BSC thể hiện không chỉ phản ánh qua sức mạnh và năng lực tài chính của mình mà vươn lên từ những ý tưởng tuyệt vời. Chỉ có sức mạnh lớn lao của nền văn hóa sáng tạo mới thúc đẩy sự chia sẻ ý tưởng và trách nhiệm của mình với thị trường và cộng đồng để thiết lập một BSC ngày càng thịnh vượng hơn.

Tại BSC, nhân viên được khuyến khích báo cáo với người giám sát trực tiếp về mối lo ngại liên quan đến việc tuân thủ, đạo đức hoặc các nguyên tắc kinh doanh. Chính sách của BSC nêu rõ nhân viên không phải lo lắng việc bị trả thù khi tố cáo các vi phạm hoặc các nghi ngờ về vi phạm pháp luật, đạo đức.

BSC làm việc chặt chẽ với đại diện công đoàn để xây dựng và giữ vững mối quan hệ lâu dài, mang tính xây dựng và đôi bên cùng có lợi. Công ty thường xuyên truyền tải thông tin của công đoàn tới toàn thể các nhân viên bao gồm các cấp lãnh đạo nhằm đảm bảo nhân viên cùng đạt được các kết quả khả quan và đồng nhất. BSC tôn trọng quyền của nhân viên tham gia vào các công đoàn và đại diện công đoàn có thể thương lượng với ban quản trị các ý kiến của nhân viên mà không e ngại ảnh hưởng tới công việc về sau. Tất cả nhân viên tại BSC đều được đưa ý kiến thông qua người đại diện của Công đoàn. Việc duy trì mối quan hệ làm việc hiệu quả với Công đoàn cho phép BSC có thể hợp tác giải quyết các vấn đề trọng yếu ảnh hưởng đến sự thành công của Công ty, đồng thời giúp BSC giải quyết các vấn đề một cách tích cực, mang tính xây dựng và quản lý rủi ro.

Cam kết của công ty đối với **quyền con người** và môi trường làm việc, cũng như cam kết điều hành một doanh nghiệp bền vững buộc BSC phải tôn trọng quyền của tất cả nhân viên. Nhằm nâng cao các cam kết này, Công ty đã đưa các nội dung này vào một loạt các buổi hội thảo, đào tạo và trình bày vào ngày giới thiệu và định hướng dành cho nhân viên mới. Hầu hết mọi người đã có ý thức cơ bản về thế nào là đối xử bình đẳng và tôn trọng. Tuy nhiên, các chính sách và nguyên tắc chính thức rất quan trọng để định nghĩa các tiêu chuẩn chung về quyền con người và đảm bảo họ được tôn trọng trong một tổ chức.

ĐOÀN KẾT TẬP THỂ

BSC thực hiện tốt công tác đoàn kết nội bộ, ban hành quy định cụ thể về đối thoại dân chủ cơ sở. Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động và duy trì đúng chức năng nhiệm vụ đảm bảo hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ kinh doanh cũng như giữ gìn và phát huy văn hóa tổ chức.

BSC đề cao văn hóa biết đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, biết xem công việc của đồng nghiệp cũng như công việc của chính mình, biết nhìn nhận cái đúng cái sai và biết lắng nghe để tự sửa chữa mình, biết góp ý chân tình cho đồng nghiệp. Đó là cơ sở để xây dựng khối đoàn kết nội bộ BSC ngày càng vững chắc hơn.

Một vấn đề hết sức quan trọng trong việc xây dựng mối đoàn kết nội bộ BSC là phát huy tinh thần dân chủ trong Công ty, tạo sự công bằng đối với mỗi cán bộ và sự minh bạch về chính sách lương thưởng. BSC khuyến khích, công nhận và quy hoạch những cá nhân có năng lực nghiệp vụ cũng như đạo đức, kỷ luật lao động.

VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Đối với các hợp đồng lao động được ký kết giữa BSC và cán bộ, nhân viên trong Công ty, BSC nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, quy chế nội bộ của Công ty về ký kết và thực hiện hợp đồng lao động. Cụ thể như: Việc ký kết hợp đồng lao động trên cơ sở kết quả tuyển dụng được thực hiện đúng quy trình tuyển dụng của Công ty, đảm bảo tiêu chuẩn và yêu cầu tuyển dụng đặt ra đồng thời trên tinh thần tự nguyện của người lao động. Đối với từng đối tượng người lao động, BSC thực hiện tuân thủ chế độ về hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật như: hợp đồng lao động không xác định thời hạn, xác định thời hạn, hợp đồng thuê khoán.



IV. Gắn kết phát triển bền vững trong quản trị doanh nghiệp

1. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Quy tắc và quy định về đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự phát triển kinh doanh, với vai trò là người sử dụng lao động, BSC luôn tạo một môi trường lành mạnh và theo chuẩn mực đạo đức nhất định.

Hoạt động cốt lõi của các công ty chứng khoán là hoạt động trên thị trường vốn dựa trên cơ sở tin tưởng và lòng tin. Tính chính trực và các chuẩn mực đạo đức là các yếu tố cơ bản dẫn tới phát triển bền vững. Do đó, nhân sự của BSC đòi hỏi phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tính liêm khiết cao nhất. UBCKNN là cơ quan giám sát việc tuân thủ các quy định về đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải lúc nào các quy định cũng được nêu trắng

đen rõ ràng, do đó nhân sự của BSC phải sử dụng sự cẩn trọng hợp lý và tuân thủ theo những thông lệ kinh doanh được chấp nhận trong những hoàn cảnh tương tự. Sự tuân thủ các quy định phát luật cũng như đạo đức nghề nghiệp không nên hiểu đơn thuần là việc tuân thủ các từ ngữ quy định của pháp luật hay quy định mà quan trọng hơn là sự tuân thủ đạo lý và tinh thần của quy định đó. Do đó, BSC muốn đi đường dài, thì ngoài chất lượng chuyên môn thì đạo đức là nội dung cần thiết phải đào tạo và xây dựng. Đây là phương tiện xây đắp và thiết lập lòng tin và sự chung thủy từ khách hàng.

2. BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA BSC

Bộ quy tắc ứng xử của BSC quy định về các hành vi và cách hành xử trong các mối quan hệ kinh doanh thích hợp trong môi trường làm việc của Công ty. Việc đưa ra các ý kiến hoặc mối quan ngại về các hành vi đạo đức trong kinh doanh được chính thức hóa bằng các quy trình sẵn có trong quy định hiện hành, đồng thời đề xuất các kênh phản hồi khác nhau. Bộ quy tắc ứng xử này được đăng trên mạng nội bộ nhằm mục đích tham khảo và cập nhật.

Bộ quy tắc ứng xử là cam kết của chúng tôi về các tiêu chuẩn đạo đức trong kinh doanh của BSC. Bộ quy tắc này được lập dựa trên các giá trị của BSC và xác định các nguyên tắc cũng như các kì vọng dành cho tất cả các nhân viên làm việc tại BSC. Bộ quy tắc này được áp dụng cho tất cả các nhân viên và thành viên HĐQT. Trong bộ quy tắc này, yếu tố được quan tâm và đề cập nhiều nhất đều liên quan đến con người. Điều này bao gồm việc đối xử giữa người với người, đề cao nhân phẩm của mỗi cá nhân, và cơ hội của mỗi người đều như nhau; tạo ra một môi trường làm việc nói không với các hành vi quấy rối và bảo vệ sự riêng tư và tuyệt mật của từng cá nhân.

Các giá trị của BSC là nền tảng cho chúng tôi trong việc tạo ra giá trị bền vững cho các cổ đông, hỗ trợ cộng đồng địa phương, và bảo vệ danh tiếng của công ty. Hoạt động kinh doanh đi kèm tính trung thực là điều mà chúng tôi cố gắng thực hiện mỗi ngày để tạo sự tin tưởng của khách hàng. Để minh chứng cho điều này, bao gồm trong bộ quy tắc là các chỉ số đo lường để ngăn chặn tham nhũng cũng như các giao dịch nội gián, đồng thời đảm bảo việc tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành.

Tại BSC, cam kết hoạt động có trách nhiệm là kim chỉ nam trong mọi hoạt động. Chúng tôi hiểu rằng đạo đức kinh doanh của chúng tôi có thể là một lợi thế cạnh tranh, tạo điều kiện cho chúng tôi:

- Tuân thủ chặt chẽ các thông lệ và các giá trị cốt lõi khi tham gia vào thị trường mới.
- Thành công trong việc nhận dạng, học hỏi và kết hợp các hoạt động kinh doanh hiện tại với văn hóa của chúng tôi.

Bộ Quy tắc ứng xử của BSC quy định toàn thể nhân viên phải luôn đảm bảo mức tuân thủ cao nhất đối với các chuẩn mực về sự chính trực trong mối quan hệ với đồng nghiệp, khách hàng, đối thủ và cộng đồng. Tất cả nhân viên mới đều được huấn luyện về các nội dung quy định trong bộ quy tắc này khi bắt đầu gia nhập Công ty. Bất kỳ nhân viên nào bị nghi ngờ có dấu hiệu thực hiện các hành vi gian lận hoặc nhận hối lộ sẽ bị điều tra trực tiếp bởi ban Thanh tra Nhân dân và đội ngũ quản trị cấp cao.

3. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

3.1 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



3.2 QUẢN TRỊ RỦI RO

Tại BSC, việc kiểm soát rủi ro đã được triển khai trong tác nghiệp hàng ngày, bao quát được các mặt hoạt động của BSC. Một hệ thống QTRR hoàn chỉnh và thống nhất được kỳ vọng sẽ đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng; quản lý rủi ro; ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra; và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ từ các bước thiết lập tình huống xác định rủi ro, đánh giá, phân tích và xử lý rủi ro. Cụ thể như sau:

Thiết lập tình huống rủi ro được bắt đầu từ việc xác định khẩu vị rủi ro được xếp hạng từ thấp đến cao và trên các nguyên tắc đảm bảo khẩu vị rủi ro gắn kết với các mục tiêu và sáng kiến kinh doanh chiến lược của BSC, đảm bảo khẩu vị rủi ro tương thích với quyền lợi và kỳ vọng của các bên liên quan; đảm bảo khẩu vị rủi ro phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro và các giới hạn rủi ro tại BSC; khẩu vị rủi ro phải được chuẩn hóa dưới dạng các thông điệp dễ hiểu và phù hợp với các bên liên quan; khẩu vị rủi ro do Ban điều hành xác định và được HĐQT rà soát, phê duyệt định kỳ ít nhất hàng năm hoặc khi có các biến động trọng yếu.

Thiết lập khả năng chấp nhận rủi ro: Khả năng chấp nhận rủi ro là khả năng dùng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận kỳ vọng (dự kiến) và các nguồn lực tài chính sẵn có để bù đắp tại mọi thời điểm tất cả các rủi ro trọng yếu và những tổn thất tiềm ẩn cố hữu mà BSC chấp nhận.

Xác định các thông số rủi ro: Rủi ro được BSC xếp hạng bằng cách so sánh với nhau và so với một chuẩn mực nhất định nhằm xác định mức độ liên quan của rủi ro đến hoạt động kinh doanh và tính hiệu quả của các giải pháp hiện tại. Các tiêu chí liên quan được BSC sử dụng khi xây dựng các thông số rủi ro bao gồm nhưng không hạn chế ở các tiêu chí tài chính (doanh thu, lợi nhuận, chi phí, vv), danh tiếng, pháp lý, tuân thủ, khách hàng, nhân sự, gián đoạn kinh doanh.

Xác định các nhóm rủi ro: Các nhóm rủi ro được BSC xây dựng như một hướng dẫn để đảm bảo sự thống nhất và hoàn thiện (ở mức có thể) khi nhận diện rủi ro tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh tại BSC. Các nhóm rủi ro là tập hợp tất cả các rủi ro hiện tại hoặc mới xuất hiện mà BSC phải đối mặt, và là một công cụ hữu ích để tiếp tục nhận diện danh mục rủi ro của BSC khi môi trường kinh doanh thay đổi.

BSC xác định rủi ro dựa vào các nhóm rủi ro được xây dựng cho các bộ phận/phòng/ban tương ứng. Xác định rủi ro là trách nhiệm của trưởng bộ phận/phòng/ban. Khi phát hiện ra rủi ro, dựa trên hiểu biết của mình, nhân viên phải thông báo với cấp trên trực tiếp của mình về tính chất của rủi ro và mức độ ảnh hưởng có thể của nó. BSC cân nhắc và đánh giá các rủi ro tiềm tàng trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến các hệ thống và thủ tục hiện tại cũng như đề xuất cho tương lai. Mọi rủi ro được phát hiện được đánh giá và ghi chép lại một cách chi tiết bao gồm cả những kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro và nhân viên trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện những kiểm soát đó.

Mục tiêu chính của việc phân tích rủi ro tại BSC là để ưu tiên phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn để đối phó với những rủi ro ưu tiên cao. Xác định nguyên nhân cốt lõi và hậu quả có thể xảy ra của rủi ro: BSC cân nhắc các nguồn rủi ro và những hậu quả có thể xảy ra của các rủi ro. Việc xác định chính xác nguyên nhân và hậu quả sẽ cho phép các giải pháp QTRR được thiết kế và thực hiện hiệu quả hơn. Bên cạnh đó Công ty thực hiện xếp hạng rủi ro được thực hiện nhằm đánh giá tác động và khả năng xảy ra của rủi ro. Xếp hạng rủi ro được đánh giá sau khi xem xét tính hiệu quả của các kiểm soát hiện tại.

Xử lý rủi ro bằng cách xây dựng các kế hoạch hành động và đồng thời giám sát rà soát liên tục rủi ro. Đối với các rủi ro ưu tiên cao, BSC xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó việc xem xét và giám sát tình trạng của các rủi ro, tính hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro, chiến lược và các cơ chế thiết lập để thực hiện kiểm soát là rất thiết. BSC giám sát một cách thường xuyên rủi ro và tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nhằm xác định sự thay đổi thứ tự ưu tiên của các rủi ro trong trường hợp điều kiện môi trường thay đổi.

Dựa trên nền tảng quản trị rủi ro được phát triển từ năm 2014, BSC tiếp tục xây dựng được các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2017: hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.

Rủi ro hoạt động: BSC đã chuẩn hóa quy trình và các điểm kiểm soát thông qua việc xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung các chính sách và quy trình hoạt động như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ đơn giản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ để giảm thiểu rủi ro.

Đi kèm theo đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm triển khai hệ thống hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng/bổ sung các kịch bản và diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống.

Rủi ro thị trường: BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, việc quản lý hạn mức rủi ro thị trường đang được thực hiện hàng ngày, hàng tuần tại BSC. Việc đo lường tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của BSC được thực hiện hàng ngày và được gửi đến Ban Lãnh Đạo và các phòng kinh doanh. Hàng tuần, các phòng kinh doanh đều được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư.

Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng qua việc báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về tình hình lãi/lỗ của các khoản đầu tư và mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/đối tác, lĩnh vực/ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...

Rủi ro thanh toán: BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Rủi ro thanh toán được tính hàng ngày và được báo cáo lên Ban lãnh đạo BSC và các phòng kinh doanh.

Ngoài ra, rủi ro thanh toán sẽ được báo cáo trong trường hợp đột xuất làm ảnh hưởng đến tính thanh toán của BSC, hoặc khi có yêu cầu từ Ban lãnh đạo.

Rủi ro thanh khoản: BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng từ năm 2014 dựa trên Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, chỉ số thanh khoản 3 năm gần nhất của BSC và chỉ số thanh khoản trung bình của các CTCK chứng khoán khác trên thị trường nhằm đo lường khả năng thanh khoản và so sánh với các chỉ số mục tiêu để đánh giá tính thanh khoản của BSC.

BSC giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Định kỳ hàng quý, BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản của BSC dựa trên các số liệu tại báo cáo cân đối kế toán được xây dựng hàng tháng. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo.

Rủi ro pháp lý: Bộ phận pháp chế của BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của BSC nhằm đảm bảo tính tuân thủ quy định của pháp luật.

4. CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG RỦA TIỀN

BSC đã xây dựng văn bản hướng dẫn về đánh giá khách hàng, chia sẻ thông tin và các nỗ lực trong việc phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, rủi ro tuân thủ và chức năng kiểm soát tuân thủ, các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử... Trong đó điển hình là “Các yêu cầu chú ý xác định khách hàng”. Trong tài liệu này, BSC nhấn mạnh rằng, chất lượng hay độ sâu của các thủ tục nhận biết khách hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn và lành mạnh trong hoạt động của BSC. Theo đó, chính sách phòng chống rửa tiền của BSC nhấn mạnh các nội dung cơ bản sau:

4.1. CÁC GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

Các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản

a. Khách hàng cung cấp thông tin nhận biết khách hàng không chính xác, không đầy đủ, không nhất quán;

b. Khách hàng thuyết phục đối tượng báo cáo không báo cáo giao dịch cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c. Không thể xác định được khách hàng theo thông tin khách hàng cung cấp hoặc giao dịch liên quan đến một bên không xác định được danh tính;

d. Số điện thoại cá nhân hoặc cơ quan do khách hàng cung cấp không thể liên lạc được hoặc không có số này sau khi mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch;

e. Các giao dịch được thực hiện theo lệnh hoặc theo ủy quyền của tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;

f. Các giao dịch mà qua thông tin nhận biết khách hàng hoặc qua xem xét về cơ sở kinh tế và pháp lý của giao dịch có thể xác định được mối liên hệ giữa các bên tham gia giao dịch với các hoạt động phạm tội hoặc có liên quan tới tổ chức, cá nhân có trong danh sách cảnh báo;

g. Các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với số tiền lớn không phù hợp với thu nhập, hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân này;

h. Giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Các dấu hiệu đáng ngờ trong lĩnh vực chứng khoán

a. Giao dịch mua, bán chứng khoán có dấu hiệu bất thường trong một ngày hoặc một số ngày do một tổ chức hoặc một cá nhân thực hiện;

b. Khách hàng thực hiện chuyển nhượng chứng khoán ngoài hệ thống mà không có lý do hợp lý;

c. Công ty chứng khoán chuyển tiền không phù hợp với các hoạt động kinh doanh chứng khoán;

d. Người không cư trú chuyển số tiền lớn từ tài khoản giao dịch chứng khoán ra khỏi Việt Nam;

e. Khách hàng thường xuyên bán danh mục đầu tư và đề nghị công ty chứng khoán thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc;

f. Khách hàng đầu tư bất thường vào nhiều loại chứng khoán bằng tiền mặt hoặc séc trong khoảng thời gian ngắn hoặc sẵn sàng đầu tư vào các danh mục chứng khoán không có lợi;

g. Tài khoản chứng khoán của khách hàng không hoạt động trong một thời gian dài nhưng đột nhiên được đầu tư lớn không phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng;

h. Giao dịch mua, bán chứng khoán có nguồn tiền từ các quỹ đầu tư được mở ở các vùng lãnh thổ được các tổ chức quốc tế xếp loại là có nguy cơ rửa tiền cao. Các giao dịch yêu cầu thực hiện liên quan đến danh sách đen, danh sách cảnh báo (bao gồm: người ra lệnh thực hiện là các cá nhân, tổ chức nằm trong Danh sách đen, Danh sách cảnh báo được cập nhật theo từng thời kỳ)

Khi khách hàng có hành vi đáng ngờ dưới đây hoặc phát sinh nghi ngờ về tính trung thực hoặc đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập từ khi mở tài khoản:

a. Khách hàng không có giấy tờ pháp lý như chứng minh thư, hộ chiếu.

b. Các giao dịch ngoài phạm vi thuộc sở hữu của công ty hoặc kinh nghiệm của khách hàng;

c. Khách hàng có ý định hoặc hành vi hối lộ nhân viên BSC để bằng mọi cách thực hiện giao dịch cho mình;

d. Khách hàng tỏ ra hoảng sợ không có lý do rõ ràng;

e. Khách hàng tỏ ra không quan tâm đến lệ phí và các phí khác;

f. Khách hàng tỏ ra quá lo ngại về tính bảo mật của các giao dịch;

g. Các giao dịch và hành vi khác của khách hàng mà Đơn vị thấy đáng ngờ.

Các hành vi bị cấm

Các hành vi liệt kê dưới đây bị cấm trong hoạt động phòng, chống rửa tiền:

a. Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền;

b. Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

c. Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

d. Cung cấp trái phép nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khách hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác;

e. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống rửa tiền xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

f. Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền;

g. Đe dọa, trả thù người phát hiện, cung cấp thông tin, báo cáo, tố cáo về hành vi rửa tiền.

5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

5.1. NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG

Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

a. Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;

b. Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

c. Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Trong đó, giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;

d. Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ, hoặc số tài khoản của người khởi tạo;

e. Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;

f. Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó;

5.2. XÁC NHẬN THÔNG TIN NHẬN BIẾT VỀ KHÁCH HÀNG

Thông tin nhân biết khách hàng

Thông tin nhận biết khách hàng phải có các thông tin chính sau đây:

a. Thông tin nhận dạng khách hàng

- Đối với khách hàng cá nhân là người Việt Nam: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại, số chứng minh

nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại.

- Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở Việt Nam;

- Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và ở Việt Nam.

- Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai (02) quốc tịch trở lên: ngoài việc cung cấp các thông tin bao gồm họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp; chức vụ; số điện thoại; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu; ngày cấp, nơi cấp; khách hàng cần cung cấp thêm các thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.

- Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; lĩnh vực hoạt động, kinh doanh; thông tin về người thành lập, đại diện cho tổ chức bao gồm các thông tin quy định tại điểm a khoản này.

b. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi

- Xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi;

- Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc khi cung ứng dịch vụ thỏa thuận ủy quyền, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát và chi phối hoạt động của pháp nhân hoặc thỏa thuận ủy quyền đó.

Biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng

Thông tin nhận biết khách hàng có thể được xác minh thông qua việc sử dụng các tài liệu, dữ liệu bao gồm:

a. Đối với khách hàng cá nhân

- Nhận dạng khách hàng cá nhân dựa trên giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp (bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế...);

- Khi có dấu hiệu nghi ngờ thì yêu cầu khách hàng xuất trình thêm các giấy tờ khác có thông tin về nhân thân của khách hàng. Phải lưu lại bản sao đã đối chiếu theo quy định để có thể tìm thêm được những thông tin khi cần thiết;

- Lưu ý kiểm tra dấu thị thực nhập cảnh vào Việt Nam (trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định) đối với khách hàng cá nhân nước ngoài khi sử dụng hộ chiếu để mở tài khoản;

b. Đối với khách hàng tổ chức :

- Xác minh việc những người đại diện tổ chức hoặc những người làm việc nhân danh tổ chức thực sự được ủy quyền căn cứ vào các tài liệu bao gồm: giấy phép hoặc quyết định thành lập; quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; điều lệ; quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, đại diện theo pháp luật của tổ chức; chứng minh thư, hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức; các giấy tờ hợp pháp khác về việc ủy quyền cho người đại diện là chủ tài khoản của tổ chức; các tài liệu khác của người được ủy quyền; các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của tổ chức

c. Ngoài ra, trong các trường hợp cần thiết, việc xác minh thông tin khách hàng có thể được thực hiện thông qua bên thứ ba, cụ thể:

- Thông qua các cá nhân, tổ chức đã hoặc đang có quan hệ với khách hàng và đối chiếu thông tin có được với thông tin khách hàng cung cấp;

- Thông qua cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan;

- Thuê, hợp tác với các tổ chức khác để xác minh nhận dạng khách hàng và chịu trách nhiệm về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.3. CẬP NHẬT THÔNG TIN NHẬN BIẾT KHÁCH HÀNG

Thường xuyên cập nhật thông tin nhận biết khách hàng trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng; bảo đảm các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng.

5.4. PHÂN LOẠI KHÁCH HÀNG THEO MỨC ĐỘ RỦI RO

Xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro rửa tiền

a. Loại khách hàng: người cư trú hoặc không cư trú; tổ chức hoặc cá nhân; khách hàng thuộc hoặc không thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo; lĩnh vực, phương thức hoạt động, kinh doanh.

b. Loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng (gồm cả dự kiến sử dụng): dịch vụ tiền mặt hoặc chuyển khoản; dịch vụ thanh toán hoặc chuyển tiền, đổi tiền; dịch vụ môi giới, ủy thác, ủy quyền; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ hoặc phi nhân thọ.

c. Vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính: các nước trong danh sách cấm vận nêu tại các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc; các nước trong danh sách công khai không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố định kỳ; quốc gia hoặc vùng, lãnh thổ được, nhận định có nhiều hoạt động ma túy, tham nhũng, rửa tiền.

d. Yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định và phân loại phù hợp với thực tế phát sinh.

Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

a. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro thấp: thu thập đầy đủ thông tin về khách hàng và áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đúng quy định;

b. Đối với khách hàng, giao dịch có mức độ rủi ro cao (khách hàng cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; quan hệ ngân hàng đại lý; các giao dịch liên quan đến công nghệ mới; giao dịch có giá trị lớn bất thường,

giao dịch phức tạp đối tượng thuộc loại giám sát đặc biệt hoặc các hoạt động kinh doanh qua giới thiệu): thực hiện các biện pháp nhận biết đã quy định tại mục 1, đồng thời áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường, cụ thể:

- Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng thông thường khi khách hàng lần đầu thiết lập quan hệ hoặc khi khách hàng hiện tại được đánh giá là khách hàng có rủi ro cao. Đối với khách hàng hiện tại, khi đánh giá hoặc đánh giá lại được xếp loại là khách hàng có rủi ro cao, đối tượng báo cáo phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt lại mối quan hệ với khách hàng này và áp dụng các biện pháp tăng cường khác.

- Thu thập bổ sung các thông tin gồm:

» Đối với khách hàng là cá nhân

* Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc có thu nhập chính.

* Mức thu nhập trung bình hàng tháng trong vòng ít nhất 3 (ba) tháng gần nhất của khách hàng;

» Đối với khách hàng là tổ chức

* Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính;

* Tổng doanh thu trong 2 (hai) năm gần nhất;

* Danh sách (họ tên, địa chỉ thường trú) thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng hoặc tương đương;

* Tên, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của công ty mẹ (nếu khách hàng là công ty con) hoặc danh sách tên, địa chỉ, người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện (nếu khách hàng là công ty mẹ).

- Giám sát các giao dịch của khách hàng để đảm bảo giao dịch của khách hàng phù hợp với bản chất, mục đích thiết lập mối quan hệ và hoạt động của khách hàng; kịp thời phát hiện các giao dịch bất thường và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ khi có đủ cơ sở hợp lý theo quy định của pháp luật.

Cập nhật thông tin định kỳ ít nhất 1 (một) năm

một lần hoặc khi đối tượng báo cáo biết thông tin về khách hàng đã có sự thay đổi

Ngăn chặn và phát hiện hoạt động giao dịch nội gián là một trong những thách thức lớn tại nhiều thị trường, đặc biệt là với các thị trường mới nổi và đang phát triển như Việt Nam. Thị trường bao gồm rất nhiều người mua và người bán, việc thiết lập các quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư trên thị trường tự do là hết sức cần thiết.

Chính sách về Giao dịch của BSC nêu rõ quyền lợi khách hàng phải được ưu tiên đảm bảo so với quyền lợi cá nhân của nhân viên. BSC cũng duy trì các chính sách và thủ tục để đảm bảo mức độ tuân thủ, phát hiện và ngăn chặn các hành vi lạm dụng quyền hạn gây ảnh hưởng đến khách hàng. Trong năm 2016, công ty không phát hiện bất kỳ trường hợp gian lận giao dịch nào.

Năm 2017, BSC không có bất kỳ trường hợp bị phạt hoặc chịu các chế tài tài chính do không tuân thủ với các quy định pháp luật.



V. Tăng cường trách nhiệm xã hội

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được BSC đề cao. Năm 2017 tiếp tục là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của BSC được thực hiện, với sự tham gia hăng hái, tích cực của đông đảo CBCNV BSC. Các chương trình từ thiện BSC tổ chức/tham gia không đơn thuần là chuyện của doanh nghiệp đi làm từ thiện, mà chính là cuộc hành trình của những trái tim đầy nhiệt huyết sẵn sàng vượt chặng đường hàng ngàn cây số để sẻ chia lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi, đến từng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cho đi là để góp phần tái thiết tổ quốc được thịnh vượng hơn.

CÙNG BSC NUÔI DƯỠNG CON CHỮ Ở KHA HẠ

Ngày 07/01/2017, Đoàn thanh niên BSC đã tổ chức chương trình từ thiện đến điểm trường Kha Hạ, một trong những phân trường tiểu học gặp nhiều khó khăn của huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn với mong muốn mang đến một cái Tết ấm no cho các em học sinh của trường.



NINH HÒA - CHUNG TAY VƯỢT BÃO

Ngày 19/11/2017, Thanh niên BSC tổ chức chương trình Ninh Hòa - Chung tay vượt bão, hỗ trợ tiền mặt và một số nhu yếu phẩm cho bà con chịu thiệt hại nặng nề sau cơn bão 12 tại huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Đoàn đã đến tận nơi các hộ nghèo, trao tận tay những món quà tình nghĩa. Chương trình được sự ủng hộ và hỗ trợ nhiệt tình từ cán bộ nhân viên BSC để thực hiện chương trình.



HƯỞNG ỨNG CHƯƠNG TRÌNH "GIỌT MÁU TÌNH NGHĨA 2017"

Nhân dịp Sở HNX phối hợp cùng Viện Huyết học - Truyền máu TW tổ chức chương trình "Giọt máu nghĩa tình 2017" ngày 28/7/2017. CBCNV BSC đã hưởng ứng tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo.



TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH TRI ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SĨ 27/07/2017

Việc phát huy truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc; thể hiện lòng biết ơn và trân trọng những cống hiến, hy sinh to lớn của các thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng luôn là một trong những hoạt động được Ban lãnh đạo BSC đề cao và ưu tiên thực hiện. Chính vì vậy, đối với mỗi cán bộ BSC, tri ân Ngày Thương binh - Liệt sĩ luôn là một hoạt động quan trọng và mỗi người đều cảm thấy một phần trách nhiệm của mình khi chuẩn bị và tham gia hoạt động.

Hưởng ứng kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2017), Công ty cổ phần chứng khoán BSC đã tổ chức chương trình thăm hỏi, tặng quà các thương bệnh binh, mẹ liệt sĩ tại Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội.



ĐẦU TƯ VÀO CỘNG ĐỒNG ĐỂ BỒI DƯỠNG THẾ HỆ NỔ TIẾP

Bên cạnh những hoạt động tương thân tương ái, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, BSC nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam, đặc biệt là sự phát triển của nhân sự tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Từ năm 2015 đến nay, BSC tiếp tục là đơn vị đồng tài trợ cho cuộc thi Go Finance mở ra nhiều cơ hội cho các sinh viên kinh tế trẻ tham gia vào TTCK Việt Nam trong tương lai, tăng cường liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và trường học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.



VI. Bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán cũng là một thành viên thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu thành lập, BSC nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển kinh tế của một tổ chức và rộng hơn là quốc gia. BSC sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng: Trong quá trình thực hiện các dự án tư vấn phát hành trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp, BSC đặc biệt quan tâm đến các nội dung phát triển bền vững thông qua việc tư vấn sử dụng nguồn tài chính của đợt phát hành để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh mang tính bền vững của Doanh nghiệp. Dự án điển hình: tư vấn cho Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, với mục đích dùng vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng cho thành phố...

Trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiêu dùng sản phẩm: BSC biến bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống trong công ty. Quan niệm ý thức bảo vệ môi trường được bắt đầu từ những việc nhỏ trong đời sống hàng ngày, năm 2016, BSC tiếp tục thực hiện các chương trình văn phòng xanh, qua đó thúc đẩy tích cực vào việc hình thành thói quen, ý thức bảo vệ môi trường của CBNV BSC. Cụ thể như sau:

- **Tiết kiệm năng lượng điện:** Việc làm đơn giản như tắt đèn khi không sử dụng điện, ưu tiên sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện đã trở thành quy định ngầm tại BSC mà bất kỳ cá nhân nào cũng phải tuân thủ. Bằng biện pháp đó thói quen tiết kiệm điện dần hình thành ở từng cá nhân, góp phần đáng kể cho việc sử dụng năng lượng tiết kiệm của văn phòng. Người đi trước nhắc người đi sau, thói quen sử dụng điện tiết kiệm dần đi vào nếp sống, văn hóa Công ty. Ngay cả nhân viên mới vào cũng nhanh chóng tiếp thu nếp sống tích cực này.
- **Phân loại rác vô cơ hữu cơ:** Hưởng ứng tích cực phong trào bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp tái chế. CBNV BSC đã thực hiện phân loại rác vô cơ và hữu cơ, góp phần tích cực cho công tác tái chế.
- **Sử dụng giấy tiết kiệm:** Khuyến khích in văn bản 2 mặt, lưu trữ văn bản theo hệ thống lưu trữ điện tử, sử dụng giấy tái chế và giấy bảo vệ môi trường trong các ấn phẩm phát hành,... là các biện pháp tích cực được CBNV BSC thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường.
- **Xanh hóa văn phòng:** Năm 2017, BSC tiếp tục phát động phong trào cây xanh văn phòng vừa để tăng tính thẩm mỹ chung, tạo không khí thư giãn trong quá trình làm việc vừa phân giải các chất độc trong không khí, khí nóng thải ra từ máy móc và con người làm việc.



GRI - G4 CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phạm vi của báo cáo

Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững liên tục từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017, được trình bày tương ứng với các khía cạnh GRI, phù hợp với chuẩn mực Báo cáo Phát triển bền vững GRI - hướng dẫn bởi hệ thống chuẩn mực G4, là các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này được biên soạn phù hợp với nguyên tắc "Phù hợp - Cốt lõi".

Liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến Báo cáo phát triển bền vững BSC vui lòng liên hệ:
Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hội sở chính.
Số điện thoại: (+84 24) 39352722.
Email: kehoach@bsc.com.vn.
Địa chỉ: Tầng 11, tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

¹ GRI là khung báo cáo dành cho các tổ chức dùng làm cơ sở để thu thập và truyền thông kết quả hoạt động bền vững và phi tài chính của mình. GRI hướng đến việc cung cấp cách tiếp cận sao cho nhất quán và minh bạch trong việc báo cáo về vấn đề phát triển bền vững. Hệ thống chuẩn mực và hướng dẫn chuẩn mực GRI là tự nguyện và được sử dụng bởi các tổ chức để báo cáo kết quả hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội.

² G4 còn hiệu lực đến hết ngày 30/06/2018. Kể từ ngày 01/07/2018, các Báo cáo Phát triển bền vững sẽ cần tuân thủ GRI Standards. <https://www.globalreporting.org/information/g4/Pages/default.aspx>.

PHỤ LỤC BẢNG TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO GRI G4

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
1	TRÌNH BÀY THÔNG TIN THEO CHUẨN MỤC CHUNG			
1.1	Chiến lược và phân tích			
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp	BCTN - Thông điệp của Tổng Giám đốc; Các cam kết đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của BSC	BCTN; trang 01-05 BCPTBV	
1.2	Thông tin về doanh nghiệp			
G4-3	Tên của doanh nghiệp	BCTN	02 BCTN	
G4-4	Sản phẩm và dịch vụ chính	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-5	Địa chỉ của trụ sở	BCTN - Tổng quan về BSC; BCPTBV - Liên hệ	38 BCPTBV	
G4-6	Số quốc gia nơi doanh nghiệp hoạt động, tên của các quốc gia mà doanh nghiệp có hoạt động chính hoặc các quốc gia liên quan đặc biệt tới vấn đề phát triển bền vững được đưa ra trong báo cáo	Địa bàn hoạt động chính của BSC là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh BIDV trên khắp Việt Nam		
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý	BCTN	02 BCTN	
G4-8	Thị trường phục vụ (bao gồm cả phân tích địa lý, ngành phục vụ và các loại hình khách hàng)	Khách hàng Việt Nam và quốc tế		
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp (số lượng lao động, số lượng loại hình hoạt động, doanh thu thuần, tổng nguồn vốn gồm nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, số loại hình sản phẩm dịch vụ cung cấp)	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	BCPTBV - Phát triển nguồn nhân lực tại BSC	10-12 BCPTBV	
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	100%		
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp	BCTN - Tổng quan về BSC		
G4-13	Thay đổi trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, sở hữu và chuỗi cung ứng	Không có thay đổi đáng kể		
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có hay không cảnh báo trước về các vấn đề tiềm ẩn gây ảnh hưởng đến môi trường	Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, BSC ít có tác động trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường cũng như chưa tiến hành đầu tư có liên quan đến môi trường. Tuy nhiên, BSC chủ động hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường, triển khai lối sống xanh tại công sở		
G4-15	Liệt kê các quy định, điều lệ hoặc các hoạt động liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường và doanh nghiệp đã xây dựng hoặc tuân theo	Luật doanh nghiệp, các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các quy định/chuẩn mực về tài chính - kế toán, FATCA...		
G4-16	Hội viên các hiệp hội	Hiệp hội đầu tư Campuchia, hiệp hội mía đường Việt Nam, hiệp hội cao su Việt Nam, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam...		
1.3	Xác định các lĩnh vực chính và phạm vi báo cáo			

G4-17	Các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương không được đề cập đến trong báo cáo này hay không			BSC không có công ty con
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Giải thích quy trình doanh nghiệp áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	02-05 BCPTBV	
G4-19	Các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	02-05 BCPTBV	
G4-21	Với từng lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	02-05 BCPTBV	
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó và những nguyên tắc của việc trình bày lại đó			Không phát sinh việc trình bày lại thông tin
G4-23	Thay đổi lớn so với báo cáo kỳ trước (về phạm vi báo cáo)	Báo cáo lần này chúng tôi đã mở rộng phạm vi và trình bày đầy đủ hơn GRI		
1.4	Sự tham gia của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với doanh nghiệp	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	04 BCPTBV	
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định của các bên liên quan	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	02-05 BCPTBV	
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	02-05 BCPTBV	
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia các bên liên quan; doanh nghiệp phản hồi như thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	BCPTBV - Các tiêu chí đánh giá chính và mức độ đáp ứng của BSC	04-05 BCPTBV	
1.5	Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	01/01/2017 - 31/12/2017		
G4-29	Kỳ báo cáo gần nhất	01/01/2016 - 31/12/2016		
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên		
G4-31	Đầu mối liên hệ (nếu có)	BCPTBV - Liên hệ	38 BCPTBV	
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	BCPTBV- Phạm vi báo cáo	38 BCPTBV	
1.6	Quản trị			
G4-34	Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp bao gồm các ủy ban và lãnh đạo cấp cao nhất	BCTN - Sơ đồ tổ chức		
1.7	Đạo đức và tính chính trực			
G4-56	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của doanh nghiệp như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức	BCPTBV - Bộ quy tắc ứng xử; BCPTBV - Đạo đức kinh doanh	18-19 BCPTBV	
2	TRÌNH BÀY THÔNG TIN THEO CHUẨN MỤC CHI TIẾT			
2.1	Kinh tế			
2.1.1	Hiệu quả kinh tế			

DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		1 BCPTBV
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	BCPTBV - Kết quả tài chính	5-7 BCPTBV
G4-EC3	Phạm vi trách nhiệm của doanh nghiệp với quỹ hưu trí		BSC chưa có quỹ hưu trí
2.1.2	Các tác động kinh tế gián tiếp		
G4-EC7	Sự phát triển và tác động của hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ lợi ích chung của cộng đồng		BSC chưa có dự án đầu tư nào vào các công trình cơ sở hạ tầng
2.2	Xã hội		
2.2.1	Đối xử với người lao động và Việc làm bền vững		
2.2.1.1	Việc làm		
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		10-17 BCPTBV
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực; vòng quay nhân viên trong kỳ báo cáo theo nhóm tuổi, giới tính và vùng miền	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	10-12 BCPTBV
G4-LA2	Phúc lợi cho nhân viên toàn thời gian, không cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa bàn và hoạt động	BCPTBV - Môi trường làm việc	14-15 BCPTBV
G4-LA10	Các chương trình quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	BCPTBV - Đào tạo và Phát triển	13 BCPTBV
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	10-12 BCPTBV
G4-LA12	Thành phần của Ban lãnh đạo và phân tích người lao động thành các nhóm theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số, và các chỉ số khác về sự đa dạng	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	10-12 BCPTBV
G4-LA16	Số lượng các khiếu nại về lao động đã nhận, xử lý và giải quyết thông qua các cơ chế chính thức về xử lý khiếu nại	Không có khiếu nại	
2.2.1.2	Đào tạo và giáo dục		
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		12-13 BCPTBV
2.2.2	Quyền con người		
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		16-17 BCPTBV
G4-HR1	Tỷ lệ phần trăm và tổng số các thỏa thuận đầu tư lớn có đề cập tới các điều khoản về quyền con người hoặc đã được sàng lọc về vấn đề nhân quyền	BCPTBV - Các thống kê về nguồn nhân lực	16-17 BCPTBV
2.2.3	Xã hội		
2.2.3.1	Cộng đồng địa phương		

DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		32 BCPTBV
G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	BCPTBV - Trách nhiệm xã hội	32-35 BCPTBV
G4-SO2	Các hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực hoặc có khả năng gây ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng		Không có ảnh hưởng tiêu cực nào
2.2.3.2	Chống tham nhũng		
G4-SO3	Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng và các rủi ro trọng yếu đã được xác định	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật	18-19 BCPTBV
2.2.3.3	Tuân thủ		
DMA	Công bố quan điểm quản trị chung		07-08 BCPTBV
G4-SO8	Tổng giá trị bằng tiền của những vụ phạt lớn và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật	Không có vi phạm và phạt trong năm 2017
2.2.4	Trách nhiệm sản phẩm		
2.2.4.1	Dán nhãn sản phẩm và dịch vụ		
G4-PR3	Loại thông tin về sản phẩm dịch vụ theo yêu cầu quy trình của doanh nghiệp và tỷ lệ phần trăm của các sản phẩm và dịch vụ đáng kể cần đáp ứng yêu cầu về thông tin trên	BCPTBV - Hoạt động kinh doanh	05-07 BCPTBV
G4-PR8	Tổng số khiếu nại đáng kể liên quan đến vi phạm sự riêng tư của khách hàng và làm mất dữ liệu khách hàng	BCPTBV - Tuân thủ pháp luật	Không có vi phạm và khiếu nại nào trong năm 2017

Tổng Quan Về BSC

Quản Trị Công Ty

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc Về Kết Quả Hoạt Động 2017

Kế Hoạch Kinh Doanh 2018

Báo Cáo Phát Triển Bền Vững 2017

Báo Cáo Tài Chính

J. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết quả hoạt động
kinh doanh của BSC



Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam 2017 bao gồm 04 báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này trình bày chi tiết, cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của BSC trong năm 2017.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

Thông tin chung	138-139
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	140
Báo cáo kiểm toán độc lập	141-142
Báo cáo tình hình tài chính	143-148
Báo cáo kết quả hoạt động	149-151
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	152-155
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	156-157
Thuyết minh báo cáo tài chính	158-221

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 111/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty hoạt động theo Điều lệ Hoạt động Công ty Chứng khoán số 01/NQ-ĐHĐCĐ được ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2010 và sửa đổi, bổ sung lần thứ hai tại Nghị quyết số 04/NQ - ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 04 năm 2013, sửa đổi bổ sung năm 2016 và 2017.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,10,11 – Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Ánh Sáng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Đỗ Huy Hoài	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thiều Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Ông Lê Ngọc Lâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau :

Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Minh Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau :

Ông Đỗ Huy Hoài	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2015
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2017
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Hoài, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Số tham chiếu: 60758150/19441558

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 73, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 – Thay đổi trong các chính sách kế toán. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”) với hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý và đã trình bày lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



(Handwritten signature)

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.248.134.890.772	1.368.087.432.367
110	I. Tài sản tài chính		2.248.086.357.437	1.367.821.976.518
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	78.555.253.996	436.488.305.264
111.1	a. Tiền		63.555.253.996	106.488.305.264
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	330.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	1.105.262.088.648	361.766.652.647
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	80.020.950.229	77.024.023.168
114	4. Các khoản cho vay	7.3	712.391.418.816	471.678.060.306
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.4	270.875.715.300	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(18.667.226.859)	(18.717.408.668)
117	7. Các khoản phải thu	8	16.636.838.663	34.805.705.685
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		870.910.000	14.945.333.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		15.765.928.663	19.860.372.685
117.4	- <i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>		15.765.928.663	19.860.372.685
118	8. Trả trước cho người bán		177.320.000	298.958.000
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	2.796.400.407	4.868.628.798
122	10. Các khoản phải thu khác	8	58.598.237	208.640
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(21.000.000)	(391.157.322)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	48.533.335	265.455.849
131	1. Tạm ứng		25.000.000	98.500.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		23.533.335	19.896.835
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	147.059.014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		97.840.711.468	83.889.477.937
210	I. Tài sản tài chính dài hạn	7.2	49.959.434.000	50.311.795.942
212	1. Các khoản đầu tư		49.959.434.000	50.311.795.942
212.1	a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		49.959.434.000	50.311.795.942
220	II. Tài sản cố định		11.323.383.438	8.297.959.432
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.927.881.679	6.669.765.241
222	a. Nguyên giá		21.663.390.897	17.485.559.194
223a	b. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.735.509.218)	(10.815.793.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.395.501.759	1.628.194.191
228	a. Nguyên giá		2.782.980.000	2.782.980.000
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.387.478.241)	(1.154.785.809)
250	III. Tài sản dài hạn khác		36.557.894.030	25.279.722.563
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		4.454.298.104	4.007.552.104
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	967.595.926	217.119.939
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	31.136.000.000	21.055.050.520
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.345.975.602.240	1.451.976.910.304

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.136.575.685.363	462.706.636.406
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.136.575.685.363	462.706.636.406
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	14	274.440.000.000	249.500.000.000
312	a. Vay ngắn hạn		274.440.000.000	249.500.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	16.999.345.767	115.583.129.268
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	17	8.491.270.857	4.073.893.672
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.301.179.960	1.737.669.723
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	15.242.196.477	14.627.640.458
323	6. Phải trả người lao động		34.771.326.573	25.116.594.685
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		24.608.003	3.754.346
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.818.070.792	289.480.134
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	240.565.526	153.974.120
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.712.221.408	-
332	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	15	777.534.900.000	51.620.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.209.399.916.877	989.270.273.898
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.209.399.916.877	989.270.273.898
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		976.571.747.207	902.388.700.387
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu		976.374.350.000	902.191.150.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông		976.374.350.000	902.191.150.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		241.713.457	241.713.457
411.5	Cổ phiếu quỹ		(44.316.250)	(44.163.070)
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		54.558.190.566	-
414	Quỹ dự trữ điều lệ		14.708.502.530	5.959.872.250
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		14.708.502.530	5.959.872.250
417	Lợi nhuận chưa phân phối		148.852.974.044	74.961.829.011
417.1	Lợi nhuận đã thực hiện		189.352.068.139	122.038.620.837
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(40.499.094.095)	(47.076.791.826)
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.209.399.916.877	989.270.273.898
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.345.975.602.240	1.451.976.910.304

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	22.1	994.635.000	994.635.000
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	3. Ngoại tệ các loại	22.2		
	a. Đô la Mỹ (USD)		158.043	253.967
	b. Euro (EUR)		86	97
006	4. Cổ phiếu đang lưu hành	22.3	976.322.860.000	902.139.800.000
007	5. Cổ phiếu quỹ	22.3	51.490.000	51.350.000
008	6. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của công ty	22.4	1.022.789.380.000	269.180.790.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		232.798.380.000	154.148.290.000
008.3	b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		789.700.000.000	100.000.000.000
008.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		291.000.000	15.032.500.000
009	7. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	22.5	63.260.000	61.710.000
009.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		63.260.000	61.710.000
010	8. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	22.6	2.005.000.000	100.492.000.000
012	9. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của công ty	22.7	29.230.270.000	19.230.270.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: số lượng chứng khoán

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của nhà đầu tư	22.8	1.612.559.071	1.538.412.183
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.171.738.021	1.112.715.806
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		47.883.424	21.291.401
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		282.670.663	305.242.308
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		76.698.506	86.336.193
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		33.568.457	12.826.475
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	22.9	32.210.609	24.264.256
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		22.871.969	24.134.915
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		290.993	84.101
022.4	c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		9.047.647	45.240
023	3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	22.10	22.776.685	12.267.335
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		16.753.159	17.462.935

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
026	3. Tiền gửi của khách hàng		609.149.766.613	272.265.430.245
027	5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	22.11	236.832.488.110	205.845.001.518
028	5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	22.11	308.902.115.141	51.663.201.830
029	5.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	22.11	47.451.834.102	63.924.953
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		47.450.730.417	62.922.146
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		1.103.685	1.002.807
030	5.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	22.12	15.963.329.260	14.693.301.944
031	4. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	22.13	236.832.488.110	205.845.001.518
031.1	a. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		235.893.400.260	205.559.889.370
031.2	b. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		939.087.850	285.112.148
032	5. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	22.14	9.604.788.099	6.951.124.812
035	8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	22.15	6.358.541.161	7.742.177.132

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		191.710.812.878	108.223.098.784
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	150.866.989.102	99.958.259.065
01.2	b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	33.082.551.286	2.889.297.455
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	23.3	7.761.272.490	5.375.542.264
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	23.3	23.018.830.008	23.650.077.766
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	23.3	123.573.782.657	101.157.435.612
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23.4	189.389.538.611	136.586.035.477
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	23.4	16.792.000.000	14.939.163.437
08	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	23.4	69.000.000	60.000.000
09	7. Doanh thu lưu ký chứng khoán	23.4	12.342.564.612	8.547.529.877
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	23.4	9.973.230.383	19.729.840.216
20	Cộng doanh thu hoạt động		566.869.759.149	412.893.181.169
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(39.347.829.676)	(25.044.419.702)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	23.1	(11.561.656.990)	(252.880.838.813)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23.2	(26.504.853.555)	229.955.192.183
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	24	(1.281.319.131)	(2.118.773.072)
22	2. Lỗ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	(20.501.420)
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	50.181.809	(5.980.690.019)
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		(4.984.024.933)	(2.377.085.060)
27	5. Chi phí môi giới chứng khoán	25	(131.150.592.271)	(94.990.078.869)
28	6. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		(3.700.000.000)	(560.000.000)
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25	(12.868.660.032)	(7.757.388.428)
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	25	(19.355.547.619)	(16.545.715.756)
32	9. Chi phí các dịch vụ khác		370.157.322	(213.544.949)
40	Cộng chi phí hoạt động		(210.986.315.400)	(153.489.424.203)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		2.593	142.058.909
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm		2.625.501.403	4.007.259.693
44	3. Doanh thu khác về đầu tư		-	78.488.428
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	2.625.503.996	4.227.807.030

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(13.114.623)	(101.623.243)
52	2. Chi phí lãi vay		(55.059.214.743)	(55.708.868.042)
55	3. Chi phí tài chính khác		(18.700.000)	(67.065.686)
60	Cộng chi phí tài chính	27	(55.091.029.366)	(55.877.556.971)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	28	(95.551.034.755)	(75.713.801.688)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		207.866.883.624	132.040.205.337
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		65.154.543	28.063.636
72	2. Chi phí khác		(162.730.636)	(53.226.698)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	29	(97.576.093)	(25.163.062)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		207.769.307.531	132.015.042.275
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		201.191.609.800	(100.829.447.363)
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		6.577.697.731	232.844.489.638
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	30.1	(32.796.701.938)	(11.593.973.281)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(32.796.701.938)	(11.593.973.281)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		174.972.605.593	120.421.068.994

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
300 XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
301	Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	23.2	54.558.190.566	-
400	Tổng thu nhập toàn diện khác		54.558.190.566	-
500 XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34.4	1.874	1.290

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:


Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		207.769.307.531	132.015.042.275
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(83.305.302.234)	(56.266.103.045)
03	Khấu hao TSCĐ		1.967.486.469	1.580.363.594
04	Các khoản dự phòng		(420.339.131)	6.194.234.968
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		9.463.792	(115.860.968)
06	Chi phí lãi vay		55.059.214.743	55.708.868.042
08	Dự thu tiền lãi		(140.011.027.372)	(119.608.372.318)
09	Các khoản điều chỉnh khác		89.899.265	(25.336.363)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		26.495.389.763	(229.955.192.183)
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		26.504.853.555	(229.955.192.183)
17	Lỗi khác		(9.463.792)	-
18	Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(33.082.551.286)	(2.773.436.487)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(33.082.551.286)	(2.889.297.455)
21	Lãi khác		-	115.860.968
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.221.581.332.122)	1.411.837.066.080

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)				
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(736.917.738.270)	1.157.422.241.399
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(2.644.565.119)	(20.824.216.080)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(240.713.358.510)	161.076.858.203
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(216.317.524.734)	-
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		14.074.423.000	(11.837.913.000)
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		144.105.471.394	113.042.402.080
37	Giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		2.072.228.391	2.267.266.183
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		63.248.403	(29.347.274)
40	Tăng các tài sản khác		(10.310.772.966)	(3.234.323.270)
41	(Tăng)/giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		12.685.427	(66.715.143)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(750.475.987)	763.625.676
43	Thuế TNDN đã nộp		(35.886.799.431)	-
44	Lãi vay đã trả		(52.543.309.512)	(57.585.918.559)
45	Tăng phải trả cho người bán		4.417.377.185	1.813.447.262
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(4.419.924.935)	(457.264.567)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.704.653.512	46.793.752
48	Tăng phải trả người lao động		9.654.731.888	13.817.405.019
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(98.933.681.858)	55.864.724.399
52	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(248.000.000)	(242.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(1.103.704.488.348)	1.254.857.376.640

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(5.146.146.103)	(4.220.692.846)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		63.336.363	25.336.363
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.082.809.740)	(4.195.356.483)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
72	Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		(153.180)	(44.163.070)
73.2	- Tiền vay khác		8.635.839.480.000	15.603.440.000.000
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(7.884.985.080.000)	(16.470.992.020.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		750.854.246.820	(867.596.183.070)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(357.933.051.268)	383.065.837.087
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	436.488.305.264	53.422.468.177
101.1	Tiền		106.373.778.583	43.422.468.177
101.2	Các khoản tương đương tiền		330.000.000.000	10.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		114.526.681	-
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	78.555.253.996	436.488.305.264
103.1	Tiền		63.564.717.788	106.373.778.583
103.2	Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	330.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.463.792)	114.526.681

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		194.985.464.692.327	84.489.541.133.724
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(183.457.885.493.091)	(102.885.064.419.928)
07	7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		144.790.787.685.539	55.039.215.067.033
08	8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(155.975.066.016.817)	(36.629.583.019.236)
11	11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.686.558.906)	(5.937.939.301)
14	14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.773.377.489.977	6.339.959.938.679
15	15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.772.107.462.661)	(6.348.366.242.069)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		336.884.336.368	(235.481.098)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		272.265.430.245	272.500.911.343
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		272.265.430.245	272.500.911.343
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó có kỳ hạn		205.845.001.518	156.828.160.063
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		51.663.201.830	92.362.945.946
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		63.924.953	210.200.000
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn		14.693.301.944	23.099.605.334
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		609.149.766.613	272.265.430.245
41	Tiền gửi ngân hàng:		609.149.766.613	272.265.430.245
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó có kỳ hạn		236.832.488.110	205.845.001.518
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		308.902.115.141	51.663.201.830
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		47.451.834.102	63.924.953
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn		15.963.329.260	14.693.301.944

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017 (Trình bày lại)	Năm trước (Trình bày lại)		Năm nay		Ngày 31/12/2016 (Trình bày lại)	Ngày 31/12/2017
A	B	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		865.241.713.457	902.388.700.387	37.191.150.000	(44.163.070)	74.183.200.000	(153.180)	902.388.700.387	976.571.747.207
a. Vốn pháp định	21.1	865.000.000.000	902.191.150.000	37.191.150.000	-	74.183.200.000	-	902.191.150.000	976.374.350.000
b. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	241.713.457	241.713.457	-	-	-	-	241.713.457	241.713.457
c. Cổ phiếu quỹ		-	(44.163.070)	-	(44.163.070)	-	(153.180)	(44.163.070)	(44.316.250)
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	21.1	207.782.726	5.959.872.250	5.752.089.524	-	8.748.630.280	-	5.959.872.250	14.708.502.530
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	21.1	207.782.726	5.959.872.250	5.752.089.524	-	8.748.630.280	-	5.959.872.250	14.708.502.530
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	21.1	-	-	-	-	54.558.190.566	-	-	54.558.190.566
5. Lợi nhuận chưa phân phối	21.1	3.478.089.065	74.961.829.011	232.844.489.638	(161.360.749.692)	174.972.605.593	(101.081.460.560)	74.961.829.011	148.852.974.044
Lợi nhuận đã thực hiện		283.399.370.529	122.038.620.837	-	(161.360.749.692)	168.394.907.862	(101.081.460.560)	122.038.620.837	189.352.068.139
Lợi nhuận chưa thực hiện		(279.921.281.464)	(47.076.791.826)	232.844.489.638	-	6.577.697.731	-	(47.076.791.826)	(40.499.094.095)
TỔNG CỘNG		869.135.367.974	989.270.273.898	281.539.818.686	(161.404.912.762)	321.211.256.719	(101.081.613.740)	989.270.273.898	1.209.399.916.877

Người lập:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty), tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là BIDV Securities Joint Stock Company (gọi tắt là BSC) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 111/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Vào ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng với số lượng cổ phiếu được phát hành là 10.274.670 cổ phiếu, tương đương 11,88% vốn điều lệ. Trong đó, 10.195.570 cổ phiếu được mua bởi công chúng và 79.100 cổ phiếu được bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,10,11 - Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 976.374.350.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.209.399.916.877 VND, tổng tài sản là 2.345.975.602.240 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát

triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số quy định hiện hành về hạn chế đầu tư như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, việc đánh giá lại theo giá trị hợp lý đối với một số tài sản tài chính được thực hiện như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu – chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” của báo cáo tình hình tài chính và báo cáo tình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách ghi nhận theo giá trị hợp lý như đã trình bày tại Thuyết minh số 34.6.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng

chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào khoản mục chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay Margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản cho vay (tiếp theo)

đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Giá trị hợp lý/giá thị trường của tài sản tài chính (tiếp theo)

công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán;

- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - » Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - » Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp, cầm cố

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 20 năm

4.15 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Các hợp đồng mua bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các hợp đồng mua bán lại (tiếp theo)

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Các hợp đồng mua lại được theo dõi tại khoản mục “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ” trên báo cáo tình hình tài chính.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu

trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định

dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm nếu không còn lỗ lũy kế để trích lập các quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	63.555.253.996	106.488.305.264
Tiền mặt tại quỹ	38.103.078	70.477.721
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	53.162.497.164	98.712.211.945
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	10.354.653.754	7.705.615.598
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	330.000.000.000
	78.555.253.996	436.488.305.264

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Của công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	44.801.545	1.266.156.505.200
Trái phiếu	132.668.334	14.487.682.297.526
	177.469.879	15.753.838.802.726
2. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	5.855.141.491	93.987.639.473.300
Trái phiếu	1.028.144.265	111.687.184.683.535
Chứng khoán khác	473.650	6.016.262.000
	6.883.759.406	205.680.840.418.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
1. Cổ phiếu niêm yết				
ACB	27.606.808.412	33.221.697.300	4.784.455	5.086.400
HPG	27.292.161.610	32.816.832.100	11.993.798.893	12.087.307.450
DBC	16.326.376.708	16.600.881.900	1.541.593	2.812.000
Khác	93.017.306.552	113.876.573.550	39.403.185.181	42.092.391.330
	164.242.653.282	196.515.984.850	51.403.310.122	54.187.597.180
2. Cổ phiếu chưa niêm yết				
BECAMEXIDC	31.000.000.000	7.500.000.000	-	-
DRI	12.539.597.095	12.185.580.000	-	-
GEX	21.705.452.000	25.138.277.500	-	-
PHVU	58.063.615.500	5.769.081.000	58.063.615.500	8.269.016.100
Khác	122.087.888	65.388.320	112.552.184	46.072.700
	123.430.752.483	50.658.326.820	58.176.167.684	8.315.088.800
3. Trái phiếu niêm yết				
Trái phiếu chính phủ				
TD1747409	300.352.276.978	300.352.276.978	-	-
HCMB17436	180.000.000.000	180.000.000.000	-	-
BVDB17320	148.833.000.000	148.833.000.000	-	-
TD1747430	123.783.000.000	123.783.000.000	-	-
TD1621487	-	-	51.929.666.667	51.929.666.667
TD1623482	-	-	104.824.000.000	104.824.000.000
TD1646503	-	-	34.684.300.000	34.684.300.000
TD1623481	-	-	107.826.000.000	107.826.000.000
Khác	105.119.500.000	105.119.500.000	-	-
	858.087.776.978	858.087.776.978	299.263.966.667	299.263.966.667
	1.145.761.182.743	1.105.262.088.648	408.843.444.473	361.766.652.647

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
1. Trái phiếu		
VIC11501	-	46.737.106.497
	-	46.737.106.497
2. Tiền gửi có kỳ hạn		
NHTM CP Phát triển TP Hồ Chí Minh	30.000.000.000	-
	30.000.000.000	-
3. Chứng chỉ tiền gửi		
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	-	30.286.916.671
Công ty Tài chính TNHH Home Credit	50.020.950.229	-
	50.020.950.229	30.286.916.671
	80.020.950.229	77.024.023.168
Dài hạn		
1. Trái phiếu		
TD1520262	-	311.795.942
CII11713	49.959.434.000	-
	49.959.434.000	311.795.942
2. Chứng chỉ tiền gửi		
Công ty Tài chính TNHH Home Credit	-	50.000.000.000
	-	50.000.000.000
	49.959.434.000	50.311.795.942
	129.980.384.229	127.335.819.110



7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7.3 Các khoản cho vay**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (*) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1. Cho vay hoạt động ký quỹ	601.558.660.566	(18.667.226.859)	582.891.433.707	330.208.846.357	(18.717.408.668)	311.491.437.689
2. Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	110.832.758.250	-	110.832.758.250	141.469.213.949	-	141.469.213.949
	712.391.418.816	(18.667.226.859)	693.724.191.957	471.678.060.306	(18.717.408.668)	452.960.651.638

(*) Giá gốc không bao gồm các khoản dự thu.

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
1. Cổ phiếu niêm yết				
DXG	27.875.512.500	36.866.145.300	-	-
DBD	31.530.110.000	36.618.550.000	-	-
IDC	35.000.000.000	38.920.000.000	-	-
PC1	30.000.000.000	38.600.000.000	-	-
PNJ	31.544.133.000	43.831.780.000	-	-
VCB	23.483.822.000	26.607.000.000	-	-
VCI	26.153.535.000	33.540.000.000	-	-
Khác	10.730.412.234	15.892.240.000	-	-
	216.317.524.734	270.875.715.300	-	-

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng cụ thể các khoản cho vay	18.667.226.859	18.717.408.668
	18.667.226.859	18.717.408.668

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7.6 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính**

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm (Trình bày lại)			
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại (*)	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
FVTPL								
Cổ phiếu niêm yết	164.242.653.282	32.514.799.440	(241.467.872)	196.515.984.850	51.403.310.122	2.875.841.954	(91.554.896)	54.187.597.180
Cổ phiếu chưa niêm yết	123.430.752.483	3.457.049.301	(76.229.474.964)	50.658.326.820	58.176.167.684	13.455.501	(49.874.534.385)	8.315.088.800
Trái phiếu niêm yết	858.087.776.978	-	-	858.087.776.978	299.263.966.667	-	-	299.263.966.667
AFS								
Cổ phiếu niêm yết	216.317.524.734	54.558.190.566	-	270.875.715.300	-	-	-	-
	1.362.078.707.477	90.530.039.307	(76.470.942.836)	1.376.137.803.948	408.843.444.473	2.889.297.455	(49.966.089.281)	361.766.652.647

7.7 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính	Giá trị lập dự phòng cuối năm		
TSTC HTM		129.980.384.229	129.980.384.229	-	-	-
TSTC cho vay		712.391.418.816	693.724.191.957	(18.667.226.859)	(18.717.408.668)	50.181.809
Cộng		842.371.803.045	823.704.576.186	(18.667.226.859)	(18.717.408.668)	50.181.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	870.910.000	14.945.333.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	15.765.928.663	19.860.372.685
2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính	5.617.703.558	7.770.100.654
2.2 Phải thu lãi Margin	10.148.225.105	12.090.272.031
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.796.400.407	4.868.628.798
Trong đó:		
- Chi tiết các khoản phải thu khó đòi về các dịch vụ CTCK cung cấp	42.000.000	719.224.745
4. Trả trước người bán	177.320.000	298.958.000
5. Phải thu khác	58.598.237	208.640
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(21.000.000)	(391.157.322)
Tổng cộng	19.648.157.307	39.582.343.801

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31.12.2016		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31.12.2017	
	Số đầu năm	Số cuối năm			Số đầu năm	Số cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Công ty Cổ phần Quốc tế Năm Sao	590.000.000	295.000.000	-	(295.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Việt An	75.000.000	75.000.000	-	(75.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	12.224.745	8.557.322	-	(8.557.322)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group	42.000.000	12.600.000	8.400.000	-	21.000.000	42.000.000
	719.224.745	391.157.322	8.400.000	(378.557.322)	21.000.000	42.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Tạm ứng	25.000.000	98.500.000
Vật tư văn phòng	14.795.420	11.158.920
Công cụ dụng cụ	8.737.915	8.737.915
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	147.059.014
	48.533.335	265.455.849

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	15.814.782.829	1.004.312.257	666.464.108	17.485.559.194
Mua trong năm	5.040.178.000	-	105.968.103	5.146.146.103
Thanh lý, nhượng bán	(702.253.000)	-	(266.061.400)	(968.314.400)
Số cuối năm	20.152.707.829	1.004.312.257	506.370.811	21.663.390.897
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	9.437.323.976	986.709.116	391.760.861	10.815.793.953
Khấu hao trong năm	1.624.456.430	17.603.141	92.734.466	1.734.794.037
Thanh lý, nhượng bán	(702.253.000)	-	(112.825.772)	(815.078.772)
Số cuối năm	10.359.527.406	1.004.312.257	371.669.555	11.735.509.218
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	6.377.458.853	17.603.141	274.703.247	6.669.765.241
Số cuối năm	9.793.180.423	-	134.701.256	9.927.881.679

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.370.345.808	8.900.792.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Tài sản vô hình khác</i> VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.782.980.000
Số cuối năm	2.782.980.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	1.154.785.809
Hao mòn trong năm	232.692.432
Số cuối năm	1.387.478.241
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	1.628.194.191
Số cuối năm	1.395.501.759

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	921.400.000	921.400.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> (<i>Phân loại lại</i>) VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	109.500.000	-
Chi phí trả trước thuê dịch vụ	858.095.926	163.417.356
Khác	-	53.702.583
	967.595.926	217.119.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Quỹ bù trừ

Theo Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm lưu ký chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng kỳ.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	<i>Quỹ hỗ trợ thanh toán</i>		<i>Quỹ bù trừ</i>	
	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000	10.000.000.000	-
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	13.223.227.395	-	-
Tiền lãi phân bổ	7.792.772.605	7.711.823.125	-	-
	21.136.000.000	21.055.050.520	10.000.000.000	-

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngân hàng		249.500.000.000	5.108.940.000.000	(5.084.000.000.000)	274.440.000.000
Thời hạn vay dưới 1 tháng	5,88%	249.500.000.000	5.093.940.000.000	(5.069.000.000.000)	274.440.000.000
Thời hạn vay từ 1 đến 3 tháng		-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-

15. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

	Lãi suất vay %	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		51.620.500.000	3.526.899.480.000	(2.800.985.080.000)	777.534.900.000

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua các tài sản tài chính		
Phải trả Sở Giao dịch tiền mua chứng khoán của công ty	8.285.442.000	109.955.447.600
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	3.501.671.421	2.506.879.183
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	770.969.843	694.154.558
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	4.441.262.503	2.426.647.927
	16.999.345.767	115.583.129.268

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu Minh Đức	-	732.718.400
Công ty TNHH Tạp dề đồ	683.217.100	397.647.740
Công ty TNHH Một thành viên thương mại và xây dựng Đại Minh	-	428.901.500
Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	2.638.579.090	681.818.182
Công ty cổ phần TMT Công nghệ cao	933.900.000	-
Phải trả khác	4.235.574.667	1.832.807.850
	8.491.270.857	4.073.893.672

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh tăng VND	Số phát sinh giảm VND	Số dư cuối năm VND
I	Thuế phải thu				
1	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	147.059.014	4.342.666.072	(4.489.725.086)	-
II	Thuế phải trả				
1	Thuế giá trị gia tăng	-	1.671.471.755	(1.220.390.945)	451.080.810
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.593.973.281	32.796.701.938	(35.886.799.431)	8.503.875.788
3	Thuế thu nhập cá nhân	400.907.910	8.194.123.519	(7.404.165.295)	1.190.866.134
4	Các loại thuế khác	2.580.480.067	47.976.308.331	(45.460.414.653)	5.096.373.745
	<i>Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>2.363.575.232</i>	<i>43.824.124.150</i>	<i>(41.678.704.257)</i>	<i>4.508.995.125</i>
	<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>4.000.000</i>	<i>(4.000.000)</i>	<i>-</i>
	<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>216.904.835</i>	<i>4.148.184.181</i>	<i>(3.777.710.396)</i>	<i>587.378.620</i>
5	Lãi phạt nộp chậm	52.279.200	-	(52.279.200)	-
		14.627.640.458	90.638.605.543	(90.024.049.524)	15.242.196.477

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	451.440.274	57.138.889
Lãi dự trả cho các hợp đồng chiết khấu, mua bán lại giấy tờ có giá	2.289.673.614	168.069.768
Phải trả khác	76.956.904	64.271.477
	2.818.070.792	289.480.134

20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác cán bộ công ty	49.616.926	-
Tài khoản treo chờ xử lý	88.540.000	135.954.120
Phải trả khách hàng đặt cọc	56.000.000	18.000.000
Phải trả phải nộp khác	46.408.600	20.000
	240.565.526	153.974.120

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**21.1 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 (Trình bày lại)	902.191.150.000	241.713.457	(44.163.070)	-	5.959.872.250	5.959.872.250	74.961.829.011	989.270.273.898
Thù lao và phụ cấp cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(248.000.000)	(248.000.000)
Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	(153.180)	-	-	-	-	(153.180)
Đánh giá lại Tài sản tài chính AFS	-	-	-	54.558.190.566	-	-	-	54.558.190.566
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2016	27.693.770.000	-	-	-	-	-	(27.693.770.000)	-
Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017	46.489.430.000	-	-	-	-	-	(46.489.430.000)	-
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	8.748.630.280	-	(8.748.630.280)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	8.748.630.280	(8.748.630.280)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.153.000.000)	(9.153.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	174.972.605.593	174.972.605.593
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	976.374.350.000	241.713.457	(44.316.250)	54.558.190.566	14.708.502.530	14.708.502.530	148.852.974.044	1.209.399.916.877

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số lượng cổ phần Đơn vị	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	86.040.949	860.409.490.000	88,12%
Các cổ đông khác	11.596.486	115.964.860.000	11,88%
	97.637.435	976.374.350.000	100%

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	97.637.435	90.219.115
Cổ phiếu thường	97.637.435	90.219.115
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	97.637.435	90.219.115
Cổ phiếu thường	97.637.435	90.219.115
Số lượng cổ phần đang lưu hành	97.637.435	90.219.115
Cổ phiếu thường	97.637.435	90.219.115

21.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	189.352.068.139	122.038.620.837
Lợi nhuận chưa thực hiện	(40.499.094.095)	(47.076.791.826)
	148.852.974.044	74.961.829.011

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

22.1 Tài sản cố định thuê ngoài của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản cố định hữu hình	189.352.068.139	122.038.620.837

22.2 Ngoại tệ các loại của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Đô la Mỹ (USD)	158.043	253.967
• Euro (EUR)	86	97

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

22.3 Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Loại < = 1 năm	976.374.350.000	902.191.150.000
• Cổ phiếu đang lưu hành	976.322.860.000	902.139.800.000
• Cổ phiếu quỹ	51.490.000	51.350.000

22.4 Chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi tiết theo		
Loại < = 1 năm;	143.089.380.000	37.347.390.000
Loại > hơn 1 năm	879.700.000.000	231.833.400.000
Tổng cộng	1.022.789.380.000	269.180.790.000

Chi tiết tài sản tài chính đã niêm yết, lưu ký tại VSD của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	232.798.380.000	154.148.290.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	789.700.000.000	100.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	291.000.000	15.032.500.000
Tổng cộng	1.022.789.380.000	269.180.790.000

22.5 Chứng khoán đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Loại < = 1 năm;	63.260.000	61.710.000

22.6 Tài sản tài chính chờ về của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	2.005.000.000	100.492.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****22.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	29.230.270.000	19.230.270.000

22.8 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.171.738.021	1.112.715.806
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	47.883.424	21.291.401
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	282.670.663	305.242.308
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	76.698.506	86.336.193
Tài sản tài chính chờ thanh toán	33.568.457	12.826.475
Tổng cộng	1.612.559.071	1.538.412.183

22.9 Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK (VSD) và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.871.969	24.134.915
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	290.993	84.101
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	9.047.647	45.240
Tổng cộng	32.210.609	24.264.256

22.10 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Cổ phiếu	22.776.685	12.267.335

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****22.11 Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	236.832.488.110	205.845.001.518
• Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	235.893.400.260	205.559.889.370
• Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	939.087.850	285.112.148
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	308.902.115.141	51.663.201.830
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	47.451.834.102	63.924.953
• Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	47.450.730.417	62.922.146
• Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	1.103.685	1.002.807
Tổng cộng	593.186.437.353	257.572.128.301

22.12 Tiền gửi của tổ chức phát hành

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	9.604.788.099	6.951.124.812
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	6.358.541.161	7.742.177.132
Tổng cộng	15.963.329.260	14.693.301.944

22.13 Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	236.832.488.110	205.845.001.518
• Của nhà đầu tư trong nước	235.893.400.260	205.559.889.370
• Của nhà đầu tư nước ngoài	939.087.850	285.112.148
Tổng cộng	236.832.488.110	205.845.001.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

22.14 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	-	1.824.260.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	4.785.300.000
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn	9.459.729.899	-
Các tổ chức khác	145.058.200	341.564.812
	9.604.788.099	6.951.124.812

22.15 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức	3.804.611.466	5.064.893.412
Gốc và lãi trái phiếu	570.728.080	570.728.080
Khác	1.983.201.615	2.106.555.640
	6.358.541.161	7.742.177.132



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LÃI, LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

23.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	17.092.790		496.898.865.000		61.087.921.967	(9.113.162.685)	51.974.759.282	(18.103.636.422)
	HBC	840.000	51.741	43.462.283.000	32.017	16.567.737.200	-	16.567.737.200	-
	MBB	938.760	22.270	20.906.382.000	14.667	7.137.518.941	-	7.137.518.941	874.085.095
	REE	2.580.000	36.191	93.371.645.000	33.829	6.951.081.773	(858.797.397)	6.092.284.376	-
	HT1	1.429.440	14.799	21.154.597.000	19.354	-	(6.510.475.867)	(6.510.475.867)	-
	Cổ phiếu khác	11.304.590		318.003.958.000		30.431.584.053	(1.743.889.421)	28.687.694.632	(18.977.721.517)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	501.000		5.969.760.000		56.552.000	(478.494.305)	(421.942.305)	(219.906.647.017)
	THC	-		-		-	-	-	(219.996.000.000)
	Cổ phiếu khác	501.000		5.969.760.000		56.552.000	(478.494.305)	(421.942.305)	89.352.983
3	Trái phiếu niêm yết	42.540.834		4.681.383.962.526		89.331.836.777	(1.970.000.000)	87.361.836.777	76.481.730.928
	TD1747409	2.920.000	103.681	302.747.920.000	100.117	10.405.036.978	-	10.405.036.978	-
	TD1747430	1.500.000	115.398	173.096.500.000	108.273	10.687.000.000	-	10.687.000.000	-
	TD1631462	2.000.000	108.556	217.112.000.000	102.965	11.182.000.000	-	11.182.000.000	19.902.000.000
	TD1747411	3.220.000	110.583	356.076.740.000	105.131	17.553.360.000	-	17.553.360.000	-
	TD1631464	500.000	117.306	58.653.000.000	121.246	-	(1.970.000.000)	(1.970.000.000)	297.500.000
	Trái phiếu khác	32.400.834		3.573.697.802.526		39.504.439.799	-	39.504.439.799	56.282.230.928
4	Trái phiếu chưa niêm yết	97		99.504.667.528		390.678.358	-	390.678.358	8.605.972.763
	Trái phiếu khác	97		99.504.667.528		390.678.358	-	390.678.358	8.605.972.763
	Tổng cộng	60.134.721		5.283.757.255.054		150.866.989.102	(11.561.656.990)	139.305.332.112	(152.922.579.748)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LÃI, LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2017 (*) VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	Loại FVTPL	287.673.405.765	247.174.311.670	(40.499.094.095)	(47.076.791.826)	6.577.697.731	33.082.551.286	(26.504.853.555)
1	Cổ phiếu niêm yết	164.242.653.282	196.515.984.850	32.273.331.568	2.784.644.402	29.488.687.166	29.639.005.486	(150.318.320)
	ACB	27.606.808.412	33.221.697.300	5.614.888.888	301.945	5.614.586.943	5.614.586.943	-
	HPG	27.292.161.610	32.816.832.100	5.524.670.490	93.508.557	5.431.161.933	5.431.161.933	-
	HT1	13.599.698.323	13.430.021.850	(169.676.473)	140.030	(169.816.503)	(140.030)	(169.676.473)
	MBB	14.493.611.028	25.099.060.800	10.605.449.772	200.818	10.605.248.954	10.605.248.954	-
	Khác	81.250.373.909	91.948.372.800	10.697.998.891	2.690.493.052	8.007.505.839	7.988.147.686	19.358.153
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	123.430.752.483	50.658.326.820	(72.772.425.663)	(49.861.436.228)	(22.910.989.435)	3.443.545.800	(26.354.535.235)
	PHVU	58.063.615.500	5.769.081.000	(52.294.534.500)	(49.794.599.400)	(2.499.935.100)	-	(2.499.935.100)
	BECAMEXIDC	31.000.000.000	7.500.000.000	(23.500.000.000)	-	(23.500.000.000)	-	(23.500.000.000)
	GEX	21.705.452.000	25.138.277.500	3.432.825.500	-	3.432.825.500	3.432.825.500	-
	DRI	12.539.597.095	12.185.580.000	(354.017.095)	-	(354.017.095)	-	(354.017.095)
	Cổ phiếu khác	122.087.888	65.388.320	(56.699.568)	(66.836.828)	10.137.260	10.720.300	(583.040)
II	AFS	216.317.524.734	270.875.715.300	54.558.190.566	-	54.558.190.566	54.558.190.566	-
1	Cổ phiếu niêm yết	216.317.524.734	270.875.715.300	54.558.190.566	-	54.558.190.566	54.558.190.566	-
	DXG	27.875.512.500	36.866.145.300	8.990.632.800	-	8.990.632.800	8.990.632.800	-
	PNJ	31.544.133.000	43.831.780.000	12.287.647.000	-	12.287.647.000	12.287.647.000	-
	PC1	30.000.000.000	38.600.000.000	8.600.000.000	-	8.600.000.000	8.600.000.000	-
	VCI	26.153.535.000	33.540.000.000	7.386.465.000	-	7.386.465.000	7.386.465.000	-
	Cổ phiếu khác	100.744.344.234	118.037.790.000	17.293.445.766	-	17.293.445.766	17.293.445.766	-
	Cộng	503.990.930.499	518.050.026.970	14.059.096.471	(47.076.791.826)	61.135.888.297	87.640.741.852	(26.504.853.555)

*) Giá trị đánh giá lại là giá trị hợp lý của chứng khoán được thể hiện cho mục đích thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LÃI, LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	7.761.272.490	5.375.542.264
Từ tài sản tài chính HTM	23.018.830.008	23.650.077.766
Từ các khoản cho vay và phải thu	123.573.782.657	101.157.435.612
	154.353.885.155	130.183.055.642

23.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	189.389.538.611	136.586.035.477
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	16.792.000.000	14.939.163.437
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	9.973.230.383	19.729.840.216
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư	69.000.000	60.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.342.564.612	8.547.529.877
	228.566.333.606	179.862.569.007

24. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu	407.753.425	234.206.615
Trái phiếu	873.565.706	1.884.566.457
	1.281.319.131	2.118.773.072

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	131.150.592.271	94.990.078.869
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.700.000.000	560.000.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.868.660.032	7.757.388.428
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	19.355.547.619	16.545.715.756
Chi phí dịch vụ khác	(370.157.322)	213.544.949
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	(50.181.809)	5.980.690.019
	166.654.460.791	126.047.418.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.593	142.058.909
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.593	26.197.941
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	115.860.968
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	2.625.501.403	4.007.259.693
Doanh thu khác về đầu tư	-	78.488.428
	2.625.503.996	4.227.807.030

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.650.831	101.623.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	9.463.792	-
Chi phí lãi vay	55.059.214.743	55.708.868.042
Chi phí tài chính khác	18.700.000	67.065.686
	55.091.029.366	55.877.556.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.669.839.114	41.531.417.289
- Lương và các khoản phúc lợi	45.488.273.596	39.445.591.318
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	2.181.565.518	2.085.825.971
Chi phí văn phòng phẩm	251.658.675	195.227.486
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.071.990.528	1.786.866.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.763.296.364	1.404.914.677
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.972.633.771	3.142.088.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.893.912.424	26.249.530.625
Chi phí khác	7.927.703.879	1.403.756.415
	95.551.034.755	75.713.801.688

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu khác		
- Thu từ bán thanh lý tài sản cố định	63.336.363	25.336.363
- Doanh thu khác	1.818.180	2.727.273
	65.154.543	28.063.636
Chi phí khác		
- Lãi phạt chậm nộp thuế	9.495.008	53.226.698
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	153.235.628	-
	162.730.636	53.226.698
	(97.576.093)	(25.163.062)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
1. Lãi trước thuế TNDN	207.769.307.531	132.015.042.275
Các khoản mục điều chỉnh:		
Trừ: Thu nhập từ cổ tức	(3.961.272.490)	(5.375.542.264)
Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính	(33.082.551.286)	(2.889.297.455)
Chênh lệch chi phí dự phòng theo tuổi nợ và theo phương pháp tài sản	(6.759.823.907)	-
Chuyển lỗ của những năm trước	-	(80.353.171.960)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	9.495.008	14.572.835.809
2. Thu nhập chịu thuế	163.975.154.856	57.969.866.405
3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	32.796.701.938	11.593.973.281
4. Thuế TNDN phải nộp đầu năm	11.593.973.281	-
5. Thuế TNDN đã nộp trong năm	(35.886.799.431)	-
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối năm	8.503.875.788	11.593.973.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THỂ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	100.000.000.000
Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	789.700.000.000	150.000.000.000
TD1623482	-	100.000.000.000
CII11713	49.700.000.000	-
TD1621487	-	50.000.000.000
TD1747409	300.000.000.000	-
TD1732403	50.000.000.000	-
HCMB17436	140.000.000.000	-
HCMB17435	50.000.000.000	-
TD1747430	100.000.000.000	-
BVDB17320	100.000.000.000	-
	789.700.000.000	250.000.000.000

32. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	1.406.867.767	439.647.266

33. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- Có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;

- Có quyền đồng kiểm soát Công ty;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)
Công ty Liên doanh Tháp BIDV (BIDV Tower)

Mối quan hệ

Ngân hàng mẹ
Công ty con của BIDV
Công ty con của BIDV
Công ty liên doanh của BIDV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
			Năm nay VND	Năm trước VND
BIDV	Ngân hàng mẹ	Thu lãi tiền gửi	8.120.724.445	8.401.159.150
		Thu lãi trái phiếu	-	378.317.070
		Thu phí dịch vụ	990.420.780	8.557.073.736
		Chi phí dịch vụ	(24.584.408.203)	(14.020.511.922)
		Phụ trội trái phiếu	-	(20.501.420)
BIDC	Công ty con của BIDV	Thu lãi tiền gửi	472.847.222	945.236.110
BIC	Công ty con của BIDV	Thu phí môi giới chứng khoán	89.467.860	174.191.498
BIDV Tower	Công ty Liên doanh với BIDV	Chi phí thuê văn phòng	(13.889.997.524)	(11.215.784.651)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(phải trả)	
			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
BIDV	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi (bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư)	568.899.257.506	517.739.888.055
		Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	90.370.685	60.163.110
		Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	384.805.556
		Phải trả chi phí dịch vụ	(951.542.691)	(247.213.965)
BIDC	Công ty con của BIDV	Tiền gửi	20.003.875.607	15.004.881.014
		Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	11.458.333
BIDV Tower	Công ty Liên doanh với BIDV	Đặt cọc thuê văn phòng	3.256.630.104	2.891.650.104
		Phải trả tiền điện nước	-	(50.000.000)
BIC	Công ty con của BIDV	Mua cổ phiếu (lô lẻ)	750.495	571.170

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay VND	Năm nay VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (*)	8.078.947.988	6.331.604.562

(*) Trong đó, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chuyển về BIDV do các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát làm đại diện phần vốn của BIDV tại Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

34.2 Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	325.305.885.880	195.948.630.250	26.834.230.383	21.406.516.632	569.495.263.145
2. Các chi phí trực tiếp	143.969.070.494	44.331.854.609	22.685.390.297	55.091.029.366	266.077.344.766
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ (*)	54.580.461.014	32.876.646.376	4.502.299.924	3.591.627.441	95.551.034.755
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	126.756.354.372	118.740.129.265	(353.459.838)	(37.276.140.175)	207.866.883.624
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
1. Tài sản bộ phận	705.918.196.938	1.429.168.688.011	729.620.531	98.438.113.724	2.234.254.619.204
- Tiền và tương đương tiền	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	-	1.105.262.088.648	-	-	1.105.262.088.648
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	270.875.715.300	-	-	270.875.715.300
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	-	-	80.020.950.229	80.020.950.229
- Các khoản cho vay	712.391.418.816	-	-	-	712.391.418.816
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(18.667.226.859)	-	-	-	(18.667.226.859)
- Các khoản phải thu	10.148.225.105	3.071.450.063	-	3.417.163.495	16.636.838.663
- Phải thu các dịch vụ công ty cung cấp	2.045.779.876	-	750.620.531	-	2.796.400.407
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	(21.000.000)	-	(21.000.000)
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	49.959.434.000	-	-	49.959.434.000
2. Tài sản phân bổ (*)	63.817.024.846	38.440.308.485	5.264.216.915	4.199.432.790	111.720.983.036
- Tiền và tương đương tiền	36.303.898.454	21.867.723.529	2.994.680.445	2.388.951.568	63.555.253.996
- Trả trước cho người bán	101.288.357	61.011.238	8.355.198	6.665.207	177.320.000
- Phải thu khác	33.472.362	20.162.142	2.761.109	2.202.624	58.598.237
- Tài sản ngắn hạn khác	27.723.109	16.699.069	2.286.858	1.824.299	48.533.335
- Tài sản cố định	6.468.119.261	3.896.084.161	533.550.144	425.629.872	11.323.383.438
- Tài sản dài hạn khác	20.882.523.303	12.578.628.346	1.722.583.161	1.374.159.220	36.557.894.030
Tổng tài sản	769.735.221.784	1.467.608.996.496	5.993.837.446	102.637.546.514	2.345.975.602.240

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

34.2 Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Tư vấn tài chính	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
1. Nợ phải trả bộ phận	13.570.445.422	8.285.442.000	1.301.179.960	1.054.716.013.888	1.077.873.081.270
- Người mua trả tiền trước	-	-	1.301.179.960	-	1.301.179.960
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.713.903.767	8.285.442.000	-	-	16.999.345.767
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.767.955.252	-	-	-	4.767.955.252
- Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	-	-	-	777.534.900.000	777.534.900.000
- Chi phí phải trả	46.403	-	-	2.741.113.888	2.741.160.291
- Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	274.440.000.000	274.440.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	88.540.000	-	-	-	88.540.000
2. Nợ phải trả phân bổ (*)	33.531.977.989	20.198.051.870	2.766.026.873	2.206.547.361	58.702.604.093
- Phải trả người bán	4.850.365.872	2.921.627.275	400.102.921	319.174.789	8.491.270.857
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.983.074.033	3.603.916.229	493.539.139	393.711.824	10.474.241.225
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	86.839.701	52.308.062	7.163.340	5.714.423	152.025.526
- Phải trả người lao động	19.862.003.999	11.963.916.568	1.638.401.315	1.307.004.691	34.771.326.573
- Chi phí phải trả	43.932.655	26.462.920	3.623.971	2.890.955	76.910.501
- Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	14.056.532	8.466.979	1.159.512	924.980	24.608.003
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.691.705.197	1.621.353.837	222.036.675	177.125.699	4.712.221.408
Tổng nợ phải trả	47.102.423.411	28.483.493.870	4.067.206.833	1.056.922.561.249	1.136.575.685.363

(*) Chi phí, tài sản và nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	1.512.000.000	-
Trên 1 - 5 năm	40.373.175.000	51.448.897.500
	41.885.175.000	51.448.897.500

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

34.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	174.972.605.593	120.421.068.994
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - đơn vị	93.366.896	93.366.896
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.874	1.290

Lãi trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong tháng 7 và tháng 11 năm 2017.

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do trong năm 2016 và năm 2017, Công ty hầu như không tham gia vào các giao dịch ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu trên sàn UPCOM của Công ty là 504.778.446.350 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm đi khoảng 23.390.273.105 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lãi của Công ty sẽ tăng lên khoảng 23.390.273.105 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu bị suy giảm như được trình bày dưới đây:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

34.5 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 – 6 tháng	6 – 12 tháng	Trên 1 năm		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	858.087.776.978	-	-	-	-	-	858.087.776.978
Trái phiếu	858.087.776.978	-	-	-	-	-	858.087.776.978
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	135.288.325.787	-	-	-	-	-	135.288.325.787
Trái phiếu	51.879.462.063	-	-	-	-	-	51.879.462.063
Tiền gửi	83.408.863.724	-	-	-	-	-	83.408.863.724
Các khoản cho vay	703.872.417.062	-	-	-	-	18.667.226.859	722.539.643.921
Tài sản tài chính khác	39.786.288.748	-	-	-	-	42.000.000	39.828.288.748
Phải thu bán các tài sản tài chính	870.910.000	-	-	-	-	-	870.910.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	2.754.400.407	-	-	-	-	42.000.000	2.796.400.407
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.454.298.104	-	-	-	-	-	4.454.298.104
Phải thu khác (*)	31.706.680.237	-	-	-	-	-	31.706.680.237
TỔNG CỘNG	1.737.034.808.575	-	-	-	-	18.709.226.859	1.755.744.035.434

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro, đã khấu trừ giá trị tài sản đảm bảo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

34.5 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2017						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	247.174.311.670	858.087.776.978	-	-	1.105.262.088.648
Cổ phiếu niêm yết (*)	-	196.515.984.850	-	-	-	196.515.984.850
Cổ phiếu trên sàn Upcom (*)	-	37.386.746.200	-	-	-	37.386.746.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	13.271.580.620	-	-	-	13.271.580.620
Trái phiếu	-	-	858.087.776.978	-	-	858.087.776.978
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	83.408.863.724	51.879.462.063	-	135.288.325.787
Trái phiếu	-	-	-	51.879.462.063	-	51.879.462.063
Tiền gửi	-	-	83.408.863.724	-	-	83.408.863.724
Các khoản cho vay	18.667.226.859	-	703.872.417.062	-	-	722.539.643.921
Tài sản tài chính khác	42.000.000	-	35.331.990.644	4.454.298.104	-	39.828.288.748
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	870.910.000	-	-	870.910.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	42.000.000	-	2.754.400.407	-	-	2.796.400.407
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	4.454.298.104	-	4.454.298.104
Phải thu khác (*)	-	-	31.706.680.237	-	-	31.706.680.237
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	63.555.253.996	15.029.250.000	-	-	78.584.503.996
TỔNG CỘNG	18.709.226.859	310.729.565.666	1.695.730.298.408	56.333.760.167	-	2.081.502.851.100
NỢ TÀI CHÍNH						
Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	1.054.716.013.888	-	-	1.054.716.013.888
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	16.999.345.767	-	-	16.999.345.767
Phải trả, phải nộp khác	-	-	49.618.129.231	-	-	49.618.129.231
TỔNG CỘNG	-	-	1.121.333.488.886	-	-	1.121.333.488.886
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	18.709.226.859	310.729.565.666	574.396.809.522	56.333.760.167	-	960.169.362.214

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty đang tham gia các hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán có kỳ hạn dưới 3 tháng. Tài sản của Công ty được dùng để giao dịch trong các hợp đồng này là các trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 740.000.000.000 VND, giá trị theo sổ kế toán là 768.476.776.978 VND, giá trị bán là 777.534.900.000 VND và giá trị mua lại là 780.716.000.000 VND.

Công ty cũng sử dụng các trái phiếu để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, mệnh giá trái phiếu được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 49.700.000.000 VND (Tại 31 tháng 12 năm 2016, mệnh giá các khoản trái phiếu được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là: 100.000.000.000 VND).

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong năm tài chính 2017, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 334 và Luật Kế toán mới, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay

a. Trích từ báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

NGUỒN VỐN	<i>Diễn giải</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày)</i>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 334 và Luật kế toán mới</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.362.064.037.732	6.023.394.634	1.368.087.432.367
Tài sản tài chính		1.361.796.842.133	6.025.134.384	1.367.821.976.518
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	[1] [2]	358.921.518.262	2.845.134.385	361.766.652.647
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	[3]	1.688.628.798	3.180.000.000	4.868.628.798
Tài sản ngắn hạn khác	[3]	267.195.599	(1.739.750)	265.455.849
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	[3]	148.798.764	(1.739.750)	147.059.014
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.445.953.515.669	6.023.394.635	1.451.976.910.304
A. NỢ PHẢI TRẢ		462.018.357.206	688.279.200	462.706.636.406
Nợ phải trả ngắn hạn		462.018.357.206	688.279.200	462.706.636.406
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	[3]	13.939.361.258	688.279.200	14.627.640.458
VỐN CHỦ SỞ HỮU		983.935.158.463	5.335.115.435	989.270.273.898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	[1]	902.432.863.457	(44.163.070)	902.388.700.387
Lợi nhuận chưa phân phối		69.582.550.506	5.379.278.505	74.961.829.011
Lợi nhuận đã thực hiện	[3]	119.548.639.787	2.489.981.050	122.038.620.837
Lợi nhuận chưa thực hiện	[2]	(49.966.089.281)	2.889.297.455	(47.076.791.826)
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		983.935.158.463	5.335.115.435	989.270.273.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.445.953.515.669	6.023.394.635	1.451.976.910.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

34.6 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ báo cáo kết quả hoạt động

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2016 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 334 và Luật kế toán mới	Năm 2016 (trình bày lại)
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		346.302.295.602	(238.079.196.818)	108.223.098.784
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	[2]	240.968.494.273	(238.079.196.818)	2.889.297.455
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	[3]	11.759.163.437	3.180.000.000	14.939.163.437
Cộng doanh thu hoạt động		647.792.377.987	(234.899.196.818)	412.893.181.169
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(266.012.913.975)	240.968.494.273	(25.044.419.702)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ		(11.013.302.090)	240.968.494.273	229.955.192.183
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	[4]	(16.759.260.705)	213.544.949	(16.545.715.756)
Chi phí khác		-	(213.544.949)	(213.544.949)
Cộng chi phí hoạt động		(394.457.918.476)	240.968.494.273	(153.489.424.203)
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	[3]	(75.712.061.938)	(1.739.750)	(75.713.801.688)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		125.972.647.632	6.067.557.705	132.040.205.337
Chi phí khác	[3]	(947.498)	(52.279.200)	(53.226.698)
Cộng kết quả hoạt động khác		27.116.138	(52.279.200)	(25.163.062)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		125.999.763.770	6.015.278.505	132.015.042.275
CHI PHÍ THUẾ TNDN	[3]	(10.957.973.281)	(636.000.000)	(11.593.973.281)
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		115.041.790.489	5.379.278.505	120.421.068.994

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- [1]: Phân loại lại cổ phiếu BSI từ tài sản tài chính FVTPL sang cổ phiếu quỹ.
- [2]: Đánh giá chênh tăng tài sản tài chính tại ngày 31/12/2016.
- [3]: Ghi tăng doanh thu đại lý phát hành đảm bảo tính đúng kỳ.
- [4]: Trình bày lại theo quy định của thông tư 334.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.7 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Trong tháng 1 năm 2018, Công ty đã phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu phổ thông ra công chúng để tăng vốn cổ phần. Sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần này, vốn điều lệ của Công ty là 1.076.374.350.000 đồng Việt Nam.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Kế toán

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán Trưởng

Ông Đỗ Huy Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 3 năm 2018





Công ty Cổ phần chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

 www.bsc.com.vn

 *Trụ sở chính*
Trụ sở chính: Tầng 10,11 Toà tháp BIDV,
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

 HN:(024) 3935 2722 | HCM:(028) 3821 8885

Chi nhánh
Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ,
Q.1, Tp Hồ Chí Minh